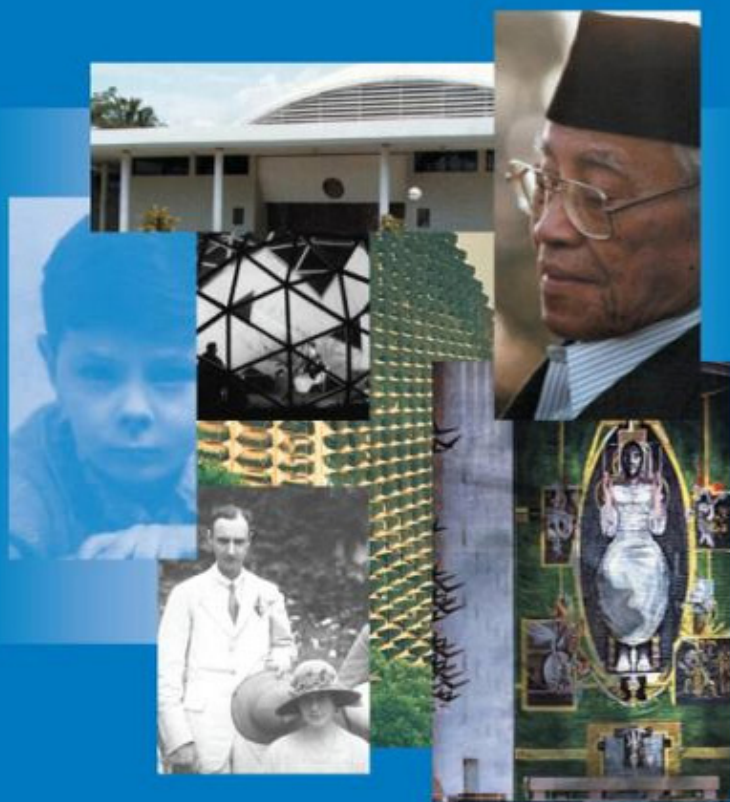


# REMINISCENCES OF BAPAK AND OF MY LIFE



A MEMOIR  
by  
ARTHUR ABDULLAH POPE

## **Hồi ức về Đời tôi và Bapak**

Nguyên tác **Reminiscences of Bapak and of my Life** của  
**Arthur Abdullah Pope**

**Minh Thần** dịch Việt ngữ 2007

© Điện sách 05.2017 Góc Nhỏ

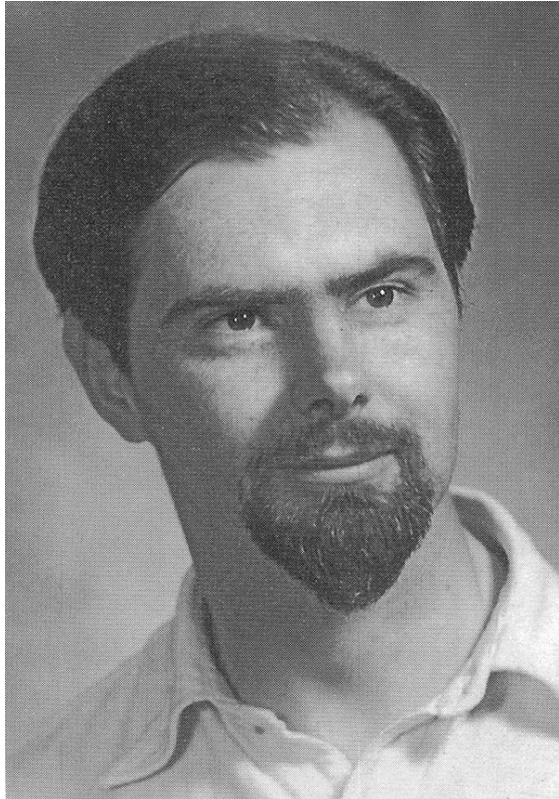
Arthur Abdullah Pope

Hồi ức  
về Đời tôi và Bapak

Minh Thần  
dịch 2007







# Mục lục

## Chương: The coming of Subud

Subud lúc ban đầu	11
Đòi hỏi tự do	14
Trở thành phụ tá	15
Một vài hội viên nổi tiếng	18
Luân hồi	21

## Chương: America

Những ngày đầu tiên ở Mỹ	23
Bapak gần chúng ta, nếu chúng ta thực sự cần	26
Đời sống ở Los Angeles	29
Shafruddin	34

## Chương: Indonesia

Đến Jakarta	37
Đến Wisma Subud ở	40
Tâm thần lên cơn	43
Bản tính thú vật	45
Nhìn vào cặp mắt của Bapak	46
Những lối chữa bệnh kì diệu	47
“Xung đột”	49

## Chương: Back to Europe

Dịp may cuối cùng cho nhân loại	51
---------------------------------	----

## Chương: Wisma Subud Again

Tụ tập phá rối ở Bali	52
Lúc đảo chánh	54
Thái độ của Bapak đối với tiền bạc	57

## Chương: New Zealand and back to Indonesia

Hãy uống một li nước 59

## Chương: The latihan hall and the 1971 world congress

Nafsu của Bapak 60

## Chương: Life in Wisma Subud I

Ba người minh triết 62

Tôn trọng người chết 64

## Chương: Life in Wisma Subud II

Những chuyện gia đình 65

Lối ăn mặc 67

Bapak không dành ưu tiên cho thành phần ưu tú 69

Bapak và thức ăn 71

Hãy dừng cảm! 72

Một ngôi nhà lịch sử ở Perth 74

Thiên Chúa giáo Thánh Thần 75

## Chương: International affairs

Ông đại sứ của Trinidad 77

Ý kiến của Bapak về những biến cố quốc tế 79

## Chương: Bapak's last years

Thăm viếng Brunei 81

Đọc chỉ tay của tôi 85

## Chương IDC

Những điều nhận thấy trong trạng thái gần chết 86

Cái thế giới bên kia là cái thực sự hơn 88

## Chương: Some last Thought

Pha trộn	90
Ung thư	93
Nhìn tương lai	96
<b>Chương cuối</b>	
Những suy nghĩ về cái chết	101



## Vài lời nói đầu

Nhan đề của nguyên bản là *Reminiscences of Bapak and of my life* mà tác giả là Arthur Abdullah Pope. Ông Pope sinh ngày 12 tháng 4 năm 1928 tại Tích Lan. Phụ thân ông là một người quản lí đồn điền cao-su ở đó, và mẫu thân ông là một nữ y tá. Năm 1932 gia đình ông về Anh định cư tại tỉnh Salerton ở Devon. Thời niên thiếu của ông không có biến cố nào đặc biệt ngoài việc được chứng kiến những cuộc dội bom của Đức. Ông nhập ngũ khi thế chiến thứ hai vừa mới kết thúc và đơn vị ông được phái tới Ai Cập. Năm 1948 ông được giải ngũ, trở về nước để theo học môn kiến trúc; cái thời gian này cũng làm lúc ông được làm quen với lối tu tập của Gurjieff và ông đến Coombe Spring ở trong năm 1949. Lúc này thì ông rất say mê nghiên cứu tâm linh và cũng là cái giai đoạn đầu về cuộc đời Subud của mình. Năm 1954 ông làm quen với cô Jennie Stewart, một người sau đó trở thành người bạn đời của ông, và có cái tên Subud là Salamah. Năm 1959 ông qua Mỹ ở, kiếm được việc làm việc tại đó, và là một trong những người đầu tiên có công lao xây dựng Subud Mỹ. Năm 1962 ông qua Nam Dương đến Wisma Subud ở, nhưng phải trở về nước liền sau đó, vì những biến cố chính trị không được thuận lợi cho bang giao giữa Nam Dương và Anh. Năm 1964 ông trở lại Nam Dương, nhưng lại phải qua Tân Tây Lan lánh nạn vì cuộc chính biến hồi đó. Khi tình hình được ổn định trở lại, ông trở về Nam Dương, và kể từ đó cho tới năm 1990 ông là một trong những người đã đóng góp nhiều vào một vài kinh doanh của Subud. Vì bệnh tim ông phải thôi làm việc, nhưng cho tới nay vẫn còn là một người hoạt động tích cực cho Subud.

Ông Harris Smart, biên tập viên của tờ Subud Voice nhận định như sau về hồi kí của ông Pope.

“Vợ chồng Pope tất nhiên rất gần cận với Bapak và những thành viên khác thuộc gia đình Bapak, và đối với nhiều hội viên Subud thì cái giá trị lớn nhất của tập hồi kí này là những câu chuyện liên quan tới Bapak mà Abdallah đã thuật lại. Những giai thoại đó thật là vô giá, vì khiến ta nhìn thấy được những gì hằng ngày Bapak làm. Chúng bổ túc và làm cho lớn thêm con người của Bapak mà chúng ta biết được qua những bài nói chuyện và những văn phẩm, bằng cách mô tả những gì Bapak nói và làm

trong những lúc được tự nhiên và không bị câu thúc.

Một phần quan trọng khác trong những gì Abdullah thuật lại là công cuộc kinh doanh, nhóm Cố Vấn Đồ Án Quốc Tế<sup>1</sup>, cái nhóm kiến trúc sư và kĩ sư đã tạo nên một kinh doanh rất thành đạt ở nam Dương, và đóng góp một phần quan trọng vào việc phát triển những dự án Subud như Trung Tâm S.Widjojo. Những gì Abdullah kể lại về sự tiến triển của đồ án về phòng tập latihan ở Wisma Subud là một phần quan trọng của lịch sử Subud.

Ông có những điều đáng được nói, không những chỉ về sự sống mà còn về sự **chết**.

Nếu tôi đoán không lầm thì nhiều người sẽ nhận thấy một trong những khía cạnh hấp dẫn của tập sách này là những suy tư và mô tả của anh Abdullah về tình trạng lúc gần chết.”

Bản dịch Việt ngữ này không là một bản dịch toàn bộ. Chỉ được dịch toàn bộ là những chương về sự xuất hiện lần đầu tiên của Subud ở Anh, về những đóng góp của tác giả trong những ngày tháng đầu tiên của Subud Mỹ và về lúc lần đầu tiên tác giả tới Nam Dương. Những chương khác tôi chỉ trích dịch những đoạn đáng chú ý nhất, khiến ta học hỏi được. Chủ yếu đó là những đoạn tác giả thuật lại những kinh nghiệm tâm linh của mình, hay những gì Bapak đã làm và nói mà mình là chứng nhân. Những đoạn bỏ không dịch phần nhiều liên quan tới những điều ông viết về những chuyện gia đình và những sở thích của mình.

Đoạn cuối “Những suy nghĩ về cái chết” là của một phụ tá Nam Dương. Tôi đưa thêm vào bản dịch này để bổ túc cho những điều tác giả luận về cái chết.

Wien ngày 1.06.07

Người dịch Minh Thần

## Chương: The coming of Subud

### Subud lúc ban đầu

Lần đầu tiên tôi nghe nói tới Subud là lúc Salamah, hồi đó đang làm việc cho ông Bennett, đưa cho tôi coi bản dịch cuốn *Susila Budhi Dharma* của Bapak do Hussein Rofe dịch. Tôi còn nhớ tới việc mình đã nghĩ một cách khá trịch thượng: "Chà, khắp nơi trên thế giới, ngay cả ở Nam Dương, cũng có những người làm những điều y như chúng ta." Chẳng bao lâu ông Bennett cho chúng tôi hay là có một người từ phương Đông sẽ đến với một lối tu mới, và nếu muốn tham gia thì chúng tôi phải kí tên trên một danh sách.

Sau khi Bapak và ba người Nam Dương khác từ căn phòng của Rofe tới Coombe Springs ở, thì hình như cái latihan đầu tiên được tập trong phòng ăn, ngày chủ nhật mừng 2 tháng 6, khi có 10 người nữ được khai mở. Khi Salamah bước ra, trông có vẻ sửng sốt, tôi nói với bà: "Mùi thơm kì diệu có đầy trong nhà là cái gì vậy?" "Mùi thơm nào?" bà nói, tỏ vẻ hoài nghi. Buổi tối kế tiếp, thứ hai, một vài người nam được khai mở cùng một lúc, và tôi không nhận thấy một mùi như thế nữa, như vậy thì hương thơm tuyệt diệu đó không thể do đàn ông.

Khi tới lúc những người nam đầu tiên được khai mở tại Coombe, tôi

rất lo lắng. Có một người được khai mở tại phòng ở của Rofe đã trở về với một con mắt đen thui, nên tôi nghĩ cái *latihan* này phải có một hình thức nhập môn dữ dội nào đó khiến chúng tôi phải đứng đó để bị đánh đập. Chúng tôi hầu như chẳng được cho hay gì về những điều phải làm để dọn đường hay chuẩn bị cho *latihan*. Thế nên, tôi đứng đó mắt nhắm, như được chỉ bảo, lo lắng đợi chờ bị đánh đập, với những phụ tá Nam Dương và anh Rofe đang phát ra những tiếng động kì lạ nhất. Trí óc tôi chạy nhảy lung tung. Nhưng rồi điều khiến tôi ngạc nhiên là bàn tay mình cử động ra phía ngoài và lên phía trên mà không do ý chí, thành một cử chỉ đón mở và quy thuận. Tôi ngã quy xuống trên đầu gối mình, và tự hỏi là không biết phải làm gì nữa, nhưng chẳng bao lâu có ai đó nói: "Chấm dứt!" Khi mở mắt ra, tôi trông thấy một người bạn của mình, anh Mitchell, cũng quỳ trên đầu gối, nên tôi nghĩ: "Hay quá, mình đã làm những gì phải làm."

Một vài tháng sau khi Bapak tới Coombe, ông Bennett sắp xếp cho những đệ tử thuộc lớp thứ nhất<sup>2</sup> (1) của mình được biểu diễn những động tác của lối tu Gurdjieff. Việc làm này thường đòi hỏi một sự phối hợp rắc rối giữa những động tác khác nhau của đầu, chân và cánh tay. Một động tác mà tôi đặc biệt còn nhớ, được gọi là "Shadzevadzee", và chúng tôi phải cử động với những bước đi từ hàng này qua hàng khác, để tới một vị trí khác đằng sau đó. Điều đó đòi hỏi một ý thức và sự tập trung cực độ, và khiến cho những người làm như vậy được thêm rất nhiều năng lực. Bapak theo dõi chúng tôi trong một lúc, rồi nhận xét là nếu có thể cử động do nội tâm, thì chúng tôi có thể nhắm mắt làm điều đó. Thế nên, ông Bennett đã khiến cho chúng tôi thử cách làm như vậy! Tuy chúng tôi có thể làm chuyện đó trong một hay hai phút, nhưng điều này chứng tỏ cho mọi người thấy là nội ngã mình chưa đạt tới mức độ đó, và tất cả những gì chúng tôi nhận thấy là mình có vẻ như bị chọc cho cười.

Một nhận xét lí thú khác của Bapak vào khoảng lúc đó là khi được hỏi về cái chân tài của Gurdjieff, về những gì ông đã tặng cho thế giới, thì Bapak đã nói: ông là một vũ sư. Đó cũng chính là điều Gurjoeff đã nói về mình.

Tất nhiên đồng thời lúc đó trong những xuất *latihan* đầu tiên ở Coombe đã xảy ra những điều này nọ khiến khó quên. Tôi không thể cho

---

2 first class pupils: có lẽ muốn nói tới những đệ tử tiến bộ nhất.

biết tên tuổi của từng người, nhưng một anh bạn thân nhất của tôi thì nằm trên mặt đất trong nhiều xuất latihan, hét to cho Đấng Toàn Năng nghe: " Không, không ,ta sẽ KHÔNG quy thuận!" Nhưng tất nhiên cuối cùng anh đã quy thuận. Những lúc khác thì có một ông là người Anh chính cố tập latihan bằng cách phát ra những tiếng bình bịch quanh phòng, miệng nói: "Choo-choo,choo-choo", như mình là một đứa bé tự cho là một xe lửa. Một người khác thì trèo lên một giàn giáo<sup>3</sup>, gào thét, làm một điều gì như Tarzan, một người khác nữa thì bắt đầu chơi dương cầm, nhưng chơi thật tồi. Trong những ngày tháng đầu tiên của Subud ở Anh, latihan chắc chắn đã ồn ào và sôi nổi hơn.

Tất cả những điều đó khiến cho có một vài hội viên bị tiếng động làm cho mất bình tĩnh, mặc dù Bapak đã nói là không được làm vậy. Thế nên, chẳng bao lâu có một nhóm chỉ gồm những người gây ồn ào. Do thiếu thốn nơi chốn, chỉ có một số người có thể cùng một lúc tập latihan, nên một thứ danh sách được để trên cánh cửa ra vào to lớn, trên đó ta phải kí tên. Có những nhóm chuẩn, có thể từ một tới 5 hay ngay cả 6 người, tùy theo số người xuất hiện tối đó. Nhóm ồn ào được tập sớm hơn, trước những nhóm chuẩn, nên mang con số không, vì những nhóm chuẩn có những con số khác. Thế nên, bắt đầu có nhóm "O", vì nó được gọi là vậy, và latihan của nhóm đó khá cừ khôi. Trong một thời gian ngắn, tôi là thành viên của nhóm đó, vì những latihan đầu tiên của mình có những động tác khá mạnh bạo, khiến mình nhanh chóng xoay và vùn vùn.

---

<sup>3</sup> scaffolding: giàn làm chỗ cho công nhân đứng làm việc trên cao.

## Đòi hỏi tự do

Một hôm khi đang nghe ông Bennett giải thích về Subud cho những người dự bị xin tập, tôi chợt nhận thấy những điều ông nói chỉ do những suy nghĩ của ông, và trên một vài khía cạnh thì đó là không đúng. Sự nhận thức đó đã có một ảnh hưởng sâu xa đối với mình. Kể từ đó tôi nhận thức được ông không còn là sư phụ mình nữa, và lúc này tôi có một sư phụ đáng tin cậy hơn trong lòng mình.

Một điều còn khó quên hơn về việc đó xảy ra tại Coombe vào một chủ nhật trong một bữa ăn trưa, sau khi mọi người đã ăn xong. Như thường lệ, ông Bennett hỏi có ai có bất cứ câu hỏi gì không về những sinh hoạt của buổi sáng và những lối tu tập mà ông đã đặt ra. Trong dịp đó, ngay lúc Subud đến Coombe, anh Norman Kermode, một nghệ sĩ trẻ với bộ râu dài, đã đáp: "Trái lại nữa là khác, ông Bennett, có những gì mà ông muốn hỏi chúng tôi không?"

Trong khi chúng tôi nổi loạn chống lại việc ông Bennett bảo mình phải làm những gì, đồng thời tôi lại cảm thấy mình đang khai triển một quan hệ mới mẻ và thâm sâu hơn với ông. Một hôm trong một latihan tại căn nhà mái vòm của tôi ở Beverly Lodge, tôi nhận thấy cái thân thể nội tâm bằng ánh sáng của mình đến gần và nhập vào cái của ông Bennett. Đó là một chứng nghiệm phi thường về việc được thực sự "trở thành một" với một người khác. Trong lòng ông xin tôi tha thứ cho về những gì ông đã làm trong những năm tháng tôi học phép tu Gurjieff dưới sự chỉ dạy của ông. Tôi dĩ nhiên tha thứ cho ông, vì sự tạ lỗi đó, theo tôi biết, thực sự do cái bản chất thâm sâu nhất của ông.

## Trở thành phụ tá

Một hôm Hussein Rofe đến gặp tôi và nói: "Anh phải trở thành một phó giám đốc của latihan". Tôi quả thực không hiểu ông muốn nói gì. Nhưng đầu tháng tám, hai hay ba tháng sau khi Bapak đến, một vài người chúng tôi được gọi vào phòng làm việc của ông Bennett, nơi có những chiếc ghế đã được sắp đặt thành hàng. Chúng tôi, tất cả đều là đàn ông, ngồi xuống và đợi chờ. Khi Bapak bước vào, ông B. nói với chúng tôi là cần phải bổ nhiệm một vài người làm phụ tá, và trong số những người trẻ thì cũng cần có một vài phụ tá. Cùng với hai người khác, tôi là một trong ba người trẻ được Bapak chỉ định. Sau đó, sau khi một trong những "phụ tá trẻ" được lựa chọn đã hơi gây rắc rối và làm phiền một người nữ, ông Bennett hỏi Bapak tại sao đã bổ nhiệm người đó. "Bapak thực ra muốn người ngồi cạnh anh ta", Bapak nói, "nhưng một khi bạn đã cho biết tên anh ta, thì tôi không muốn làm mất lòng."

Mùa hè 1957, Eva Bartok, cô đào điện ảnh Hung Gia Lợi nổi tiếng, lấy máy bay từ Hollywood qua gặp sư phụ mình là ông Bennett, trong một tâm trạng cực kỳ đau khổ. Cô mang bầu, nhưng nhiều y sĩ đã cho cô hay là có một khối u ung thư nổi lên trong tử cung, và điều đó khiến cho không thể cứu được đứa bé, nếu cô được mổ. Tuy nhiên, khi cô đến, Bapak đã bảo cô nên tập latihan với Ibu, và nếu đó là Ý Thượng Đế thì khối u đó sẽ tan biến. Điều đó Eva đã làm, và như Bapak đã tiên đoán, kết quả là khối u tan biến, và cuối cùng cô sinh được một đứa bé gái bình thường.

Khi báo chí nhận ra vụ đó, rất nhiều kí giả đổ xuống Coombe Springs. Một buổi tối Bapak kêu chúng tôi lên phòng khách trên lầu trong cánh

phía tây của toà nhà, nơi có nhiều tờ báo trải trên mặt đất, tất cả đều có hình của Bapak với những hàng tít: "Vị Cứu Thế trong một biệt thự có 20 phòng". Tất cả chúng tôi đều thất kinh, đặc biệt ông B., vì môn phái Gurdjieff luôn ghét cay ghét đắng quảng cáo. Nhưng Bapak thì trái lại có vẻ rất thích thú về tất cả những việc đó. Người nói với một nụ cười hiền lành: "Bây giờ thì mọi người ở Anh đều biết được Bapak và latihan đã tới đây."

Hàng trăm bức thư bắt đầu tới Coombe mỗi ngày, và thậm chí còn có nhiều người đến thăm hơn, nhiều kí giả ghé vào. Một thiếu nữ Hoà Lan xinh đẹp, một vũ nữ, được một kí giả yêu cầu múa cho mình coi trên vườn. Ngày kế tiếp có một tấm hình của cô đang múa trên bãi cỏ, trên trang đầu của một tờ báo bình dân, nhưng điều khôi hài là họ nói cô đang làm cái "latihan" huyền bí nọ.

Chẳng bao lâu sau khi Bapak đến ở Coombe Springs, số người được khai mở và tập latihan tăng lên nhiều, khiến chúng tôi vượt ra ngoài cái chỉ tiêu của phòng ăn ở Coombe. Cái Djami<sup>4</sup> thì chưa xây xong, nên ông Bennett khiến cho Hội Đồng Học Viện<sup>5</sup> mua một cái kho rộng lớn, xây sẵn bằng gỗ, của một khu vườn. Chúng tôi gọi nó là "túp lều", và nó trở thành phòng tập latihan tạm thời, nơi chúng tôi nghe những nói chuyện của Bapak, trong khi vẫn còn làm việc để xây cho xong cái Djami và khu vườn chung quanh. Tấm hình của cổng ra vào mà anh Michael Sullivan đã chụp vào một đêm nọ, đã trở thành một biểu tượng của "ánh sáng soi chiếu trong bóng tối".

Hồi đó chúng tôi quy thuận một rất cách thận trọng. Tôi còn nhớ tới anh bạn kiến trúc sư Peter Gibbs, một người trong nhóm kiến trúc sư làm việc để xây cất cái Djami. Anh tập latihan trong túp lều, và có hai lần, anh thuật lại cho chúng tôi, anh cảm thấy mình muốn ngã về phía trước xuống mặt đất, và cả hai lần anh đều đưa tay ra đỡ để khiến cho mình không bị đau. Khi điều đó xảy ra lần thứ ba, anh quyết định hoàn toàn quy thuận, với hậu quả là anh va mạnh vào tường, và khiến mũi mình đụng vào thành cửa sổ. Có máu me khắp nơi, anh được đem tới bệnh viện ở Kingston, vết thương được khâu vá, nhưng rồi anh lại trở về

4 Trước đó có một số kiến trúc sư theo lối tu Gurdjieff có ý định xây thêm một toà nhà ở Coombe Springs mà họ gọi là "Djami".

5 Ông Bennett là giám đốc của Học Viện Nghiên Cứu Lịch Sử, Triết Học và Khoa Học. Toà nhà ở Coombe chỉ là một thành phần của học viện.



Coombe để kịp tới tập một xuất latihan sau đó.

Khi cái Djami được xây xong, ông Bennett sắp đặt một buổi lễ trong đó ông chính thức trao toà nhà cho Bapak để phục vụ Subud. Bapak có một buổi nói chuyện và kết thúc với một lời cầu xin Thượng Đế ban phước lành cho toà nhà. Đối với tôi ngay lúc đó như có một ngọn gió tâm linh thổi đầy vào toà nhà, khiến tôi nhớ tới điều được thuật trong thiên Sự Nghiệp Các Tông Đồ về sự hạ trần của Đức Thánh Linh.

Tôi còn nhớ tới việc mình đã nói với ai đó: "Hay thật, cái này bây giờ thực sự là toà nhà của Bapak." Nhưng đáng buồn là điều đó không được như vậy.

## Một vài hội viên nổi tiếng

Trong những hội viên mới vào đến Coombe hồi đó, ngoài Eva Bartok ra còn có anh bạn trai của cô là David, hầu tước của Milford Haven. Tôi nhớ tới một cái latihan trong đó anh Hubert Winkler cứ xoay tròn mãi, quay tít như một thầy tu đạo Hồi, khi đột nhiên cánh tay của anh tiếp xúc với ngực của David Milford Haven. Cho tới lúc đó thì David chưa cử động được trong latihan, nhưng khi được Hubert đụng vào thì anh cử động được, và tiếp tục được như vậy cho tới sau này.

Một hội viên Subud khá nổi tiếng khác là Basil Cameron, người chỉ huy dàn nhạc. Sau một vài latihan ông kéo John Bennett tới một chỗ nào đó và hỏi: " Ông có muốn tôi sắp xếp cho ông học hát hay không?" Câu trả lời của ông Bennett đã không được ghi chép lại.

Hồi đó cũng đến Coombe đều đều là thống chế Không quân Sir Victor Goddard. Ông bị ung thư óc trầm trọng, khiến cho y sĩ đòi phải mổ lập tức. Nhưng khi được hỏi điều đó là việc tốt nhất nên làm hay không, thì Bapak đáp:

"Không, chỉ việc quy thuận trong latihan, thì mọi việc sẽ êm xuôi." Sau này, chúng tôi nhận thấy điều đó là như vậy.

Trong những ngày tháng đầu tiên đó, giáo hội cũng không vắng mặt. Ông giám mục của giáo hội Anh <sup>6</sup> thuộc Birmingham được khai mở bởi người bạn mình là Edward Van Hien, một người đã bị quân Nhật giam cầm chung với mình ở Chanqi Gaol, khi ông làm giám mục ở Singapore.

---

<sup>6</sup> Anglican church: một tông phái của Thiên Chúa Giáo mà tín đồ phần nhiều ở Anh.

Nhiều cha sở và mục sư của giáo hội Anh cũng bị Subud thu hút, và có một nhóm gồm 5 hay 6 người tập latihan đều đặn với ông Bennett trên lầu, trong phòng làm việc rộng lớn của ông.

Cũng vào khoảng thời gian đó John Bennett khai mở cho vị cha trưởng tu viện và hai thầy tu của một tu viện Công giáo Pháp là St. Wandville ở Normandie. Điều đó có lẽ đã được làm với sự chấp thuận của Vatican, vì những người đó tiếp tục tập latihan được một vài năm.

Đặc biệt có một người đã viết nhiều bài báo về Subud là Đức Cha Albert Bescond. Có lẽ điều đáng chú ý nhất là điều ta tìm thấy trong cuốn *Living Religion in Subud* của Barry Sullivan<sup>7</sup>. Đức Cha Bescond trình bày những chân lý khác nhau của giáo điều Thiên Chúa giáo và của thực nghiệm latihan, cùng với cách những cái được được giải quyết như thế nào. Như ông nói trong cuốn sách kể trên.

*“Một vài người Công giáo đã xô xao, vì có những điều Bapak giải thích về Đức Ki Tô, về cầu nguyện và tội lỗi vân vân... không hợp với những gì được giảng dạy trong giáo hội. Ban đầu trong một thời gian ngắn, tôi cũng băn khoăn về những điều đó, nhưng hiện nay tôi thấy hình như mình đã hiểu được, và tôi tin rằng tất cả chẳng có vấn đề gì hết. Sự thật là Bapak không nói như các linh mục nói, đó là như một nhà thần học. Ông không tìm cách phát biểu một tín điều, một chân lý được mặc khải mà Thượng Đế đã thông truyền cho ông, để mở đầu cho một tôn giáo mới. Ông tự đặt mình trên một địa hạt khác, địa hạt của thực nghiệm tâm linh. Chúng ta có lẽ đã quên hẳn là mỗi chân lý của tín ngưỡng đều có hai khía cạnh, một thuộc giáo điều, và một thuộc thực nghiệm. Các linh mục luôn nhấn mạnh quá nhiều cái khía cạnh tín điều, cho đến nỗi quên đi, hay cho phép mình được quên, cái phương diện liên quan tới thực nghiệm, và thế nên đối với nhiều người đời sống tâm linh được chia thành hai: một phương diện với niềm tin không ít thì nhiều có tính chất lý thuyết và trừu tượng, và một phương diện với sự thực nghiệm về cuộc sống, không ít thì nhiều có tính chất vui sướng và đau khổ. Nhưng Bapak rất thận trọng không xâm nhập vào lĩnh vực của các linh mục. Điều ông cho chúng ta thấy là cái phương diện của thực nghiệm.”*

7 Ông Sullivan đã viết một cuốn sách rất nổi tiếng, được dư luận ở những nước nói tiếng Đức chú ý tới rất nhiều, về chính sách đối xử tù binh Đức của người Anh trong thế chiến thứ hai. Cuốn *Living Religion in Subud* đề cập tới những giao điểm giữa tôn giáo và Subud. Cách đây hơn 10 năm, nhà chức trách Pháp đã mở một cuộc điều tra về tất cả những giáo phái và phong trào tâm linh ở Pháp. Cuốn sách nói trên của ông Sullivan đã khiến họ hiểu được một cách lơ mờ Subud là một đường lối tổng hợp tất cả các đạo.

Theo ngôn từ của đạo Hồi, tôi nghĩ điều Đức Cha Beyond muốn nói là việc Bapak đề cập tới tính thực nghiệm của cái trình độ *Kakekat*, trong khi các linh mục Thiên Chúa giáo và các imam Hồi giáo thì chủ yếu đề cập tới cái *Shariat*, và có lẽ tới cả những khía cạnh của trình độ *Tarekat*. Hiểu theo cách đó thì có vẻ như không thực sự có xung đột giữa tín điều và thực nghiệm.

Dù sao, đối với chúng tôi tại Coombe Springs, những ngày tháng đầu tiên trong Subud đều là những lúc rất sôi động.

Tất nhiên, Coombe Springs hiện nay không còn nữa. Khoảng 5 năm sau đó, ông Bennett rời bỏ Subud, và liên hệ với Indris Shah, một tôn sư trong truyền thống Sufi. Ông Bennett còn khiến cho Học Viện tặng Coombe Springs cho tôn sư Shah, ông này liền tổ chức một buổi ăn mừng thật lớn, rồi đem bán cái nơi chốn đó. Tất cả những gì hiện nay còn lại là thân cây sồi to lớn nhất trong những cây hồi đó, và hai căn nhà mùa xuân thời Tudor <sup>8</sup>(3) hiện nay được coi là những kỉ niệm của thời xưa. Tất cả những chỗ khác được "phát triển" thành một khu nhà cửa và buôn bán có vẻ trì trệ và thông thường.

---

8 Dòng họ Tudor làm vua ở Anh từ 1485 tới 1603.

## Luân hồi

Hồi đó có tới bảy xuất latihan, xuất này tiếp theo xuất khác, trong cái Djami mỗi đêm có đàn ông. Bapak và tất cả các phụ tá đều tập tất cả những xuất đó. Khi đó tôi rất quan tâm tới luân hồi và kiếp trước.

Một đêm sau nhiều xuất latihan, tôi thấy mình được làm cho đi nhanh trong latihan, đến ngay trước Bapak, mắt nhắm lại, rồi đến phút chót thì thay đổi hướng. Sau khi làm như vậy nhiều lần, tôi ngã nằm trên sàn nhà, thấy tối mù trong chốc lát, rồi thấy mình như một ông già khá bần thủ, lưng còng và mắt thì nửa mù. Lập tức tôi biết được kiếp trước cuộc đời mình đã kết thúc ra sao. Cái chứng nghiệm đó kéo dài nhiều giây phút, và chữa tôi khỏi căn bệnh trong nhiều năm mình đã nghĩ tới luân hồi.

Mùa hè năm 1957 trong những ngày tháng đầu tiên của Subud ở Anh, sau bữa ăn một vài người chúng tôi thường đến ngồi trên sàn nhà trong phòng khách của Bapak tại cánh Tây của Coombe Springs, để đặt nhiều câu hỏi. Có lần anh Christopher Baynes, một người sau này qua Tân Tây Lan ở, hỏi: "Bapak, tại sao đạo Phật và đạo Hindu làm chú trọng tới luân hồi, trong khi đạo Thiên Chúa và đạo Hồi thì lại không đề cập tới?"

Bapak đáp đó là một câu hỏi nghiêm trọng, và hiện nay thì chưa đến lúc để trả lời. Ông John Bennett liền nói tiếp: "Nếu đó là một câu hỏi nghiêm trọng, thì chúng tôi cần biết được câu trả lời, Bapak"

"Thôi được" Bapak nói "tôi sẽ cho các bạn hay." Khi đạo Hindu và đạo Phật là những tôn giáo chánh yếu trên thế giới, thì luân hồi là tiêu chuẩn. Nhưng với sự xuất hiện của đức Ki Tô, một luồng sinh khí mới

được đem vào thế giới, và ta có thể thoát khỏi bánh xe luân hồi trong một đời người. Thế cho nên, điều được nhấn mạnh đã chuyển từ luân hồi qua cái quan niệm về thiên đàng và đời sống bên kia thế giới.”

Bapak nói tiếp: ”Nếu tiếp tục chăm chỉ tập latihan cho tới lúc chết, các bạn cũng sẽ có thể thoát khỏi bánh xe luân hồi trong một đời người. Đối với tôi chỉ một câu nói giản dị đó mà Bapak đã làm cho tôi thấy rõ được toàn thể lịch sử tâm linh mới đây của nhân loại, và tôi đã thật biết ơn vì được giải thích một cách tuyệt diệu như vậy.

Trong những ngày tháng đầu tiên Bapak ở Coombe Springs trong năm 1957, một biến cố còn in sâu vào kí ức tôi, một điều chứng minh cho thấy Bapak hoàn toàn phục tòng Ý Thượng Đế.

Một hội viên Subud đang hấp hối vì ung thư, một người chỉ còn sống có vài ngày, được mang tới Coombe Springs và dành cho một căn phòng ở tầng dưới cùng. Các phụ tá liền xin Bapak xuống dưới để trông coi người đó, hi vọng sẽ có một phép lạ chữa bệnh, như trường hợp của Eva Bartok.

Bapak đi xuống lầu, quay mình lại, và đi lên trên trở lại. Các phụ tá đều hoang mang. Khi được hỏi tại sao lại làm như vậy, Bapak giải thích là lúc bước xuống bậc thang cuối cùng, chân mình đã khiến mình quay trở lại, và mình đã tiếp nhận được một chỉ dẫn của Thượng Đế là người đó đã tới lúc chết, nên chân của Bapak đã khiến mình đi lên cầu thang trở lại.

## Chương: America

### Những ngày đầu tiên ở Mỹ

Chúng tôi đến Mỹ ngày 27 tháng 3 năm 1959, sau một chuyến đi biển rất gay go trên chiếc *Queen Mary*. Tôi hoàn toàn không ăn được gì hết, trừ ngày đầu tiên ra, trong khi Jennie, điều này khiến tôi ngạc nhiên, có thể hầu như mọi lần đi ăn -trong một phòng ăn rất vắng vẻ. Khi đến chúng tôi ngạc nhiên trông thấy những chỗ đánh dấu sơn xanh phân chia đường đi của xe hơi. Hôm đó là ngày lễ St. Patrick. Toàn thể khung cảnh, những vòi nước và những cao ốc thì khác hẳn với những gì tôi đã từng nhận thấy ở Âu Châu, nên tôi biết là mình đã tới một thế giới mới.

Chúng tôi ở chung với vợ chồng Genet, một gia đình Subud cư ngụ trong một căn nhà rộng lớn tại vùng ngoại ô xinh đẹp và đắt đỏ của Long Island. Điều này thật là một sự tương phản với cái thành phố London đông đúc và bẩn thỉu mà chúng tôi đã bỏ lại đằng sau mình. Tuy người ta trông đợi Bapak tới vào giữa tháng 4, nhưng ngày tháng trôi qua mà vẫn chưa có tin gì về việc Bapak đến. Chúng tôi tiếp tục tập latihan hai lần mỗi tuần nơi cái trụ sở mới tựu được ở Đại Lộ 7, với một vài hội viên đã được khai mở.

Tuy nhiên, chúng tôi đã sắp xếp khai mở cho 60 người nam trong tuần cuối cùng của tháng 4, và ông Bennett vừa lấy máy bay từ Florida đến, đã quyết định ông và hai hay ba phụ tá còn mới, kể cả tôi, nên khai mở cho những người đó. Đó là một việc khai mở rất nặng nề, và khi nhìn

ngược lại cái thời gian đó, tôi thấy là đáng lí ông Bennett nên đợi chờ Bapak đến, mặc dù dĩ nhiên do những cử động và âm thanh của họ, ta thấy mọi người có vẻ như đã được khai mở.

Và lúc sáng tinh mơ ngày mùng một tháng 4, chúng tôi gặp nhau ở phi trường La Guardia ngoài New York, để đợi chờ Bapak đến từ Nam Mỹ. Có mấy trăm người đợi chờ được khai mở, và một hay hai ngày sau, mỗi đêm tại phòng tập Bapak bắt đầu khai mở từng nhóm gồm 60 người nam.

Chẳng bao lâu có một nhóm đồng đạo, mọi người đều tập latihan, và Bapak có một lô những buổi nói chuyện với ông Bennett là người thông dịch. Vì có nhiều nhóm khác tại những thành phố khác, mọi người đang chờ đợi được khai mở, nên Bapak và ông Bennett đã được sắp xếp cho đến thăm San Francisco và Los Angeles. Bapak bảo Salamah và tôi đến Denver và Portland, để khai mở những người đang đợi chờ tại đó. Nhưng trước hết chúng tôi đi với ông Bennett đến Chicago, nơi Salamah khai mở cho những người phái nữ, vì chị Elisabeth đau ốm và phải ở lại với Bapak và Ibu. Kế đến, ông Bennett trở lại New York để thông dịch cho Bapak, và hơi hoang mang chúng tôi tiếp tục tới Denver và Portland, như Bapak đã bảo.

Trong cái latihan đầu tiên tại đó, Salamah nói rằng mình cảm thấy sự hiện diện của một thần linh cao lớn, và khi hé mắt lên nhìn bà ngạc nhiên trông thấy một đôi chân màu nâu – hay đó là hài?- với phần dưới cùng của chiếc xà-rông, đứng gần mình trong latihan. Và ngoài chúng tôi ra, sau một tháng có một nhóm gần được 30 hội viên được thành lập ở Denver, mọi người đều cử động và ca hát trong latihan.

Tháng 6 chúng tôi đến Portland, Oregon, và trong khi ở chung với gia đình Mason, chúng tôi lặp lại cái quá trình đó với những xuất latihan trong phòng hầm của họ.

Một hôm cuối tuần trong khi ở Portland, chúng tôi lấy một chuyến xe lửa về hướng Bắc tới Vancouver để gặp một vài chỗ quen biết của Salamah, và chúng tôi ở chung với họ, cùng với vợ chồng John Kyle, hai hội viên Subud. Chúng tôi đến tập latihan với nhóm được vợ chồng Von Bissing khai mở cách đó khoảng 6 tháng, một nhóm đang nẩy nở với những phụ tá của mình.



Trong khi còn ở đó, tôi thấy khá mệt mỏi và bị đau ốm, và vào lúc trở về Portland tôi lên cơn sốt nặng. Nhưng tối hôm sau, thứ hai, có khoảng 20 người đang đợi chờ trong phòng hầm, nên tôi lê lết ra khỏi giường, loạng choạng xuống cầu thang, ngồi trên sàn nhà và nói: "Bắt đầu." Cũng ngay lúc đó tôi tự nghĩ là nếu cái latihan này tùy thuộc nơi mình bằng cách nào đó, thì điều đó sẽ không xảy ra.

Tuy nhiên, điều khiến tôi ngạc nhiên là nó đã xảy ra: các hội viên bắt đầu cử động chung quanh, và còn ca hát nữa. Sau nửa tiếng đồng hồ thì lắng đọng xuống, và tôi nói: "Chấm dứt".

Một hội viên, một người kinh doanh bất động sản, đến gặp tôi sau đó. "Anh có trông thấy ổng không?" người đó hỏi. "Không" tôi nói "anh muốn nói ai vậy?" "Bapak" người đó đáp. " Ồng bước vào, ngay sau khi chúng tôi bắt đầu, và vừa mới đi ra khi anh nói "Chấm dứt".

Lúc đó, Bapak bằng xương bằng thịt đang ở San Francisco.

## Bapak gần chúng ta, nếu chúng ta thực sự cần

Kể từ lúc có cái chứng nghiệm đó, tôi luôn biết rằng Bapak gần với chúng ta, nếu chúng ta thực sự cần. Ngay cả sau khi Bapak qua đời, và cái thân thể vật chất của người đã rời bỏ chúng ta, có lần tôi và Salamah đã có một chứng nghiệm rất đích thực về sự hiện diện của người, lúc đang trải nghiệm một câu hỏi khó khăn. Hồi đó chúng tôi được hướng dẫn một cách rõ rệt trong nội tâm, và kết quả là cuối cùng chúng tôi có thể di cư qua Úc.

Tuy nhiên, trong năm 1959 khi thấy Bapak một lần nữa ở San Francisco, chúng tôi cũng gặp được vợ chồng Jameses, Irene và Lonard, và Salamah nhắc tôi nhớ tới một câu chuyện mà họ đã kể lại cho chúng tôi về việc Bapak xuất hiện ở Vancouver. Một phụ tá nữ tại đó đã có một chứng nghiệm rất mạnh về Bapak, khi khai mở cho bà mẹ của Kyle.

Cuộc khai mở đó ban đầu khiến cho cảm thấy rất nặng nề, và chợt nhiên thì có sự "biến hoá". Người phụ tá mở mắt ra, và có Bapak (thể xác lúc đó ở San Francisco) đang ngồi trên một chiếc ghế cạnh bà mẹ của Joe Kyle - ở Vancouver. Cái hiện tượng đó, sau này tôi hiểu được, không là điều gì xa lạ đối với giáo hội Công giáo và được gọi là "song vị"<sup>9</sup>

Sau này khi được cho hay về biến cố đó, Bapak cười và nói rằng nội tâm mình có thể đi đây đó mà không cần thể xác. Để mọi sự được an toàn, Bapak xác nhận việc khai mở chỉ là trách nhiệm của những phụ tá được chính thức bổ nhiệm, và các hội viên thông thường thì không được khai mở cho thiên hạ, trừ phi đó là những trường hợp đặc biệt,

---

<sup>9</sup> bilocation: có mặt ở hai nơi.

chẳng hạn như nếu có ai đó đang hấp hối.

Trong trường hợp cá biệt nói trên, Bapak giải thích, bà mẹ của Joe Kyle có một linh hồn cao, và người nữ khai mở cho bà thì không. Nếu người phụ tá nữ đã tự ý khai mở cho bà mẹ của Joe Kyle mà không được chấp thuận là một phụ tá chính thức, thì người khai mở có thể sẽ mang bệnh, hay ngay cả có lẽ sẽ chết. Nhưng thực ra thì có một sự liên hệ tâm linh, và qua đó Bapak có thể giúp đỡ người phụ tá. Và Bapak nói, đó là cái lợi thế của việc được là một phụ tá chính thức: nội tâm Bapak, từ bất cứ nơi đâu mình đang có mặt, đến giúp các phụ tá, nếu chúng ta đã bị chìm sâu và không thể bơi lội được.

Từ Portland chúng tôi lái xe với Lorraine và Harold Mason tới bờ biển San Francisco, nơi chúng tôi lại gặp Lonard và Irene. Chúng tôi ở đó hai tuần, tại San Francisco, và tuy hồi đó chỉ có rất ít người đã đổi tên, nhưng tôi quyết định xin Bapak một cái tên mới, vì tôi chưa từng thích cái tên thánh của mình là Hugh. Bapak cho tôi cái tên Thomas, và nói thêm là Jennie nên được gọi là Vivien. Tôi cho hay là Jennie không thích có một cái tên mới, nhưng Bapa nói: "cần có". Khi tôi xuống lầu và cho hay chuyện đó, bà trở nên giận dữ! Tuy thế, bà cũng chấp nhận, vì chúng tôi biết rằng có những tên khác sẽ giúp cho cuộc sống mới ở Los Angeles của đôi chúng tôi, nơi không ai biết chúng tôi hết.

Vậy từ San Francisco chúng tôi đi về phía nam tới Los Angeles với đoàn tùy tùng của Bapak, nơi lại có mấy trăm người đang chờ đợi được khai mở. Tôi còn nhớ tới một đêm nơi cái hội trường xưa cũ ở Alhambra, khi có 100 người nam hay vào khoảng đó vừa được khai mở tập latihan trong căn phòng lớn với những phụ tá vừa được bổ nhiệm; còn Bapak thì tự mình khai mở cho khoảng 50 người nam trong căn phòng kế cạnh có một bức tường bằng kính, xuyên qua đó chúng tôi có thể trông thấy những gì đang xảy ra - mặc dù tất nhiên tôi nên nhắm mắt lại!

Bapak chỉ việc đi dạo qua những hàng gồm những người nam đang đứng, dừng lại chỗ này hay chỗ kia trước một vài cá nhân, và họ liền bắt đầu cử động, ca hát, hay rơi xuống trên sàn gỗ như những thân cây bị đốn chặt.

Ngay cả sau tất cả những năm tháng đã qua, đó là một trong những điều phi thường nhất mà tôi từng được thấy.

Sau khi Bapak đi khỏi Los Angeles, chúng tôi sống ba năm rưỡi hạnh phúc tại đó, làm quen với nước Mỹ, và kết thân lâu đời được với nhiều người. Tôi trở lại cái công việc kiến trúc sư của mình, và thu thập được nhiều kinh nghiệm trong ba văn phòng khác nhau.

## Đời sống ở Los Angeles

Thực ra, ngay sau khi Bapak đi, Salamah và tôi cũng không hoàn toàn hết tiền, sau khi đã ở Mỹ nhiều tháng mà không có việc làm. Thế nên, sau khi gặp anh Richard Neutra, tôi đến trụ sở của American Insitute of Architects để kiếm một việc làm. Tôi vừa mới đến thì "tình cờ" có một văn phòng nhỏ bé kêu điện thoại để cho hay là cần một chân trợ tá. Tôi liền chụp lấy, và nhận được một công việc với đồng lương tương đối khá. Tôi mau lẹ mua một chiếc xe hơi, với khoản vay là 90% nhờ đồng lương của mình.

Chúng tôi gặp tại một xuất latihan một hội viên Subud làm nghề mua bán xe hơi. Chúng tôi đến chỗ anh làm việc, và anh chỉ cho chúng tôi thấy khoảng 300 chiếc xe hơi và nói là theo ý kiến mình thì chỉ có hai chiếc trong số đó thực sự là đáng mua. Thế nên, chúng tôi mua một chiếc Plymouth cũ 4 năm phục vụ cho mình một cách tốt đẹp trong 3 năm ở California.

Tuy nhiên, cái công việc đó chỉ kéo dài được 4 ngày! Hồi đó tất cả các họa đồ kiến trúc của Mỹ đều vẽ bằng bút chì, và tôi thì chưa từng được học làm việc theo cách đó, vì tất cả những họa đồ mà tôi đã làm cho Nhà Thờ Coventry đều được vẽ bằng mực. Nhưng tối thiểu tôi cũng có một chiếc xe hơi, nên có thể kiếm thêm việc làm, lần này thì làm những bản vẽ triển lãm cho một công ty kiến trúc khác, ở đại lộ Silver Lake, nơi tôi cũng có thể học cách vẽ bằng bút chì. Tôi làm đó được 6 tháng, và khi hết công việc, ông xếp của tôi kiếm cho tôi một công

việc tại chỗ một người bạn mình, nơi tôi vẽ những chi tiết về những cao ốc hai tầng dùng làm phòng thí nghiệm cho đại học California và cho một Trung Tâm Bô Lão tại công viên Los Angeles. Đó là một kinh nghiệm vô giá.

Khi sau một năm hay vào khoảng đó hết việc, ông kiến trúc sư là xếp tôi kiếm cho tôi một công việc nơi người cộng sự là bạn mình, ông Doug Honnold, tại một văn phòng rộng lớn ở Beverley Hills. Tôi được phái tới một tổ gồm 4 người làm những hoạ đồ cho một cái tháp xây cao dùng làm văn phòng, tại một khu góc của Hollywood. Tôi làm việc cho cái công ty đó tới cuối khoảng thời gian chúng tôi ở Los Angeles.

Tới lúc đó thì có một nhóm Subud đông đảo đang nẩy nở và thường gặp gỡ nhau tại Foresters Hall, ngay trong khu buôn bán của L.A. Chỗ đó được thuê mượn, có hai phòng lớn và nhiều phòng nhỏ khác, một chỗ ngồi uống nước, tất cả đều khiến cho nhóm rất được vừa ý. Chúng tôi có một nhóm phụ tá hoạt động rất tích cực, và như thường lệ đối với những nhóm mới được lập nên, thì cũng có nhiều vấn đề. Là những người ngoài cuộc đến từ Anh, chúng tôi không đứng vào bất cứ phe phái nào. Chúng tôi không thuộc về phe "beat"<sup>10</sup> cũng như phe "square"<sup>11</sup>. Nhóm phụ tá nam, chẳng hạn, có những thành phần từ những người như ông Earl Robinson, một nhân viên ngân hàng lớn tuổi và bảo thủ, tới những thanh niên híp pi, phần đông không có việc làm, như anh Van Randolf (hiện nay anh là một nhà kinh doanh thành đạt) Anh và cô bạn gái ở trong một nhà lều bằng gỗ ngay đằng sau căn phòng tồi tàn - với một khu vườn cây cối mọc um tùm - mà chúng tôi thuê của một bà chủ nhà thường say rượu ở căn phòng trên chúng tôi tại Highland Park.

Bằng cách này hay cách khác, không do ý định mình, chúng tôi giúp cho nhóm beat và square vượt qua được cái khoảng trống ngăn cách họ. Tôi để một bộ râu và có một chiếc xe hơi thuộc loại cũ, nhưng tôi cũng có một việc làm đăng hoàng tại một văn phòng. Salamah thì để tóc dài và đi dép loại híp pi, nhưng cũng có một công việc văn phòng đăng hoàng và đều đặn. Và dần dần trong những năm tháng chúng tôi ở đó, nhóm square đã thông cảm được với các thanh niên híp pi, và tôi nghĩ ngược lại thì cũng vậy.

---

<sup>10</sup> phe phóng khoáng, có lối ứng xử của giới híp pi.

<sup>11</sup> phe bảo thủ, có lối sống khuôn thước.

Một biến cố không thường xảy ra giúp cho các phụ tá nam ngồi chung lại với nhau, là một cuộc khai mở được thực hiện bởi anh Earl Robinson, một hội viên cục square. Anh kể cho chúng tôi là mình đang tập latihan tại Foresters Hall, trụ sở Subud của chúng tôi, thì có linh hồn của một người chết đứng trước mình, và xin được khai mở. Khi hết kinh ngạc, anh đến một góc trong phòng tập, và trầm nghiệm coi mình nên làm gì. "Cứ khai mở đi!" là câu trả lời. Nên anh làm ngay điều đó. Đối với tất cả chúng tôi chuyện đó đã gây nên ấn tượng sâu xa, và khiến cho nhóm phụ tá xích lại gần nhau hơn.

Một vấn đề khác mà nhóm phải đối phó là việc chăm sóc những hội viên bị khủng hoảng. Bapak đã cảnh giác chúng tôi là khi nói chuyện với những người muốn vào Subud, thì chúng tôi nên hỏi họ là có ai đó trong gia đình đã từng trầm trọng bị bệnh tâm thần, vì điều đó có thể tái diễn nếu họ được khai mở. Trong trường hợp đó, trừ phi có đầy đủ phụ tá để săn sóc họ trọn ngày, nếu không thì việc này có thể tạo nên khó khăn cho nhóm phụ tá – đó là chưa nói tới hội viên.

Hình như trong Subud có hai loại khủng hoảng. Trước hết là loại khủng hoảng tự nhiên, thông thường là do ai đó tập quá nhiều latihan, muốn tiến bộ nhiều về tâm linh trong khi mình chưa đủ sức. Những khủng hoảng đó thường thường kéo dài không bao lâu, và không luôn có những biểu lộ mà người khác nhận thấy được. Loại kế tiếp là sự tái diễn của một căn bệnh tâm thần của một hội viên hay của ai đó trong gia đình, như bệnh tâm thần phân liệt<sup>12</sup>(3) hay bệnh hoang tưởng. Loại khủng hoảng này có thể kéo dài lâu hơn, và thậm chí đối với phụ tá việc đối phó còn khó khăn hơn. Ở Los Angeles, nhóm chúng tôi đã thấy hai loại khủng hoảng đó.

Khoảng thời gian đó, chúng tôi được yêu cầu gom góp tiền bạc để mua một chiếc xe mới toanh gửi tặng BP ở Nam Dương. Chúng tôi lập nên một hội đồng nhỏ bé với anh Carl Schaeffer là thủ quỹ. Ngay sau khi ngân phiếu đến, anh Carl bị khủng hoảng. Tôi còn nhớ có một ngày anh George Masters và tôi đến căn nhà nhỏ bé tại đồi Hollywood, để thăm anh Carl và tập latihan với anh. Latihan không giúp được gì cho anh. Nó chỉ làm cho anh nổi điên thêm; anh ném bỏ những ngân phiếu nhận được lên trên không, và đập vỡ những đĩa hát bằng nhựa lên đầu chúng

---

12 schizophrenia: bệnh làm cho người bệnh hành động phi lí, trái ngược với những khuôn thước của xã hội.

tôi. Chúng tôi ngưng tập latihan, lượm lặt những tấm ngân phiếu - một vài tấm bay phấp phới ra ngoài cửa sổ về phía khu vườn - nhặt những mảnh nhựa lên, và chỉ ngồi đó với anh. Điều đó khiến cơn của anh lắng đọng xuống. Nói chung thì cơn khủng hoảng của anh không kéo dài bao lâu, và cuối cùng anh đến ở New York, và trở thành một hội viên tận tâm của nhóm nơi đó.

Loại khủng hoảng khác mà chúng tôi thấy ở Los Angeles, thì kéo dài lâu hơn, vì đó là một căn bệnh tâm thần có từ trước do latihan gây nên. Tuy kết cuộc thì loại bệnh tâm thần đó có thể được chữa lành, nhưng những vấn đề trực tiếp mà nhóm phụ tá phải đối phó thì không đơn giản. Anh James McGee là một nhà soạn kịch và diễn viên, nhưng ngay sau khi anh được khai mở ở New York, chứng bệnh tâm thần phân liệt phát lên, một chứng bệnh mà anh hiển nhiên đã mang trước đây trong đời mình. Sau khi đến Los Angeles ở, anh lên cơn khủng hoảng, và trong một khoảng thời gian anh tưởng mình là đức Ki Tô.

Có một lần mà tôi còn nhớ tới nay, Salamah cùng tôi và một vài người khác dẫn Jimmy đi chơi và ăn ngoài trời, tại một công viên ở Los Angeles, trong đó có cả Carl Schaeffer hồi đó nghĩ mình là quỷ sứ. Như các bạn có thể tưởng tượng, họ đã không dám đi gần nhau mà phải giữ một khoảng cách độ 50 yard giữa nhau, người này ném những cái nhìn đầy nghi kỵ vào người kia. Salamah còn nhớ tới việc "đức Ki Tô" thốt nên những điều tục tĩu chửi "quỷ sứ" đang nhảy múa và có vẻ vui thích cuồng nhiệt. Trong khi đó thì cuộc đi dạo ngoài trời của chúng tôi tiến hành tốt đẹp, những người khác thì tỏ vẻ bình thản trong cái công viên lúc đó may mắn là không có ai.

Trong thời kì đó tôi luôn biết rằng nếu hôm nào Jimmy thấy không được bình thường và cần mình, thì buổi sáng tôi sẽ thức dậy với một cơn nhức đầu kéo dài cho tới khi tôi có thể gặp anh vào lúc tối, sau khi làm việc ban ngày xong.

Một buổi tối nọ anh George Master và tôi ngồi một thời gian với Jimmy trong căn phòng anh. Sau khi an tịnh, do cái tính khá hung hăng, anh đi ra ban công. Từ nơi đó chúng tôi có thể trông thấy trăng tròn vừa mọc mà Jimmy nhìn chòng chọc trong một lúc. Anh trở về phòng trong một trạng thái rất khác biệt và rất xáo trộn. Trong những tuần kế tiếp, chúng tôi nhận thấy những lúc trăng tròn là những lúc có một ảnh hưởng trái ngược đối với lối hành xử của anh.



Anh George và tôi tới thăm Jimmy thường xuyên, theo khả năng mình, mặc dù cả hai chúng tôi đều phải làm việc trọn ngày. Bà vợ của Jimmy, nữ diễn viên Phyllis Love, là một người hết mình lo cho chồng trong những ngày tháng khó khăn đó. Chúng tôi thấy đưa anh tới một viện điều dưỡng tâm thần là không đúng, nhưng cuối cùng những hành động của anh nơi công cộng có hậu quả là anh bị công an bắt giữ và buộc phải tới đó. Chúng tôi nhận được một bài học: trong tương lai phải thận trọng hơn đối với những ai được khai mở.

Kể từ những ngày đầu tiên đó, những người theo nghề y và những nhà phân tâm học trong Subud, cùng với những nhà phân tâm học không thuộc Subud, đã làm việc chung nhau để trợ giúp những người bị những cơn khủng hoảng như vậy, và sự phát triển của nhiều loại thuốc mới cũng khiến cho việc đó dễ đối phó hơn. Tuy nhiên, điều ta vẫn không được quên là nên cho những người muốn vào Subud hay là có ai đó trong gia đình đã từng bị bệnh tâm thần hay chưa, vì điều đó - để được thanh lọc- có thể tái diễn trong latihan.

## Shafruddin

Tuy ban đầu Bapak đã bảo chúng tôi là từ California nên tới Brazil hay nơi nào đó ở Nam Mỹ, nhưng tôi đã không bao giờ tới đó. Năm 1960 khi vẫn còn tại Los Angeles, chúng tôi mời Shafruddin tới ở với mình. "Shaf", chúng tôi gọi anh là vậy, là một phụ tá Nam Dương trẻ trung kì diệu mà chúng tôi quen biết ở Coombe Springs. Một vài năm sau, anh lấy Siti Hardiyati, cô con gái út của Bapak.

Tháng 8 năm 1957, Shafruddin lần đầu tiên tới Anh để tiếp tay cho Bapak. Sau khi Bapak và đoàn tùy tùng trở về Nam Dương, Shaf còn ở lại Anh, nơi anh sống đơn độc và bị cô lập. Bởi cũng cảm thấy khá đơn độc ở Los Angeles, nên chúng tôi quyết định mời anh đến California để đi nghỉ mát với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ đó là điều tốt đối với anh, nếu đem anh ra khỏi nỗi buồn ảm đạm của cơn mưa ở Anh. Nên trong năm 1960 với 4 người nữa trợ giúp tài chánh cho mình, chúng tôi mời anh đến thăm L.A.

Sau khi Shaf đến ở với chúng tôi được vài tuần, anh hội trưởng của Subud Mỹ, Erling Week, đến New York và đem Shaf đi chơi khắp nước Mỹ, trước khi anh phải trở về Coombe Springs. Subud Mỹ nhận thấy đó là điều tốt với Shaf, nếu anh đến chơi những nhóm khác trên đất nước, nên Erling bắt đầu sắp xếp cho Shaf đến thăm Mỹ một lần nữa trong năm tới. Họ làm đơn xin chính thức thị thực lâu hạn cho anh, coi anh là "thầy tu" của hội Subud. Những quan chức phụ trách nhập cư không thích lối đó, nên chúng ta phải thử những phương pháp khác, tất cả đều tốn khá nhiều thời giờ.

Cuối cùng Shaff trở lại California với một thị thực du khách ngắn hạn. Tuy nhiên, những khó khăn về thị thực cho chuyến đi thứ hai của anh không kéo dài bao lâu. Trong khi đó thì Salamah mang bầu đứa con đầu tiên của chúng tôi, và một hay hai ngày sau khi Maria sinh ra trong tháng 8 năm 1961, Shaf trở lại thăm California lần thứ nhì. Như anh đã nói với chúng tôi: "Đó là vì đáng lẽ tôi phải đến sớm hơn. Bây giờ thì hầu như tới lúc tôi phải về nhà." Tuy vậy, cuộc thăm viếng của anh là điều tốt đẹp đối với toàn thể nhóm Los Angeles, và anh đem được vào Subud một vài hội viên mới.

Lần này thì anh ở chung với Lonard và bà vợ là Irene James, cả hai đều từ San Francisco tới ở trên những ngọn đồi của Hollywood. Công việc của Lonard là bán những phi cơ nhỏ bé tại San Fernando Valley. Hồi đó anh Tony Bright cũng ở Los Angeles, và có lần Lonard đem Shaf, Tony và tôi lên máy bay du ngoạn trên không.

Chúng tôi có những lúc rất thoải mái với Shaf. Anh thường chơi vĩ cầm, và có lần Bapak đã nói là anh có thể làm cho người bệnh lành mạnh, bằng cách chơi nhạc cho họ nghe. Anh rất nhạy cảm, và tôi còn nhớ tới một dịp trước đây ở Anh; khi cho chơi những bài hát của nhạc sĩ Mahler do cô Kathleen Ferrier ca, một người rất nổi tiếng hồi đó, tôi nhận xét là cô đã ca tuyệt hay, và tuy đồng ý với tôi, nhưng anh lại tỏ vẻ khá buồn rầu. Nhận thấy điều đó, tôi hỏi anh là có gì không đúng. Anh nói rằng mình không muốn nghe nữa, vì cô đã khiến cho cổ anh bị đau. Sau này, chúng tôi hay được là sau khi cho thu thanh bài đó, cô đã chết vì bệnh ung thư cổ.

Đối với tôi Shaf luôn luôn là một khuôn mẫu lí tưởng về việc thế nào là một phụ tá. Anh không bao giờ trực tiếp cho ta hay những gì mình cần biết, những điều anh có thể nhìn thấy, nhưng anh sẽ đợi chờ cho tới khi ta tự mình nhìn thấy được, hoặc do tiếp nhận, hoặc do trải nghiệm.

Một thí dụ về điều đó là một đêm nọ lúc chúng tôi tập latihan với một hội viên trong cơn khủng hoảng. Tôi trông thấy một cây cầu Nhật Bản với một người đàn bà mặc kimono, tay cầm dù. Sau đó, tôi thuật lại cho Shaff hay và nói: "Tôi nghĩ điều đó có nghĩa là tôi nên đến Nhật Bản, và có lẽ thậm chí nên đến Nam Dương."

Shaff nói: "Là vậy đó, tôi không thể cho anh hay, vì anh phải tự mình tiếp nhận được, nhưng mọi việc đã thay đổi với anh, và hình

như việc anh đi Nam Mỹ không còn đúng nữa. Anh có bốn phận tới Nam Dương, và anh cũng có thể đến dự đám cưới của tôi!”

Điều khá lí thú là tôi đã thấy có một dấu hiệu về việc đến Brazil không là một điều hay nữa. Khi đến toà lãnh sự Brazil để xin thị thực, điều tôi chỉ thấy là đã đóng cửa, vì hôm đó là một ngày lễ của Brazil. Dù sao thì điều này có vẻ là một sự chỉ dẫn.

Vậy nên chúng tôi đến Nam Dương với bé Maria, để dự đám cưới của Shafruddin.

## Chương: Indonesia

### Đến Jakarta

Khi Salamah và tôi đến Jakarta, ngày 25 tháng giêng năm 1962, thì Bapak vẫn còn đang ở trong căn nhà xưa cũ kiểu Hoà Lan trên con đường Djalan Djawa, nơi khu vực sang trọng dành cho giới ngoại giao ở Menteng, gần trung tâm thành phố. Trong 6 tuần đầu, chúng tôi ở chung với gia đình Usman, tại một khu ngoại ô của Jakarta. Họ có 7 người con còn nhỏ, và có lòng tốt cho chúng tôi tá túc, vì nhà của Bapak đã đầy chật rồi.

Lần đầu tiên gặp Bapak tôi rất e ngại, đầu óc tôi chạy nhảy lung tung với những ý nghĩ về việc Bapak là ai, tôi nên làm gì khi gần người, người nghĩ gì về mình. Hiển nhiên Bapak đã đón bắt được những ý nghĩ đó, nên người lập tức khiến cho tôi được thoải mái bằng cách nói. “Đừng thắc mắc Bapak là ai, cứ việc thư thái. Bapak không luôn nhìn vào phần bên trong của mọi người! Cứ việc bình thường, hút một điếu thuốc lá đi.” Tôi làm theo lời khuyên đó, nhưng đã may mắn bỏ được thói hút thuốc một vài năm sau.

Lần đầu tiên chúng tôi tới là lúc sắp có Ramadhan, nên người đề nghị là chúng tôi nên thử trai giới. Trong vòng một vài ngày, mọi người trong chúng tôi, kể cả bé Maria, đều bị ỉa chảy, và khi thấy được tình cảnh khó xử của chúng tôi, Bapak bảo chúng đừng trai giới nữa.

Đời sống hồi đó ở Jakarata thật gay go với mọi người. Đà lạn phát

không thắng lại được. Tháng giêng năm 1962 khi chúng tôi đến, giá hối đoái chính thức của một Mỹ kim là 40 rupiah. Giá chợ đen là 400 rupiah, và tất cả chúng tôi đều mua với cái giá đó. Vào lúc chúng tôi đi khỏi Nam Dương 18 tháng sau, thì giá một Mỹ kim là 4000 rupiah.

Điều may mắn là chúng tôi đã đến Jakarta bằng đường biển và đường hàng không, ngang qua Tokio và Singapore. Ở Singapore chúng tôi may mắn được gặp ông Usman, một người vừa là thông dịch viên, vừa là nhân vật xử lý những vấn đề tài chính của Bapak. Ông khuyên chúng tôi mở một tài khoản ngân hàng ở Singapore và để tất cả tiền bạc chúng tôi vào đó, vì những séc<sup>13</sup>(1) lấy tiền ra ở những tài khoản đó sẽ có thể đổi được ra tiền mặt ở Jakarta với giá chợ đen. Vì chỉ có ý định ở lại hai tuần, nên chúng tôi đem hết số tiền dành dụm để vào cái tài khoản đó. Một khi đến Jakarta, chúng tôi có thể đổi những séc đô la Singapore đó, nhờ một bà Hoa kiều làm nghề đổi tiền, một người phải được sự chấp thuận và ngay cả che chở của chính quyền, vì tất cả các người ngoại quốc đều nhờ bà.

Hồi đó không ai đặt tiền ở những ngân hàng Nam Dương, vì lạm phát tăng lên rất nhanh. Usman, thủ quỹ của Bapak, có một phòng đầy những máy đánh chữ, có thể nói là chất cao tới trần nhà, và khi Bapak cần tiền, Usman đem ra ngoài bán vài cái. Usman cũng nhập cảng formica<sup>14</sup> (2) để bán, một thứ mà nhiều người ở Nam Dương hồi đó muốn.

Các công chức chỉ được trả cho mỗi tháng một số tiền tương đương với 10 Mỹ kim, nên tiền lương đích thực của họ, tính theo mỗi tuần, là một lít gạo mỗi ngày cho mỗi người, với một khẩu phần dầu nấu ăn và dầu hoả. Tất nhiên những công chức làm được chuyện này thì sẽ làm: thêm phụ vào cái khẩu phần của mình bằng những “tiền thuế”<sup>15</sup> (3) bất hợp pháp tại bất cứ đâu và bất cứ lúc nào.

Vì đã chỉ có thể đặt rất ít tiền ở Singapore, nên chúng tôi cũng nghèo như mọi người. Chúng tôi thật gầy ốm.

Trong những năm đầu tiên của thập niên 60, buổi tối Bapak thường ngồi bên cạnh nhà mình ở Jakarta, bên trong là cái ga ra, nhưng đó lại

13 cheque

14 một chất dẻo

15 levies: có lẽ tác giả muốn nói tới tiền hối lộ

là nơi có những bàn ghế của văn phòng Subud. Những hội viên trẻ như chúng tôi thì ngồi bên ngoài theo hai hàng, bên này và bên kia của con đường lái xe vào nhà, trên những chiếc ghế dài bằng gỗ mỏng. Ngồi trên những chiếc ghế đó thì khó chịu đến nỗi có thể bảo đảm là chúng tôi không buồn ngủ, vì đôi khi những buổi hội họp đó có thể kéo tới đêm khuya.

Không luôn luôn là những buổi nói chuyện về tâm linh. Đôi khi Bapak chỉ trò chuyện về tình hình kinh tế, về giá gạo, về sự lạm phát không kèm hãm lại được và giá cả của xe hơi. Trong những dịp như thế, người có thể nhắc cho chúng tôi nhớ là: “Tất nhiên, các bạn nhận thức được đó không là ông Bapak đích thực đang nói chuyện với mình.” Nội tâm của người hiển nhiên đã ra ngoài, để thực hiện một sứ mệnh quan trọng tại một nơi nào đó.

Trong một dịp đặc biệt khó quên, ông Bapak đích thực hiển nhiên đã có mặt nơi đây, khi người bắt đầu nói về sự thăng thiên của mình. Một làn sóng hữu hình có sức mạnh tâm linh bao bọc tất cả chúng tôi, hình như đã chậm chạp truyền ra phía ngoài, từ nơi Bapak ngồi trong ga ra. Sau khoảng 20 phút, khi Bapak mô tả xong, cái sức mạnh đó chậm chạp rút lui trở lại về ga ra. Nhiều người có lẽ cũng nghiệm được một điều tương tự, khi ngồi gần Bapak trong những buổi nói chuyện.

## Đến Wisma Subud ở

Khi đầu tiên chúng tôi tới Nam Dương, khu đất của Wisma Subud nằm ngay nơi thôn dã, về phía Nam Jakarta. Con đường đến đó rất chật hẹp và có đầy ổ gà. Ban đầu nó được xây cất với sự tài trợ của người Mỹ, để phục vụ Bệnh Viện Ibu Fatmawati cho người lao, cách đó 3 cây số gần con đường đi về hướng Nam – cái bệnh viện đó cũng được sự tài trợ của người Mỹ. Hồi đó chỉ có một cao ốc duy nhất giữa Wisma Subud và bệnh viện, và đó là nơi ẩn cư của Ibu Fatmawati, bà vợ đầu tiên của tổng thống Sukarno. Tất cả những chỗ còn lại xung quanh thì hoặc là những ruộng lúa, hoặc là những khu đất trồng cao su, và chỉ có 3 căn nhà nhỏ bé vùng thôn quê dọc theo con đường hiện nay là Pasar Mede.

Nơi cái hướng tới Jakarta thì không có cao ốc cho tới khu chợ Blok A và bến xe buýt cách khoảng 10 km về hướng Bắc, ngoại trừ đài phát thanh của hải quân trên Jalan Fatmawati. Không khí thì trong sạch, và đời sống tuy mộc mạc nhưng lành mạnh.

Cái cao ốc duy nhất xây gần xong trên khu đất ban đầu của Wisma Subud là Nhà Khách, một cơ cấu bằng bê tông trắng với mái phẳng chỉ có hai tầng. Nó được anh Lionel van Sommers thiết kế, khi anh và bà vợ Helena đến thăm Jakarta năm ngoái.

Khu đất thì rất nhỏ, chỉ tới phần sau của Nhà Khách và chỉ nơi rộng tới cái tháp nước hiện nay. Đối diện Nhà Khách là một cao ốc bắt đầu được xây, và sẽ được dùng là phòng tập latihan đầu tiên và văn phòng của Bapak. Một người Mỹ tới thăm hỏi chúng tôi, khi anh trông thấy cái



đó. "Cái tàn tích này dùng để làm gì?" Sự kiện là hồi đó quả thực có rất ít tiền –và tiền thì hết cạn.

Tháng 3 năm 1962 một khi Nhà Khách ở Cilandak không ít thì nhiều được xây xong, chúng tôi đến đó ở, trong một căn phòng tầng dưới cùng. Ban đầu cuộc sống khá cực nhọc. Có những điều phải làm như tự đi bơm nước nơi một cái giếng đằng sau nhà khách, ánh đèn thì do những đèn dùng dầu hoả cần phải đều đặn bơm dầu vào. Sau này có một máy phát điện nhỏ bé xách tay đem điện tới cho cuộc sống chúng tôi trong một hay hai giờ mỗi đêm.

Trong vài tháng đầu tiên chúng tôi không có người hầu, hay bất cứ ai phụ giúp mình, và Salamah phải giặt bằng tay tất cả những áo quần của chúng tôi, kể cả những tã lót của Maria, cũng như phải đi mua đồ, nấu ăn, lau chùi và làm tất cả những việc vặt hằng ngày khác. Cuộc sống thật cực nhọc, nhưng không khí hồi đó ở Cilandak thì trong lành, và từ nhà khách ta có thể rõ ràng trông thấy màu xanh của những ngọn núi đằng xa ở hướng Nam. Chung quanh khu vực của Wisma Subud là một phong cảnh xanh tươi với những cây cỏ, cây chuối, cây đu đủ và cây cao su, ngoài ra còn có màu xanh lá cây tươi tốt của những ruộng lúa. Hồi đó chưa có tường hay hàng rào, và căn nhà khách hai tầng màu trắng bằng gạch có vẻ như trơ trọi trong cái khung cảnh tươi đẹp đó.

Thế rồi mỗi cuối tuần Bapak bắt đầu đi xuống, ban ngày thì ở Jakarta, nhưng có khi lại về Cilandak trong một hai hai đêm với Ibu, đôi khi với cô con gái Rochanawati, và thông thường thì với toàn thể đám cháu chít và người hầu. Họ chiếm lấy tầng lầu trên cùng của Nhà Khách.

Tuy nhiên, hồi đó chưa có nước hay điện, nên sống ở đó không là chuyện dễ. Chẳng bao lâu một máy phát điện cũ rích được mua, nhưng nó thật không đáng tin cậy, và chúng tôi trải qua phần nhiều những buổi tối trong bóng tối với chỉ một hai hay cái đèn. Nấu nướng thì làm trên những lò dùng dầu, những cái đó phát ra khói đen, nên nhà bếp luôn luôn có vẻ dơ bẩn. Ban đầu cơn nóng cũng gây khó khăn cho chúng tôi; không được ai phụ giúp, nên chẳng bao lâu Vivien bị đau ốm, vì cố gắng tự làm lấy mọi việc, mặc dù bé Maria có vẻ như được khoẻ mạnh trong cái không khí thanh bình của nông thôn.

Latihan được tập ở tầng dưới trong phòng ăn, và lúc đó, 4 năm sau khi được khai mở, tuy vẫn còn là một thành viên của nhóm "O" ở

Coombe, nhưng tôi chưa từng phát ra một âm thanh trong latihan. Một buổi tới ở Cilandak, Bapak đứng phía trước tôi và nói: "Nói Allah coi!" – và tất nhiên tôi đã nói! Nếu hiện nay có những bạn trẻ nào vẫn còn câm lặng trong latihan, thì tôi khuyên các bạn thử điều đó; đối với tôi thì đã có thành quả, và tôi đã nói "Allah" do nội tâm kể từ đó cho tới nay.

## Tâm thần lên cơn

Ngay sau khi lần đầu tiên chúng tôi đến Jakarta –và đây là lí do khiến chúng tôi quyết định ở lại- tôi nhận được một việc làm là kiến trúc sư cho chính quyền thành phố. Ông xếp trực tiếp của tôi là Lr. (kĩ sư) Ciputra, một người Hoa sau này trở thành chúa trùm trong giới kinh doanh, nhưng luôn có cảm tình với Subud, mặc dù trên thực tế ông chưa từng là hội viên.

Vào lúc đó ông thống đốc Jakarta, Ali Sakidin, lập nên một sòng bạc hợp pháp, do nhà nước làm chủ, cho những người Nam Dương giàu có, phần đông là người Hoa. Tiền thu được sẽ dùng vào việc xây cất trường học trong thành phố, trong đó có mấy trăm trường được xây cất trong một thời gian gồm nhiều năm. Sau này, dưới thời tổng thống Suharto, những đảng phái Hồi giáo có thể lực hơn, và đòi cấm cho mở những sòng bài hợp pháp. Tất nhiên người Hoa vẫn còn cờ bạc –nhưng một cách lén lút.

Khi chúng tôi hỏi về vụ đó thì Bapak nói đó là điều đáng tiếc, vì tài trợ cho các trường học là điều quan trọng hơn cái chính sách nhân nhượng đám Hồi giáo toàn nguyên.

Khi sau này tôi nói điều đó cho Ir. Ciputra hay, thì ông lấy làm phục cái đầu óc sáng suốt rất thiết thực của Bapak, và thậm chí còn có ý định vào Subud. Tuy nhiên, ông đã không làm điều đó, vì theo ông: “Bây giờ tôi không thể vào Subud, vì tôi muốn kiếm nhiều tiền hơn cho con cái

mình, và tôi sẽ không thể làm như vậy, vì phải không được nói dối nữa.”

Hồi đó mỗi ngày tôi đi đi lại lại từ Jakarta tới Cilandak, để đi làm. Đôi khi tôi đến thành phố với Leonore Kuplis, một nữ bác sĩ Đức là hội viên Subud. Bà ở chung với chúng tôi trong Nhà Khách và có một chiếc xe hơi, nhưng tôi luôn phải đi về bằng xe buýt. Đôi khi tôi dừng lại nơi khu chợ tại Blok A, hồi đó là những căn lều một tầng với những lối đi bùn lầy ở giữa.

Một buổi tối khi tôi đang mua hàng tại đó, thì chợt có vật nặng đặt xuống trên vai, và tôi nhận thức được tâm thần đang lên cơn. Tôi cầu nguyện để được giải thoát khỏi cái đó, nhưng vô vọng. Tôi trở về Cilandak, đi ăn tối, vào tập latihan trong phòng ăn, với cái “vật” đó vẫn còn trên lưng mình. Tôi bắt đầu tiếp nhận được latihan, nhưng tất cả những gì mình có thể cảm thấy là một chút nòng cốt của latihan trong ngực, cái “vật” nặng nề và đen tối thì vẫn còn đó. Bapak liền đến đứng trước mặt tôi và nói “*Terus*” (cứ tiếp tục) và tất nhiên tôi cố gắng quy thuận một cách hoàn toàn hơn, để giữ lại cái tàn lửa nhỏ bé của latihan đang cháy. Khi tôi ra khỏi phòng ăn lúc latihan chấm dứt, thì cái “vật” đó đột nhiên bỏ tôi mà đi.

Tôi đến ngồi dưới chân Bapak tại cổng Nhà Khách và xin người giải đáp điều đó cho mình. Người chỉ cười. Tôi phải tự kiếm cách giải đáp, có lẽ là sẽ không được bỏ cuộc trong trường hợp này.

Nếu điều có xảy ra với mình một lần nữa, thì tôi nghĩ mình cũng nên cầu xin Bapak trợ giúp bằng cách nói “*Subuh, Subuh*”, như nhiều người khác đã làm và được toại nguyện, trong những trường hợp tương tự.

## Bản tính thú vật

Có lần sau một xuất latihan tối ngày thứ bảy trong phòng ăn, khi ngồi chung với những người phái nam tại cổng Nhà Khách, thì Bapak chợt nói về những sức mạnh thú vật, hay cái bản tính thú vật của chúng tôi.

Người đầu tiên được trắc nghiệm là anh bạn quá cố Rachmat Pane, một luật gia và hội viên Subud lâu đời. Bapak yêu cầu Sudarto trắc nghiệm cho Rachmat, Sudarto ngồi xổm xuống, miệng mở và ngậm. "Là con ếch" Bapak nói. Và lập tức chúng tôi có thể trông thấy điều đó là đúng, vì anh Rachmat, một người thân mật và vui tính –chúng tôi thực sự trông thấy được- có cái gì như của một con ếch trong tính nết.

Điều khiến tôi lo lắng là Bapak kế tiếp quay về phía tôi, và Sudarto như đang bò, lưỡi thè ra và thè vô, đầu thì cử động từ phía này qua phía kia. "Một con rắn lằn!" Bapak nói. "Nhưng là một con rắn lằn lớn. Nó nằm dưới ánh mặt trời cho tới phút cuối, và chỉ sau đó mới di động rất nhanh chóng." Thật là đúng! Tôi thấy điều đó quả thực đã tô điểm cho một lô những hoạt động của mình - và hiện nay thì vẫn còn. Việc đó đã giúp tôi rất nhiều trong sự việc làm cho mình hiểu được bản thân mình (và nó cũng khiến cho Salamah trở nên kiên nhẫn hơn một chút đối với tôi)

Một hội viên khác, người này thì từ Mỹ, có bản tính của một con ngựa - và điều này thì chắc chắn là vậy rồi, anh thường cử động đầu từ phía này qua phía kia, như đang thả tên tuổi của mình vào mặt người khác.

## Nhìn vào cặp mắt của Bapak

Điều này luôn gây ấn tượng với tôi: việc Bapak quan tâm tới những vấn đề của những hội viên thông thường, ngay cả trong lúc đáp lại các bức thư.

Một buổi sáng nọ, trong phòng tắm đằng sau Nhà Khách, tôi vừa tắm xong, hoàn toàn trần truồng, thì đứng đó để lau mình trước khi bước ra ngoài, mắt ngược nhìn ra ngoài cánh cửa sổ trên đầu mình. Chợt nhiên có khuôn mặt của Bapak tại cánh cửa sổ được mở, cách tôi 18 inch, điều này khiến tôi hết hồn.

Bapak đã viết một bức thư trả lời một hội viên hỏi về bước đi sắp tới của sự nghiệp mình, và người đi kiếm tôi để muốn biết hiện nay người đó đang làm gì.

Đó là một cơ hội độc nhất khiến tôi được dịp nhìn thật gần vào cặp mắt Bapak. Có nhiều người cũng đã bình luận về điều này: đó như là việc nhìn thẳng vào những chỗ xa xăm nhất của vũ trụ. Có lẽ đó là điều khiến Bapak thường hay tránh nhìn lại những cái nhìn của người khác?

Vào khoảng thời gian đó, trong một xuất latihan trong một phòng tập xưa cũ, tôi được cho thấy vùng Kalimantan với một vài hòn đảo của Phi Luật Tân trên đó. Kalimantan có những ánh sáng hơi xanh và vàng nhấp nháy và lấp loáng dưới đất. Sau latihan tôi hỏi Bapak điều đó có nghĩa là gì, và người giải thích là tôi đã trông thấy những thứ vàng và kim cương vẫn còn có dưới đất, những thứ mà hội viên Subud một ngày nào đó sẽ khai thác. Tất nhiên, điều này hiện nay đang xảy ra.

## Những lối chữa bệnh kì diệu

Khi chúng tôi lần đầu tiên đến Jakarta trong tháng giêng năm đó, Leonore Kuplis, bà bác sĩ của Đức, đã ở nhà của Bapak tại Djalan Djawa, và làm việc tại Jakarta. Là một y sĩ, Leonore cũng rất chú tâm tới những y thuật không thuộc truyền thống, và nghiên cứu những thảo dược của Đông y. Bà đã bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ, để đến thu thập những mẫu xét nghiệm tại khu chợ bán thảo dược. Bà yêu cầu Sudarto, một thành viên trong cơ quan thư kí của Bapak, làm trách nhiệm cho mình về thuộc tính của những thảo dược đó. Kết quả là họ tìm được một thảo dược trị được bệnh ung thư.

Hồi đó Leonore làm việc mỗi ngày tại nhà thương công chánh yếu ở Jakarta, và khi đến ở Cilandak với chúng tôi, bà vẫn còn làm như vậy, đến Jakarta bằng xe hơi. Bà được chấp thuận cho thử phương thuốc của mình nơi 40 phụ nữ đang hấp hối vì ung thư buồng trứng. Điều khiến mọi người kinh ngạc, đặc biệt các y sĩ của bệnh viện, là có 30 bệnh nhân đã lấy lại được sức khoẻ và được lành bệnh. Điều đó là một cú sốc đối với y giới của Jakarta, nên những thành quả đó bị bùng bít, và người ta yêu cầu Leonore không được tiếp tục lối điều trị đó nữa.

Sau này, một y sĩ Subud khác, xin miễn được cho biết tên, dùng những dược thảo y như vậy để chữa trị cho một vài bệnh nhân bị ung thư, nhưng lần này thì không thành công. Khi được hỏi tại sao lại như vậy, Bapak giải thích là có một vài người có năng khiếu chữa bệnh, và việc chữa được hay không là điều phần nhiều tùy thuộc nơi phẩm chất của người cho phương thuốc, chứ không là phẩm chất của phương thuốc. Hiển nhiên Leonore có cái năng khiếu đó.

Không bao lâu sau đó, một người Nam Dương là bạn của Salamah

cũng được chữa lành bệnh ung thư, nhưng lần này thì với y khoa truyền thống, đồng thời với việc thường xuyên tập latihan với phái nữ. Sau đó, chị đã không cho phép Salamah phỏng vấn mình để viết một bài báo về vụ đó, chị chỉ cười và nói: “Không được, không được, đây chỉ là một chuyện tư mà tôi không muốn nhắc tới nữa, và chắc chắn cũng không muốn cho người khác biết tới.”



## “Xung đột”

Khi anh Ramzi đi với Bapak tới Hội Nghị Briarcliff, vai trò chánh yếu của anh là cho coi những hoạ đồ để thu góp ngân quỹ cho việc xây cất căn nhà của Bapak. Chỉ còn lại chúng tôi ở Nhà Khách, với đứa cháu gái được 18 tháng là Maria. Trước khi ra đi, Bapak bảo chúng tôi ở lại, để trông coi nơi chốn đó, nên chúng tôi rất vui vẻ làm điều đó.

Tuy nhiên, chúng tôi nghèo túng kinh khủng. Tôi lãnh được mỗi tháng một số tiền tương đương với 10 Mỹ kim, và chúng tôi hầu như không có gì gọi là của cải. Những hội viên khác tại Wisma Subud hồi đó thì chỉ có Pak Ishak, bà vợ ông là Karani, cùng với một lô những đứa con của họ ở trong một căn nhà nhỏ bé bên cạnh; họ cũng nghèo túng khủng khiếp. Không ai trong chúng tôi có đủ để ăn. Đôi khi Pak Brodjolukito, một thành viên thuộc cơ quan thư kí của Bapak, đến thăm lúc cuối tuần; ông ở lại Jakarta với chúng tôi, để trông nom căn nhà và những đứa con của Usman, trong khi Usman và bà vợ Aminah thì đi công du với Bapak.

Một đêm trong tháng 6 hay tháng 7 tôi có một giấc mơ rất sinh động, trong đó Bapak hiện ra và nói: “*Một vài người khác có thể ở lại Cilandak trong một vài tuần, một vài người khác thì trong một vài tháng, và bạn thì có thể ở lại...*” nhưng tôi chợt thức dậy trước khi người có thể nói cho hay! Tôi kể lại cho Pak Brodjo về giấc mơ đó, ông trầm nghiệm và tiếp nhận được là chúng tôi nên lập tức trở về Anh.

Tới đây có lẽ tôi phải cho hay là những quan hệ chính trị giữa Nam Dương và nước Anh hồi đó rất căng thẳng, vì nước Anh đã trao trả độc lập cho Malay, Singapore, Sarawak và Sabah, những nước hợp lại thành một quốc gia liên bang gọi là Mã Lai. Điều này đi ngược lại cái quan niệm đặc ý nhất của tổng thống Sukarno về một liên bang rộng lớn giữa Nam Dương, Malaya và Phi Luật Tân, cái gọi là “Maphilindo”.

Thực ra, ông tuyên chiến với quốc gia mới thành lập là Mã Lai, mặc dù ông gọi đó là một “Konfrontasi” -một sự xung đột. Và tất nhiên, người Anh, nguyên nhân của vấn đề, thì thật không được ưa chuộng.

Dù sao, Brodjo không tin cậy sự tiếp nhận của mình -việc chúng tôi nên trở về Anh- nên ông kêu Sudarto, một thành viên khác thuộc cơ quan thư kí của Bapak làm trắc nghiệm. Sudarto cũng tiếp nhận được y như vậy: chúng tôi phải ra đi ngay lập tức.

Tuy nhiên, bởi coi việc đó là quan trọng, nên không ai dám tin sự trắc nghiệm của mình, họ liền đánh điện cho Bapak ở New York. Điện tín nhận được là: “Vợ chồng Popes phải trở về Anh lập tức.”

Nhưng đối với chúng tôi, vấn đề là: bằng cách nào? Như mọi người hồi đó ở Nam Dương, vì nghèo túng tối đa, nên chúng tôi không có đủ tiền mua trọn vé máy bay, chúng tôi chỉ mua được vé tới Tích Lan, và trong ngân hàng thì không còn đồng xu nào –tôi chỉ kiếm được một số tiền chết đói. Chúng tôi phải làm gì đây? Trong vòng một tuần nhận được điện tín của Bapak, điều khiến tôi ngạc nhiên là nhận được thư của bố mẹ mình, hiển nhiên mỗi bức đều được người này viết mà không cho người kia biết, trong thư nói: “Ba (mẹ) cảm thấy con cần tiền, nên gửi 100 pound vào tài khoản ngân hàng của con”. Số tiền đó vừa đủ để mua thêm vé từ Tích lan tới Anh.

Một vài ngày sau khi chúng tôi đi khỏi Nam Dương, một đám đông do chính quyền giật dây xâm nhập vào khu vực của sứ quán Anh để đốt nhà, phần nhiều chỉ vì có một ông Tô Cách Lan nóng nảy, mặc quốc phục, thổi kèn túi đi chung quanh sứ quán, ngay bên trong hàng rào. Điều đó đủ để khiến cho mọi đám đông trở nên hung bạo!

Không ai bị hại, nhưng họ đoạt được một số tài liệu, và tìm thấy tên tuổi và địa chỉ của tất cả những người Anh ở Jakarta. Những đám đông khác thì đến thăm tất cả những nhà có người Anh ở, đem đốt ngoài đường tất cả những đồ đạc và tài sản của họ. Nhưng một lần nữa cũng không ai bị hại.

Thậm chí có một đám gồm vài mạng kéo nhau tới Cilindak và đòi hỏi được cho hay những gia đình người Anh ở đâu. Brodjo, lúc đó có mặt tại nơi, điềm tỉnh nói là chúng tôi đã trở về Anh, kết cuộc là đám người đó giải tán.

## Chương: Back to Europe

### Dịp may cuối cùng cho nhân loại

Một buổi tối tại nhà của vợ chồng Von Bissing, Bapak coi truyền hình là thứ chưa có ở Nam Dương với một vài hội viên Subud.

Người liền nói về lịch sử của nhân loại trong quá khứ. Người nói rằng đã có nhiều nền văn minh vĩ đại trong quá khứ, nhưng người ta đã bỏ bê tâm linh và say mê vật chất. Thế nên, Thượng Đế đã xoá đi hết bằng cách “đổi đời”. Khi nói như vậy, người cử động bàn tay một cách mạnh mẽ, như đang vặn nút để chuyển qua đài khác trên truyền hình.

Người nói rằng những kẻ còn sống sót của những tai ương đó một lần nữa đã phải tất cả đi lại từ đầu, vì tất cả những hờn ức về quá khứ đã bị xoá sạch hết trong trí óc họ, và tất cả những gì họ còn lại là cái khả năng sinh sản và tìm kiếm thức ăn. Bằng cách đó nền văn minh hiện nay đã phải bắt đầu tất cả lại một lần nữa.

Bapak nói rằng điều đó có thể xảy ra một lần nữa, nếu nhân loại không đáp ứng lại cái cơ hội có được do sự xuất hiện của Subud. Và nếu sau 100 năm hay vào khoảng đó mà chẳng có gì thay đổi thì Thượng Đế có thể thấy cần phải “đổi đời”, và đó là dịp may cuối cùng cho nhân loại.

## Chương: Wisma Subud Again

### Tụ tập phá rối ở Bali

Một biến cố đã in vào kí ức tôi vào lúc đó là điều xảy ra trong một chuyến đi với Bapak đầu năm 1965. Trong đoàn tùy tùng có Erling Week và bà bác sĩ Đức Leonore Kuplis.

Hồi đó tinh thần bài Mỹ lên tới cao độ ở Nam Dương, vì đảng Cộng Sản hoạt động rất tích cực. Ellsworth Bunker, ông đại sứ lưu động của Mỹ, được phái tới Jakarta để tạo nên những quan hệ tốt đẹp, và bởi ông phải lấy máy bay tới Bali cùng ngày với đoàn tùy tùng của Bapak, nên người ta tưởng lầm chúng tôi là người của ông.

Khi máy bay chúng tôi đáp xuống đậu trên bãi, một đám đông khoảng 3 hay 400 người Bali bao vây nó, mọi người đều la hét và nắm tay hăm dọa. Việc anh Erling trông hơi giống ông Bunker không khiến cho mọi điều được dễ dãi hơn! Thế nên, chúng tôi chỉ còn cách là ngồi lại trong máy bay mà không biết sẽ làm gì. Sau một phút hay vào khoảng đó, Bapak đứng lên và nói với chúng tôi một cách cương quyết: "Đi theo tôi". Người bước ra cửa máy bay, bước xuống cầu thang, đám người ngoại quốc lo sợ co rúm theo sau.

Điều kinh ngạc là đám đông liền rẽ ra cho Bapak và tất cả chúng tôi đi qua, mặc dù lúc đó là những giây phút kinh khủng nhất trong đời tôi - bị người ta giận giữ la hét, tay nắm lại thành quả đấm chỉ cách mặt mình độ một vài inch.

Sau đó tôi nghĩ rằng có lẽ họ đã nhận thấy lỗi lầm của mình, vì khi chúng tôi đi xe trên đường từ phi trường tới Den Pasar, thì có một chiếc cam nhông chở đầy những kẻ náo loạn vẫy tay vượt qua chúng tôi, nhưng lần này thì một cách vui vẻ.

## Lúc đảo chánh

Salamah và tôi đã rất may mắn, vì đã được gần cận Bapak trong nhiều năm ở Cilindak. Có lẽ cái biến cố khó quên nhất là điều xảy ra ngay trước cuộc đảo chánh trong năm 1965.

Một hay hai tháng trước vụ đó, vào một buổi chiều Bapak ngồi ngoài phòng tập latihan xưa cũ, chung quanh là một nhóm gồm những người bản xứ và ngoại quốc đang bàn luận về tình hình thế giới và tình hình ở Nam Dương. Hồi đó đảng cộng sản Nam Dương là một đảng cộng sản lớn hàng thứ ba trên thế giới, và tổng thống Sukarno thì dùng nó để đương đầu với quân đội và những đảng phái Hồi giáo, trong một thế cân bằng thật bấp bênh.

Một đêm nọ một đám cướp được vũ trang xâm nhập vào khu vực của Wisma Subud, vợ chồng Week bị cướp lấy số tiền mà họ lấy ra ở ngân hàng để mua một chiếc xe, và nhiều của cải của họ cũng bị lấy đi.

Sau vụ đó một bức tường được vội vã xây cất chung quanh khu vực, và những hội viên Subud thuộc thành phần không quân thì canh gác với vũ khí trên nóc nhà khách và nhà của Bapak.

Một ông đại tá trong Subud phái một trung đội binh lính tới canh gác cổng ra vào chánh yếu. Một đêm nọ có một chiếc xe vận tải chở đầy những kẻ được vũ trang lái về phía cổng và tìm cách xâm nhập vào bên trong. Họ gặp sự chống cự của anh trung úy có nhiệm vụ canh gác, và lái xe đi chỗ khác. Điều may mắn là anh trung úy đã nhanh trí nghi ngờ là đám người được vũ trang đó có thể tìm cách đột nhập từ phía sau khu vực, nên anh đến đứng tại cổng của nhà khách để quan sát. Quả thực y như vậy, một vài phút sau có những đầu người xuất hiện trên thành

tường đằng sau hồi đó gần cận nhà khách. Anh bắn một loạt đạn tiểu liên lên đầu họ, và họ vội vã chuồn đi.

Anh đến gần hơn, nhìn qua tường và thấy khoảng 30 người đang chạy trốn. Salamah và tôi thì đang ngủ trong căn phòng cạnh cổng nhà khách, và như các bạn có thể tưởng tượng, chúng tôi được đánh thức dậy một cách hầu như khiếm nhã.

Sau vụ đó, mỗi ngày Bapak và nhóm người phái nam ngồi ngoài phòng tập latihan thường thức đêm cho tới sáng sớm, và không khí thì rất nặng nề. Hồi đó, Prio Hartono nói với chúng tôi là Bapak đã cho mình hay rằng hoặc sẽ có một cuộc chiến nguyên tử giữa Nga và Mỹ, hoặc sẽ có nội chiến ở Nam Dương.

Một buổi chiều nọ anh Mark Week và tôi đến ngồi với Usman tại cổng nhà của ông, thì Bapak chợt tới. Trong khi Usman đi pha một li cà phê cho Bapak, thì Bapak nói với tôi bằng tiếng Nam Dương: "Nói với Erling là anh ấy phải đi Tân Tây Lan hay California, để chuẩn bị một nơi chốn cho Bapak và 40 gia đình Nam Dương có thể tá túc, nếu sự việc ở Nam Dương trở nên quá gay go."

Do đó mà anh Mark mua một nông trại rộng lớn ở Waiheke Island gần Auckland, Tân Tây Lan, tuy vào lúc đó anh thực sự đã mua rồi, và cuộc cách mạng của cộng sản ở Nam Dương thì đã xảy ra – và thất bại - nhưng tất nhiên những người đi tị nạn thì chưa từng đến.

Trong thời kì đó, bất cứ lúc nào ngồi canh gác *jaga malam* (gác đêm) bên ngoài phòng tập latihan cũ, Bapak đều mang theo một khẩu súng lục đặt trên bàn và nói với chúng tôi rằng tuy dùng vũ khí để tấn công là điều không đúng, nhưng ta được quyền dùng vũ khí để bảo vệ bản thân và gia đình, nếu bị tấn công.

Bapak đã dự định mở một *Asuhan* đặc biệt, hay một hội nghị chuyên đề về việc huấn luyện phụ tá tại Wisma Subud vào giữa tháng 6 năm 1965, nhưng điều đó bị bộ ngoại giao do cộng sản kiểm soát cấm cản, và Bapak bảo tất cả những người Subud ngoại quốc đi khỏi Nam Dương vào ngày tháng đó.

Như chúng ta hiện nay biết, âm mưu đảo chánh *gestapu* xảy ra ngày 30 tháng 9 năm 1965, khi nhiều tướng lĩnh cao cấp bị bắt cóc, bị hành

hung và giết chết. Điều may mắn là có một tướng lãnh, tướng Suharto, không có mặt ở nhà, ông chạy thoát được, có thể tụ tập một vài đơn vị của quân đội, bắt giữ được những kẻ đầu não, và dần dần lấy lại quyền kiểm soát đất nước.

Sau này người ta biết được là Bapak và tất cả người nhà đều có tên trong danh sách tử hình của cộng sản. Thế nên, khi hiện nay đến Cilandak, chúng ta phải mang ơn Thượng Đế đã khiến cho Bapak và gia đình tránh được cái số phận trong năm 1965.



## Thái độ của Bapak đối với tiền bạc

Thái độ của Bapak đối với đồng tiền khác xa với thái độ của phần đông chúng ta. Người thường nói là nếu ta cần tiền và tình trạng của mình được thuận tiện, thì đồng tiền sẽ đến tìm mình, miễn là ta ngồi trên nó nhưng dùng nó một cách khôn ngoan, hay đưa nó cho những người đang cần.

Vậy hiển nhiên là ta có thể đuổi đồng tiền đi! Một thí dụ về điều đó là lúc lần đầu tiên chúng tôi tới Cilandak, chúng tôi hầu như chẳng có gì với cái đồng lương do nhà nước của tôi. Tuy tôi có thể chấp nhận điều đó, nhưng Salamah thấy không thể nuôi ăn và nuôi mặc cho gia đình với cái đồng lương chết đói đó.

Tôi đến Caltex thăm dò, một công ty kiếm dầu của Mỹ, và họ đưa cho tôi một công việc, với tiền lương bằng Mỹ kim, thiết kế một cao ốc 4 tầng và một vài trạm dầu hoả chung quanh Nam Dương. Nhưng khi đến kí hợp đồng, tôi được hay là Pertamina, công ty dầu hoả của nhà nước, đã quyết định tự mình phân phát dầu, nên một kiến trúc sư không còn cần tới nữa. Khi tôi kể cho Sudarto về điều đó, ông cười và nói: Salamah muốn được nhiều tiền hơn đã khiến cho đồng tiền bỏ chạy!

Một lần khác, Bapak nhận xét là ta không nên thắc mắc về việc đồng tiền vô, mà nên ý thức được việc đồng tiền ra. Nói cách khác là để ý tới những chi tiêu của mình, và cảm thấy khi nào là lúc cho người khác

tiền. Trong năm 1965 chẳng hạn, khi đi khỏi Nam Dương để tránh cuộc nổi loạn của cộng sản, chúng tôi thấy mình không còn đồng cắc nào để theo được lời khuyên của Bapak là đến Tân Tây Lan và chờ đợi cho tới khi cơn nguy ở Jakarta xẹp xuống.

Một năm trước đó chúng tôi đã bán pho tượng bằng đồng Henry Moore ở London, để trở lại Nam Dương. Tới lúc phải đi khỏi Nam Dương một lần nữa, thì chúng tôi không còn đồng bạc nào, và Bapak cho chúng tôi một số tiền đáng kể (mấy trăm Mỹ kim, hồi đó ở Nam Dương có thể coi là khá sung túc)

Điều đó khiến chúng tôi có thể mua vé tới Tân Tây Lan, ngang qua Sydney, và với số tiền còn lại thì mua được vài món đồ cổ Nam Dương, kể cả một pho tượng bằng ngọc bích, những áo quần thêu khéo léo lối in hoa batic, và một *kai songker* thật đẹp của Sumatra, một loại áo quần mắc tiền, hiếm có, xâu bằng sợi bạc. Khi đến Auckland, chúng tôi có thể bán tất cả những thứ đó, ngoại trừ cái *kai songker*, và số tiền đó khiến cho chúng tôi sống qua ngày được, cho tới khi tôi bắt đầu kiếm được việc. Sau này chúng tôi nghe nói là Bapak thường cho tiền những hội viên Subud thực sự túng thiếu, mà không đợi cho người ta xin mình.

Câu chuyện này được tái bút: sau vụ *gestapu*, cuộc nổi loạn và tàn sát của cộng sản, khi việc trở về Nam Dương được an toàn một hay hai năm sau đó, chúng tôi đem theo cái *ken songket* để tặng cho Bapak.

## Chương: New Zealand and back to Indonesia

### Hãy uống một li nước

Bapak có lần nói rằng khi gần người nào suy nghĩ quá nhiều, thì điều này như có những cục sỏi nhỏ bé trong đầu.

Tại một buổi họp với Bapak và một vài người khác để bàn luận về việc xây cất một tháp nước cho khu nhà Wisma Subud, Bapak phác họa sơ lược đề nghị của mình là một khối cầu có 3 chân chống. Anh Lamaan lưu ý là cái đó khó xây cất được, và đề nghị xây một cái tháp tương tự với cái được xây trong thiết kế của anh Ramzi.

Vì ngay lúc đó thấy đồng ý với thiết kế của Bapak, nên tôi phản ứng một cách mãnh liệt, tôi rất bực bội và một cơn giận nổi lên trong lòng mình. Nhưng tôi nghe Bapak nói: "Tom, bạn có muốn uống một li nước không?" Điều này lập tức khiến lòng tôi lắng động xuống! Sau đó tôi tự hỏi là Bapak đã thực sự cảm thấy gì?

Trong một dịp khác, Ramzi, Lamaan và tôi được mời tới tư gia của Bapak trên những ngọn đồi tại Cipanas. Chúng tôi đi xe hơi, và hôm đó không là một chuyến đi thật thoải mái. Khi tới nơi, Bapak bước ra khỏi xe, lớn tiếng ợ và nói *alhamdulillah* (xin cảm tạ Thượng Đế) Có lẽ điều đó khiến người thoát khỏi những dơ bẩn mà mình đã mắc vào của 3 anh bạn trẻ đi chung với mình.

## Chương: The latihan hall and the 1971 world congress

### Nafsu của Bapak

Đầu năm 1970 khi chúng tôi bắt đầu xây cất phòng tập latihan mới tại Cilandak, như thường lệ ở Java, trước khi khởi công xây cất một cao ốc rộng lớn, thì cái đầu của một con trâu được chôn cất, và thiên hạ cầu nguyện cho dự án được thành công.

Buổi sáng có lễ khai mạc phòng tập latihan, một cái hố sâu một thước rưỡi được đào, và lúc 11 giờ thì Bapak đưa xuống cái đầu của con trâu, bọc trong một tấm vải trắng tinh, cho hai nhân công của người thầu khoán đứng dưới hố.

Người ta đọc kinh cầu nguyện, và trong lúc chúng tôi đang yên lặng đứng, thì mặt đất dưới chân Bapak lún xuống, Bapak trượt, một cách rất chậm chạp và trang nhã, xuống hố với một chân đặt trên đầu con trâu. Tất nhiên, mọi người đều kinh ngạc, và tất cả chúng tôi đều chạy tới giúp Bapak đứng lại trên mặt đất cứng.

Sau này, chúng tôi hay được là ông Sukarno, vị tổng thống đầu tiên của Nam Dương, một người vừa qua đời, được mai táng cùng ngày tại

Blitar, miền Trung Java, và có điều xảy ra là lúc 11 giờ 15 đám tang của ông đi ngang qua Wisma Subud trên đường đến phi trường.

Bapak thường nói Sukarno là *doppelganger* của mình, hay con ma của người đang sống, và nafsu của Bapak đã được trao cho Sukarno.

Biểu tượng đảng phái của Sukarno là cái đầu của một con trâu. Nghĩ rằng nafsu của Sukarno (và của Bapak) hiện nay đã được mai táng dưới trung tâm phòng tập latihan ở Cilandak, là điều không quá đáng?

## Chương: Life in Wisma Subud I

### Ba người minh triết

Mô tả cuộc sống ở Wisma Subud sẽ không được hoàn toàn, nếu không nhắc tới công việc của cơ quan thư kí của Bapak. Tuy hồi đó Rusli Alif và Pak Irman cũng thuộc thành phần đó, nhưng ba người cương kiên chịu gánh nặng của công việc là "ba ông thánh", như điều anh Varindra gọi: đó là Sudarto Martohudoyo, Sunarto Brodjolukito và Prio Hartono. Buổi chiều khi làm xong công việc ban ngày của mình tại cơ quan thư kí là dịch cho Bapak những bức thư của hội viên và đánh máy những thư trả lời của Bapak, họ sẽ mở cửa nhà cho cả những khách đến thăm hay những người ở đó.

Trong ba người, Brodjo là người dè dặt và quý phái nhất. Ông là con của một Bupati, hay thống đốc địa phương, nhưng trước khi lập gia đình, ông đã ở nhiều năm trong một căn phòng nhỏ bé tại khúc cuối một hành lang trong Nhà Khách. Sau khi thăm viếng ông, ta thường mang về được một tâm hồn thật an vui và thanh tịnh: ông ít khi bị bất cứ gì làm cho lo lắng.

Sudarto là một người náo nhiệt và hướng ngoại hơn. Ông thường trả lời những câu hỏi, và cho biết ý kiến về mọi việc, bất cứ gì, từ thiên thần tới tính dục. Một cách phi thường ông nhìn thấu đáo được những vấn đề và khó khăn của mỗi cá nhân, và với cái khả năng đó ông có thể giúp đỡ được nhiều hội viên.

Gần lúc cuối cuộc đời ông, Sudarto tới thăm tôi tại văn phòng ở IDC, tôi nghĩ có lẽ là để cảnh giác tôi về căn bệnh tim sắp tới và gần như có thể khiến cho chết của mình. Nhưng ông làm điều đó theo cái lối đặc biệt của người Java, đó là việc ông giải thích Bapak đã nói với mình

– Sudarto - là ông sẽ nhận được 3 sự chỉ dẫn hay cảnh báo về cái chết sắp tới của mình. Ông nói với tôi là hiện nay mình đã tiếp nhận được cả 3 điều đó, nên không mong đợi sẽ còn sống được lâu nữa. Điều đó thực ra là vậy. Nhưng tất nhiên, bởi là một người Tây phương có trí óc hoạt động tối đa, nên tôi đã không hiểu được cái thâm ý của ông (quả thực ông có ý muốn cho tôi hay) và cái trạng thái gần chết của tôi đối với mình là một điều hoàn toàn bất ngờ.

Sudarto thực sự là một người của quần chúng, và có thể thông cảm với cả người Nam Dương lẫn người ngoại quốc. Ông rất biết hài hước, và trong 3 người ông là người làm cho thiên hạ vui cười nhất trong những buổi tối tại tư gia ông.

Prio là nhà trí thức trong bộ ba, và cả trước và sau khi phục vụ cho Bapak, ông từng là giảng viên ở đại học. Trong 3 người ông là người được Tây hoá và có đầu óc tinh vi nhất, và Bapak đã phái ông tới Bắc và Nam Mỹ làm “đại sứ” của mình, nơi ông đã rất thành công trong việc giúp đỡ hội viên với những vấn đề của họ, khiến họ chuyên cần tập latihan đều đặn và lập nên nhiều dự án.

Về một vài khía cạnh có lẽ Prio là người quá trí thức. Khi lần đầu tôi đến Cilindak trong năm 1962, ông yêu cầu tôi dịch ra Anh ngữ một cuốn sách rất phức tạp mà ông đã viết, một cuốn hình như mô tả tất cả những trình độ khác nhau của sự sống, về mặt vật chất và tâm linh, với những biểu đồ rắc rối, cả về cá nhân lẫn thế gian. Tôi hỏi Bapak là có nên làm hay không, Bapak cười và nói: Không! Hậu quả là không còn ai nghe nói tới cuốn sách đó nữa.

Tuy nhiên sau đó, Prio viết một cuốn bằng tiếng Anh về những chứng nghiệm của mình với Bapak, và một cuốn khác về những chứng nghiệm huyền bí và thần diệu của mình, những cuốn được xuất bản sau này.

Có cái đặc quyền không thể tả nổi được sống gần Bapak trong một thời gian lâu, chúng tôi cũng rất vui mừng được 3 nhân vật khả ái đó khuyên bảo và chuyện trò với mình. Cầu xin Thượng Đế ban phúc cho họ, và xin cho linh hồn họ được an nghỉ - tuy theo tôi nghĩ thì thực ra họ đang rất bận rộn, tại bất cứ nơi nào họ đang ở, vì Bapak đã hứa là tất cả chúng ta đều có những việc phải làm tại thế giới bên kia!

## Tôn trọng người chết

Trong thập niên 60 một cặp vợ chồng già, Martin Taylor và Ilse Cromer từ Bournemouth ở Anh, đến Cilandak ở. Họ đã bán cái khách sạn nhỏ bé thuộc gia đình và muốn "đến sống trong một không khí ấm cúng giữa những người thân ái, gần gũi Bapak". Thế nên họ đưa tiền cho Bapak xây cất cho mình một nơi ăn chốn ở; Bapak cho xây tầng thứ ba của Nhà Khách, và cho họ dùng căn phòng tại đó trong lúc họ còn ở đó. Ilse qua đời trong năm 1974, nhưng Martin, một người còn ít tuổi hơn, sống được nhiều năm nữa sau khi vợ mình đã mất.

Khi Martin mất và quan tài của ông được đem xuống từ tầng ba tới cổng của Nhà Khách, thì Bapak đang đứng ở đó. Bapak nhìn tôi và yêu cầu tôi nói lên một vài lời tán dương bằng tiếng Nam Dương. Vì hồi đó vẫn còn rụt rè và tiếng Nam Dương nói của tôi thì dù sao vẫn còn nghèo nàn, nên tôi xin được miễn cho. Hiển nhiên không hài lòng, Bapak quay về phía Mas Adji, và tuy bị bất ngờ kêu gọi, nhưng anh cũng nói lên một vài lời tán dương. Bapak đứng trong thế nghiêm và lớn tiếng kêu "Salut"<sup>16</sup>, theo lối của quân đội. Kế đến Bapak cúi đầu xuống cầu nguyện, và tất cả chúng tôi đều làm theo.

Sau một hay hai phút im lặng, Bapak lại lớn tiếng kêu "Selasai" ("chấm dứt") và ra lệnh cho quan tài được đặt vào xe tang đang chờ đợi. Điều vừa nhắc tới khiến tôi nhớ tới việc Bapak đã từng là một đại tá danh dự của quân đội Nam Dương ở Semarang trong cuộc chiến dành độc lập. Trước đó thì người đã là sĩ quan trưởng ban tài chánh của thành phố Semarang dưới thời đô hộ của Hoà Lan.

---

16 chào



## Chương: Life in Wisma Subud II

### Những chuyện gia đình

Trong khi đó thì số đầu người trong gia đình tôi đã gia tăng. Tháng 8 năm 1966 chúng tôi trở về Cilandak từ Tân Tây Lan với hai đứa cháu gái, Maria và Richenda. Năm 1968 Luzita sinh ra ở Jakarta và Bapak cho cháu cái tên đó, nói đó là "nửa Đông, nửa Tây".

Một vài năm trôi qua, và trong năm 1971 thì Salamah lại mang bầu. Lần này thì điều đau buồn là đứa bé gái phải chết vì hư thai. Lúc đó Bapak đi vắng, nên tôi qua Nhà Lớn, nơi Ibu Rahayu tiếp đón tôi, và tôi luôn còn nhớ điều bà nhận xét: "Những điều đó được đem tới để thử thách chúng ta." Lời nhận xét thật đơn giản, nhưng dù sao thì hồi đó tôi được khuây khỏa rất nhiều. Chúng ta là ai mà dám chất vấn những dự tính của Thượng Đế đối với mình? Khi tôi xin Ibu Rahayu cho đứa bé một cái tên, thì bà nói thêm: "Nó không cần có một cái tên, vì nó đã không đến thế gian này. Anh chỉ cần tên cho cuộc đời này." Cháu được mai táng tại nghĩa địa Karet.

Chẳng bao lâu Salamah lại mang thai. Lần này thì một đứa trai bị sẩy thai khi được 6 tháng. Hình như định mệnh của chúng tôi là không có thêm con cái nữa. Một buổi chiều tôi đến nhà ông Sudarto để trò chuyện, và ông nói với tôi cái thời gian tốt đẹp nhất để cho ra đời một đứa bé là 4 giờ sáng, khi nafsu ở mức thấp nhất. Vậy chúng tôi làm theo lời khuyên đó, và hiển nhiên là vậy, cháu Setyowati sinh ra trong năm 1974.

Trong nhiều cơ hội Bapak đã nhắc chúng ta nhớ tới sự quan trọng

của cái trạng thái bên trong và bên ngoài trong lúc đứa con được thụ thai. Nếu tư tưởng và cảm xúc chúng ta vẫn còn đầy những dục vọng do sự kích thích của một chuyện phim hay một chương trình TV rõ rệt có tính chất kêu gọi dục tình mà chúng ta vừa coi, thì những dục vọng đó sẽ ảnh hưởng tới sự tạo thành của đứa bé.

Tất nhiên còn có những yếu tố khác cũng ảnh hưởng tới sự tạo thành<sup>17</sup> một đứa bé, như di truyền và những kinh nghiệm của nó khi còn trong bụng mẹ, cũng như những kinh nghiệm của nó khi lớn lên và đi học. Nhưng tôi nhận thấy cái khuynh hướng nơi những đứa con của tôi, khi tôi học được cách chống lại nafsu, là có một sự tiến bộ nào đó từ đứa lớn nhất tới đứa nhỏ nhất.

Điều này còn đáng quan tâm hơn: sự quan trọng của cái tính chất thuộc trạng thái của chúng ta lúc thụ thai đối với tôi có vẻ là điều căn bản cho tương lai thế giới trong một vài thế hệ tiếp theo. Nhờ sự hỗ trợ của latihan, nếu thái độ của nhân loại đối với sự hiểu biết quan trọng đó có thể thay đổi được, thì tương lai nhân loại có thể sẽ rất khác biệt, và thế giới sẽ được hoà bình.

---

<sup>17</sup> tác giả dùng từ ngữ make-up of a child và hiểu đó không những là sự phát triển của một đứa bé trong bụng mẹ, mà còn là trong lúc nó lớn lên.

## Lối ăn mặc

Một trong những thông điệp ít được biết đến của Bapak có liên quan tới lối ăn mặc của đàn bà, và cái ảnh hưởng của nó đối với cả đàn ông lẫn đàn bà. Như chúng ta biết, nhiều chế độ Hồi giáo toàn nguyên đòi hỏi một sự che bít toàn diện. Nhưng những đề nghị của Bapak thì kém quyết liệt hơn, vậy mà lại thiết thực hơn. Một cách thật đơn giản, đó là việc vai, phần trên của cánh tay và đùi thì không để lộ cho mọi người nhìn chòng chọc.

Đó là vì đối với đàn bà những dơ bẩn tinh thần do cái nhìn thèm khát của đàn ông có thể bám lên họ. Với chính mình, khi có một người đàn bà đẹp đi ngang qua với những chỗ để lộ nói trên của thân thể, thì tôi biết quá rõ là cặp mắt mình sẽ bị lôi cuốn theo, và nafs của tôi thì liền nổi dậy.

Vì hạnh phúc của người đàn bà, tôi nghĩ chúng ta nên nhớ lại Bapak đã nói rằng những cái nhìn đầy thèm thuồng tình dục của người đàn ông sẽ đặt một thứ cặn bã lên da thịt người đàn bà. Và điều này, Bapak nói, có thể khiến cho mình cân nặng hơn, khi chết và muốn được nâng lên những cảnh giới cao quý hơn.

Tôi không hề có ý đề nghị mấy bà trong Subud đừng bao giờ mặc những bộ đồ mùa hè hay những quần áo tắm, nhưng đây chỉ là lời cầu xin khẩn thiết, để giúp cho phái nam trong Subud chống lại nafs của họ. Mấy bà trong Subud nên luôn ý thức được lời khuyên của BP về vấn đề đó, và nên nhớ rằng mình phải ăn mặc khiêm tốn bất cứ lúc nào có thể.

Ở Nam Dương đó không là điều bất thường, khi ta thấy những đàn bà mặc váy ngắn và bó sát ngồi với một khăn tay đặt trên đùi, để khỏi bị

quá lộ liễu.

Tôi nhớ có lần Bapak vừa cười đùa, vừa nói về chính mình là bởi đã được TĐ thanh lọc, nên cặp mắt mình lập tức được khiến cho tránh qua chỗ khác, không phải nhìn những bộ phận đó của một người đàn bà. Nhưng điều chẳng may là chuyện đó không đúng với những người như chúng ta là đàn ông! Những lúc duy nhất mà tôi có thể nói rằng điều đó đôi khi xảy ra với mình là lúc trai giới trong hai tuần cuối cùng của ramadhan.

## Bapak không dành ưu tiên cho thành phần ưu tú

Bapak chưa từng dành ưu tiên cho thành phần ưu tú, vì coi những hội viên thông thường và những kẻ có tiền bạc và thể lực đều như nhau. Tôi còn nhớ tới một dịp, trong một xuất trắc nghiệm với phái nam, khi phòng tập latihan to lớn ở Cilandak còn mới, Bapak đã ngưng làm trắc nghiệm và đứng trước mặt một người Nam Dương hơi lớn tuổi luôn đội một *pece* (loại nón của Nam Dương) trong latihan.

Vì ông chưa từng cử động, nên Bapak đứng trước mặt ông trong latihan, trong khi tất cả chúng tôi đều đứng nhìn được gần 15 phút. Điều không may là chẳng có kết quả gì, theo những gì chúng tôi thấy.

Lần khác là một thanh niên từ Yorkshire, một người đã đi đường bộ tới Nam Dương, vì chưa bao giờ cử động trong latihan. Bapak kêu anh ra đứng trước mình, và tuy lần này đứng trên bục nhưng anh vẫn còn chờ đợi, và Bapak thì nói "cứ tiếp tục, cứ tiếp tục" cho tới khi anh bắt đầu cử động.

Khi thương mến và chăm sóc thiên hạ, thì không ai không là người quan trọng với Bapak. Tất cả chúng ta đều là những "đứa con" của Bapak – và không chỉ có những hội viên Subud không thôi.

Trong những dịp có những buổi nói chuyện với tất cả nhân viên của những công ty Subud, như S.Widjojo và IDC, sau khi Ramadhan chấm dứt và tới lễ Idul Fitri, Bapak thường đề cập tới "dân chủ xã hội" mà người mô tả là "một thứ tư bản được hoà dịu nhờ tình nhân loại đích thực, trong đó hạnh phúc của người làm việc văn phòng trẻ tuổi nhất cũng quan trọng như hạnh phúc của các giám đốc và những người có cổ phần".

Bapak có lần đã giải thích điều đó một cách khó quên được cho anh Laksman, một nhà tư bản công nghiệp Tích Lan tới Cilandak cư ngụ. Lúc cao độ của chiến tranh lạnh, Lakman hỏi Bapak: “Cái nào khá hơn? Tư bản hay cộng sản?” Bapak đáp là theo lẽ lối của mỗi bên, thì “cả hai đều đúng”.

Cái lí tưởng về tự do cá nhân và quyền hành động thể hiện trong tư bản, là điều đúng, người nói, nhưng cũng đúng là việc mọi người cần được chăm sóc, vì tất cả nhân loại đều là một bang hội duy nhất, điều được cộng sản thể hiện.

Vấn đề với tư bản là thông thường nó không chú tâm tới những người nghèo, những kẻ yếu kém và tàn tật; vấn đề với cộng sản là họ không để ý tới đời sống đằng sau cửa tử, nên họ cố gắng làm việc hết mình để làm cho đời sống này được toàn thiện đối với mọi người, nhưng nhân quyền thì bị bỏ quên.

Trên cái thế giới hiện đại, nơi hầu hết mọi việc đều dựa vào sự đeo đuổi vật chất và quyền thế -và lời lẽ là động lực- điều đáng buồn là cái cân cân đó thật hiếm có. Và Bapak kết luận: “ vậy những cái tốt đẹp nhất của hai chế độ đó cần được phối hợp và cân bằng.”

## Bapak và thức ăn

Thái độ của Bapak đối với thức ăn thật rõ rệt. Chúng ta phải có bốn phận ý thức được yếu tính của những thực vật và động vật mà mình ăn, người nói, đặc biệt trong lúc chúng ta ăn. Đó là để cho những thứ đó được nâng lên một trình độ cao hơn, và để cầu nguyện cho việc đó có thể xảy ra, khi chúng ta đang ăn. Nếu không thì chúng ta sẽ bị kéo xuống dưới sau cái chết của thể xác, vì chúng ta đã không giúp cho chúng được phát triển lên trên.

Bapak thích ăn uống một mình hay với gia đình, và thường thường thì trong sự im lặng. Bà vợ và những cô cháu gái thường làm đồ ăn cho Bapak, nhưng trong những chuyến đi thế giới đầu tiên có tin đồn là nếu nấu ăn cho Bapak thì ta phải trong trạng thái latihan thường xuyên. Không may điều đó có hậu quả là phải rất quan tâm tới việc nấu nướng! Bapak than phiền là mình có thể cảm thấy mối quan tâm đó, nên những người nấu ăn thấy được thư thái. "Cứ việc bình thường" Bapak thường nói.

Tôi nhớ tới một cuộc thăm viếng Disneyland ở California ngay lúc ban đầu, khi Bapak dừng chân lại tại một quán ăn nhỏ bé và gọi món trứng tráng. Tất cả chúng tôi đều hết hồn: một người không thuộc Subud đánh trứng cho Bapak với những nafsu của hắn! Đúng ra, Bapak đã ăn món trứng tráng một cách rất ngon lành.

Chị Leonore Kuplis rất quan tâm tới chế độ ăn uống, và chị hỏi Bapak về việc đó. Nói chung, Bapak cho hay là những thức ăn trong đồ hộp không có sinh lực trong đó, nhưng những thức ăn được đông lạnh, với điều kiện là được đông lạnh nhanh chóng và vẫn còn tươi tốt, thì vẫn còn sinh lực.

Những khía cạnh của sự dinh dưỡng (khoáng sản vv...) tất nhiên vẫn còn có trong những đồ hộp, nhưng theo tôi thì nơi đây Bapak đang nói "sinh lực" hay sức mạnh thực vật.

## Hãy dũng cảm!

Mẫu thân tôi được khai mở ở London, sống với chúng tôi ở Cilandak trong 9 năm cuối cùng của đời mình và mất lúc được 93.

Sau khi bà mất, Bapak hồi đó cũng không được mạnh khoẻ, thay vì đến phòng của chúng tôi, cho gọi chúng tôi tới Nhà Lớn. Sau khi chia buồn, Bapak nói là khi mình qua đời và được mai táng ở Cipanas, những hội viên Subud nào sống trong hay gần khu vực Wisma Subud với mình có thể lựa chọn được mai táng gần mình ở Cipanas, nếu họ muốn. Hiện nay thì gia đình Bapak không chấp thuận điều đó, nhưng trong tương lai có lẽ trong một nghĩa trang khác, ước vọng của Bapak sẽ được thể hiện.

Trong một dịp khác, khi trải nghiệm sau một buổi nói chuyện trong phòng tập latihan lớn ở Cilandak, Bapak yêu cầu tôi cho thấy trong latihan những gì ngăn cản không cho mình tiến bộ trong latihan. Tôi lùi bước lại như để tránh né những gì đó, và Bapak nói: "Vậy đó, bạn không đủ dũng cảm. Bạn không được rụt rè và nhút nhát."

Chẳng hiểu như thế nào điều đó đã khiến tôi thay đổi, và sau này trong cuộc sống khi nhận nhiều công việc khác nhau cho Subud ở Úc, tính rụt rè của tôi đã biến mất, và tôi chẳng lo nghĩ gì hết khi nói chuyện trước những đám đông – và thậm chí còn lấy làm thích thú! Tuy nhiên, cũng trong buổi trải nghiệm đó ở Cilandak, Bapak tiếp tục yêu cầu tôi cho thấy một lần nữa trong latihan là tới mức độ nào tôi đã phó thác những vấn đề trong cuộc sống mình cho quyền năng của Thượng Đế. Sau khi trải nghiệm, tôi đưa ra giả thuyết là – tôi hi vọng vậy - vào khoảng 50%.



Nhưng Bapak chỉ vui vẻ cười và nói rằng thực ra điều đó không là vậy!

Thông thường Bapak không chỉ cho hội viên thấy những khuyết điểm của họ, nhưng nếu nghĩ rằng họ không thể tự ý thức được qua sự tiếp nhận của mình, và nếu có thể trông thấy là họ sẽ không chấp nhận lời khuyên của mình, thì Bapak sẽ cho họ biết vật chướng ngại của họ, hay làm trắc nghiệm với họ như đã làm với tôi.

Trong một dịp khác, người nói với tôi là những cảm xúc của tôi chưa được mở mang, và Sharif Horthy và Ramzi Wheeler thì có những cảm xúc được mở mang hơn của tôi. Như đã nói trên, tôi luôn rụt rè và kín đáo, và lời bình luận của Bapak đã giúp tôi rất nhiều, vì tôi có thể thấy được là mình cần phải mở rộng thêm cảm xúc của mình cho người khác. Điều đó tôi đã cố gắng làm, và tất nhiên có lúc được lúc không.

## Một ngôi nhà lịch sử ở Perth

Bất cứ lúc nào đi về nhà sau những chuyến đi thế giới, Bapak đều ngồi với chúng tôi tại phòng khách lầu dưới trong tư gia mình tại Wisma Subud trước khi đi nghỉ. Tôi nhớ tới một buổi tối khi vừa trở về Cilandak từ Nhật Bản, người nhận xét là ở Jakarta quá nóng, và cái khí hậu vùng nhiệt đới không thích hợp với người già!

Hình như hồi đó Bapak có ý định mua một căn nhà hay một căn phòng ở Perth, Tây Úc, và coi đó là một nơi chốn lánh nạn, nhưng tôi nghĩ là gia đình Bapak đã can ngăn điều đó.

Perth hiển nhiên đối với Bapak là chỗ khá đặc biệt; có lần người đã mô tả đó là cửa ngõ tới Á Châu từ phía Tây. Trong cuộc viếng thăm lần cuối nơi đó trong năm 1982, người ta nói rằng người đã nghiệm được một biến cố tâm linh rất đặc biệt. Có một vài người còn nói rằng Bapak đã thăng thiên lần thứ hai. Bapak ở một căn nhà rộng lớn gần bãi biển cạnh Sorrento Street, tại phần hướng về biển của thành phố Scarborough.

Căn nhà vẫn còn đó, và lí tưởng là mua nó cho Subud, vì đó là một cao ốc lịch sử. Chín năm sau đó khi Salamah và tôi đến đó ở, người ta nói với chúng tôi là Bapak đã một lần nữa gặp những vị ngôn sứ Moses, Jesus và Muhammed. Nếu việc đó sau này được xác nhận, thì đó càng là lí do khiến ta phải cố gắng mua căn nhà đó cho Subud.

## Thiên Chúa giáo Thánh Thần <sup>18</sup>

Một hôm trong một selematan ở Wisma Subud, tôi ngồi gần anh Simon Guerrand ngồi gần Bapak. Simon hỏi Bapak: "Thiên Chúa giáo Thánh Thần có liên quan như thế nào đó tới latihan không?" Bapak đáp là điều đó thì có thể -vì ân huệ của Thượng Đế cho nhân loại biểu lộ theo nhiều cách- mặc dù không thể như vậy được.

Tôi biết có nhiều linh mục đã được khai mở ở Âu Châu trong những ngày tháng đầu tiên của Subud, và có lẽ họ cũng đã khai mở cho những thành viên của giáo đoàn mình mà những người đó lại không ý thức được, và điều này có thể đã tạo ra phòng trào Thiên Chúa giáo Thánh Thần.

Mặt khác, cũng có lẽ nó đã bắt đầu có một cách "tự phát". Tuy nhiên, theo chỗ tôi biết, phong trào đó ở Mỹ bắt đầu ở Oregon trong năm 1959, chẳng bao lâu sau khi Bapak đến thăm California.

Đối với tôi có một tiểu tiết đáng chú ý về vụ đó đã được anh Mansur Michael Medeiros cho hay, một người đã lâu đời ở Wisma Subud là anh em họ của đức hồng y Medeiros, tổng giám mục của Boston. Sau nhiều năm theo tập latihan, Mansur bị lôi kéo gia nhập giáo hội Thiên Chúa giáo Thánh Thần ở Jakarta. Trong một thời gian điều đó đã khiến anh

---

<sup>18</sup> charismatic christianity: một phòng trào về thần học của Thiên Chúa giáo bắt đầu có từ thập niên 50 mà trọng điểm là sự tin tưởng những quyền phép của Chúa Thánh Thần đã được mô tả trong Thánh Kinh như tài tiên tri, tài chữa bệnh vv...

rất hài lòng, và anh cảm thấy mình đang tiếp nhận được điều gì còn hơn latihan Subud.

Tuy nhiên, anh nhận thức được là mình đã đạt tới một khu vực bằng phẳng và không tiến bộ được thêm nữa trong đời sống tâm linh, nên anh đã trở lại tập latihan. Chẳng bao lâu sau đó anh lại cảm thấy mình tiến bộ, và theo tôi biết, kể từ đó anh tập latihan Subud một cách chuyên cần hơn.

Bapak thường nói latihan thì “không giới hạn”, và nếu tiếp tục tập cho tới khi mình đi qua thế giới bên kia, thì chúng ta có thể tiếp tục tiến bộ tại đó về tâm linh trong latihan.

Điều nên chú ý nơi đây là có sự khác biệt giữa những nhóm thuộc phòng trào nói trên. Có những nhóm mà thành viên cho là mình được Chúa Thánh Thần tác động, và có những nhóm mà thành viên có thể bị tác động của sức mạnh hạ đẳng. Nhiều người thuộc nhóm đó thường dùng lối vỗ tay để trợ lực cho sự phụng thờ. Bapak có lần nhận xét điều đó –hay những động tác khác làm theo nhịp- chỉ nhắm tới việc lôi kéo những *setans* hay ma quỷ. Và tất nhiên nhiều phong trào gọi là tâm linh trên khắp thế giới thường dùng lối vỗ tay, đánh trống và giậm chân để đệm cho những vũ điệu của mình. Thường thường thì điều này có kết quả là tạo nên một tình trạng tự kỉ ám thị, hay những trạng thái xuất thần, hoặc ngay cả việc bị hồn ma nhập vào, tất cả những điều đó đều hoàn toàn đối ngược với Chúa Thánh Thần và một phòng trào tâm linh đích thực.

## Chương: International affairs

### Ông đại sứ của Trinidad

Trinidad và Tobago, một quốc gia nhỏ ở bé vùng Carib, có một ông đại sứ ở Nam Dương, một người cũng được chỉ định làm đại diện chính thức cho Phi Luật Tân, Mã lai và Nhật Bản. Mỗi năm ông chỉ đến thăm Nam Dương trong hai tuần. Trong một cuộc viếng thăm trong thập niên 80, ông đi xe ra ngoài Cilandak, và không hiểu bằng cách nào đó đậu xe trước cổng nhà chúng tôi. Ông xin được gặp Bapak. Vì ông nói rằng mình đã được khai mở ở London cuối thập niên 50, trong khi vẫn còn là sinh viên ở London School of Economics, nên tôi đưa ông qua Nhà Lớn.

Bapak tiếp đón ông tại văn phòng của mình ở Cilandak. Sau một cuộc trao đổi những đùa cợt, ông đại sứ đi thẳng vào vấn đề: đó là việc tuy chưa tới 60, nhưng ông thấy trí nhớ mình sút kém và trí óc thì không còn được sắc bén như trước.

Bapak giải đáp thắc mắc của ông với những ngôn từ có một hình ảnh thú vị. “Ông đang thành người già, và không được chống lại việc đó. Ông đang đi một chiếc Chevrolet và chợt thấy có một chiếc Mercedes mới mẽ tinh xảo đậu bên cạnh mình, và ông nhận được chỉ thị là phải bỏ chiếc Chevrolet để leo lên chiếc Mercedes. Chiếc xe mới của ông tất nhiên là khác và còn thích hợp hơn cho cuộc hành trình của ông qua thế giới bên kia. Vậy mà ông lại còn không muốn đổi xe!”

Một điều khác mà ông đại sứ nói với Bapak là tuy đã được khai mở khoảng 30 năm trước đây, nhưng ông đã chưa từng ở một nơi chốn nào có một nhóm Subud tích cực, và lấy làm tiếc rằng tâm linh mình chưa tiến được là bao kể từ lúc đó. Bapak nhận xét: "Khi được khai mở thì ông còn trẻ; tuy ông không thể tập latihan với những người khác kể từ đó, nhưng sự tiến bộ tâm linh của ông vẫn tiến triển một cách chậm chạp, trong lòng, mặc dù ông không ý thức được điều đó." Ông đại sứ rất vui vẻ cáo từ, và tôi cũng vui vẻ vì được nghe những điều Bapak khuyên ông.

## Ý kiến của Bapak về những biến cố quốc tế

Bapak ít khi bình luận về những biến chuyển quốc nội hay quốc tế, nhưng khi người làm vậy, thì đó thường là để khiến cho chúng tôi có được một cái nhìn khác về sự việc.

Trong năm 1975 chẳng hạn, công ty dầu hỏa quốc doanh Pertamina bị phá sản, phần nhiều vì hàng triệu Mỹ kim đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng ở Thụy Sĩ của nhiều tướng lãnh Nam Dương, và tuy điều đó được mọi người biết tới, nhưng chẳng có gì được làm để phản đối.

Cá nhân tôi rất bất bình về vụ đó và tôi hỏi Bapak: “Làm sao có thể để cho điều đó xảy ra tại một đất nước có nhiều người sống trong cảnh cực kì nghèo khổ?” Bapak đáp: “Họ sẽ bị xét xử tại thế giới bên kia.” Hồi đó tôi nhận thấy điều đó khiến mình rất vững dạ, và cho tới nay thì vẫn còn như vậy.

Lúc cao độ của chiến tranh lạnh, một đêm khuya Bapak nhận xét là mình khó ngủ được, vì có nhiều tàu ngầm nguyên tử của Mỹ và Nga đang theo dõi nhau dưới đáy biển chung quanh Java.

Khi Robert Kennedy bị ám sát, một vài người chúng tôi hỏi Bapak là làm sao Thượng Đế có thể để cho điều đó xảy ra, khiến cho cả hai anh em Kennedy phải chết như vậy. Bapak đáp: “Các bạn mong đợi gì ở cái hành tinh duy nhất thuộc ma vương (trình độ vật chất) này trong thái dương hệ?”

May mắn cho chúng ta là có những linh hồn cao quý được phái tới nơi đây, Bapak có lần nói, để thi hành những nhiệm vụ rõ ràng. Bapak lấy làm thí dụ những người như vua George VI của Anh và hoàng đế Hirohito của Nhật là những người có linh hồn thật cao.

Người đầu tiên đã giữ vững tinh thần của nhân dân Anh trong suốt cuộc chiến chống lại Hitler, và người kế tiếp, theo như hiện nay chúng ta biết, là người đã làm mọi việc để ngăn ngừa Nhật Bản tham gia thế chiến thứ hai. Ông cũng là người Nhật duy nhất còn đủ lương tâm để ra lệnh đầu hàng, sau khi bom nguyên tử ném xuống, và là người đã giữ vững tinh thần của nhân dân Nhật trong suốt những năm tháng khó khăn sau cuộc bại trận.

Về phần mình, tôi cũng tin rằng gần đây hiện nay Nelson Mandela là một thí dụ kì diệu về một linh hồn cao quý được phái tới để đơn thương độc mã cứu thoát quê hương mình khỏi một cuộc nội chiến đẫm máu giữa các chủng tộc.



## Chương: Bapak's last years

### Thăm viếng Brunei

Trong những năm tháng cuối cùng của mình, Bapak đôi khi nhận xét mình không còn thấy vui thú trong cái thân thể vật chất nữa là cái đang bắt đầu tàn tạ. Tuy nhiên, người tiếp tục đi vòng quanh thế giới và có những buổi nói chuyện với hội viên Subud.

Khi Bapak về Cilindak, thiên hạ còn khó gặp được Bapak hơn, và người được mấy cô cháu gái chăm nom chu đáo. Ngay cả như vậy, ta vẫn còn có thể đến hỏi ý kiến Bapak về những vấn đề quan trọng. Có hai trường hợp còn trong trí óc tôi.

Một hôm vào những năm đầu của thập niên 80 anh Latif, một hội viên Subud Nam Dương có vợ là người Đức và đang ở Bali, một người là một nhà kinh doanh thành đạt, đến gặp tôi với một đề nghị coi bộ hấp dẫn. Một người bạn của anh là em trai của một giáo sư Hồi học hay một Iman ở Jakarta, một người đã trị em trai của quốc vương Brunei khỏi cơn nghiện rượu và ghiền ma tuý. Vị quốc vương biết ơn đã nói: "Bất cứ gì mà tôi có thể làm cho ông thì cứ việc lên tiếng."

Thế nên, anh hội viên ở Bali, ông Iman và người em trai ông, mời anh Sharifin và tôi (đại diện cho IDC) đi theo họ trong chuyến đi tới Brunei, để đáp ứng lời hứa hẹn đó.

Đến Brunei, sau khi cư ngụ tại khách sạn Sheraton và gặp gỡ những

đệ tử ở đó của ông Iman, chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi được kêu gọi tới lâu đài của quốc vương, một dinh thự tám tầng rộng lớn có những vườn hoa và công viên tinh khiết với cây cối sum sê.

Brunei là một nơi chốn phi thường. Đó là một quốc gia độc lập nhỏ bé nhất trên thế giới, và là một chế độ quân chủ độc tôn trong những chế độ còn lại. Trước đây nó là thành phần của một vương quốc rộng lớn hơn chiếm một phần lớn miền Bắc Kalimantan, hiện nay thì cái quốc gia nhỏ xíu đó chỉ có một nhân số vào khoảng 200.000 người, nhưng lại có một sản lượng phong phú về dầu hoả trong những mỏ tại đất liền và ngoài khơi. Giáo dục và y tế thượng hạng được miễn phí cho mọi công dân.; những sinh viên muốn tiếp tục học được cấp cho ngân quỹ để học hành ở ngoại quốc. Mọi người được vay tiền của nhà nước mà không phải trả thuế, để mua nhà cửa và xe hơi.

Tuy thế, cái quốc gia mà phần đông là người Hồi giáo đó lại gồm những người còn rất theo truyền thống. Nhiều công dân ở thủ đô Banda Sri Bagawan vẫn còn thích sống nơi một khu định cư rộng lớn xây bằng gỗ theo lối cổ truyền trên những cột dựng trên sông, với đầy đủ những chùa Hồi, trường học, bệnh viện và nhà cửa. Một điều nghịch lí nhất mà ta thấy được là cái quang cảnh của một bãi đậu xe rộng lớn trên bờ sông có đầy những chiếc Mercedes và BMW, với những chiếc thuyền máy đều đặn chạy ngang qua khu định cư. Sự đối chọi đó giữa cái mới và cái cũ khiến tôi kinh ngạc.

Một hiện tượng khác mà ta không thấy tại bất cứ nơi nào khác ở Đông Nam Á là sự hoàn toàn vắng bóng của xe đạp: ai còn cần xe đạp khi có thể dễ dàng mua một chiếc xe hơi! Ngay cả taxi cũng khó kiếm được, vì cái công việc hèn mọn đó có vẻ như dưới phẩm cách của người dân.

Thủ đô có hai ngôi chùa Hồi nguy nga nhất trên thế giới. Ngôi thứ nhất do phụ thân vị quốc vương hiện tại chủ xướng, được xây trên một phá Tam Giang rộng lớn và mái vòm thì được bao bọc với những lá vàng. Chúng tôi đi lễ ngày thứ sáu chung với 6000 người khác, mọi người đều mặc những áo choàng và mang những khăn xếp lộng lẫy nhất. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn không thích đáng với chiếc sarong và pece<sup>19</sup> khiêm tốn của mình.

---

19 loại nón của người Nam Dương.

Trong lần viếng thăm Brunei lần thứ hai kéo dài không bao lâu trong năm 2002, tôi nhận thấy có một chùa Hồi đồ sộ thứ hai, tối thiểu là lớn gấp đôi và có những đồ khảm tráng lệ bao bọc, được vị quốc vương hiện tại xây cất. Khi được hỏi là tốn tiền bao nhiêu, ông không chịu nói. Thực ra, ông là một trong 10 người giàu nhất trên thế giới.

Vậy, chúng tôi ngồi ở Sheraton để chờ đợi được kêu gọi vô dinh vua, nhưng điều đó đã chưa từng xảy ra. Sau nhiều ngày chúng tôi được một đệ tử của ông Iman ở Jakarta dẫn tới Bộ Ngoại Giao để gặp ông tổng trưởng là một người anh em của quốc vương. Sau hai tiếng đồng hồ đợi ở phòng ngoài, ông tổng trưởng xuất hiện và đi lướt qua một cách bất lịch sự người đệ tử mà không thèm nói chuyện. Sharifin và tôi quyết định trở về Jakarta. Một ngày sau khi chúng tôi đi, anh hội viên ở Bali và người em trai của ông Iman được kêu gọi vào dinh để gặp quốc vương đề nghị với họ nhiều dự án. Chúng tôi được cho hay sau này là anh Sharifin đã vô tình xúc phạm tới gia tộc của quốc vương, do anh đã có những điều nhận xét gì đó khi lần đầu tiên chúng tôi đến. Do đó mà người ta đã lạnh nhạt với mình.

Trở về Jakarta chúng tôi hỏi Bapak là mình có nên tiếp tục tiến tới những dự án được đề nghị với Latif. Bapak trầm lặng trong một lúc và nói: " Không, rồi thì có lẽ sẽ chẳng đi tới đâu hết."

Một lúc khác chúng tôi hỏi ý kiến Bapak về việc nên nhận hay không một dự án, là điều xảy ra do kết quả một cuộc tiếp xúc của một kiến trúc sư trưởng của chúng tôi, một hội viên Subud, với một cháu trai của tổng thống phu nhân, bà Ibu Tien Suharto. Người đó nói rằng công ty mình sẽ cho chúng tôi thiết kế và giám sát một đài truyền thanh và truyền hình tại các thành phố, miễn là điều đó được làm dưới danh nghĩa của công ty mình sẽ nhận được 7,5% tiền thù lao cho việc kiếm được công việc đó cho chúng tôi. Nếu mọi việc tốt đẹp thì sẽ có những dự án khác, người đó nói.

Ibu Tien là một nhân vật được cả người ngoại quốc lẫn Nam Dương gọi là "Bà Mười Phần Trăm", nên điều đó ít hơn số tiền thù lao thường đòi hỏi. Vì hồi đó cần có việc làm, nên chúng tôi hỏi Bapak là có nên hay không. Sau một cái trắc nghiệm ngắn, Bapak khuyên chúng tôi đừng dính líu tới gia đình của tổng thống. Đó là điều rất may mắn, vì sau này những công ty nhỏ bé nhưng thành đạt như công ty của chúng tôi đôi khi bị những thành viên thuộc gia đình của tổng thống tiếp quản lấy, dù cho mình không muốn.

Điều khá quái lạ là vụ hối lộ và thông đồng trắng trợn nhất mà tôi từng gặp trong suốt những năm tháng làm việc ở Nam Dương, là điều xảy ra sau này, sau khi Bapak mất, với hai người Pháp đại diện cho một công ty xây cất lớn của Pháp. Họ trả giá cao hơn chúng tôi cho một dự án xây cất một công xưởng lớn, và đề nghị với tôi, trong một cuộc họp kín, là cả đôi bên đều trả giá cao cho dự án, giá của họ thì hơi thấp hơn giá của IDC, và khi nhận được công việc, thì họ sẽ trả một nửa số tiền phải trả thêm nhưng cao hơn giá thông thường. Tôi lịch sự nói với họ là mình chưa từng dính dáng vào những lối làm ăn như vậy trong suốt 25 năm làm việc ở Nam Dương, và mình cũng sẽ không bắt đầu làm như vậy.

## Độc chỉ tay của tôi

Một hôm trở về Jakarta, khi chỉ có tôi và Sharif Horthy với Bapak trong văn phòng của người ở Trung Tâm S.Widjojo, sau khi cuộc hội họp của chúng tôi xong xuôi, Bapak đứng lên, vẫy tay kêu chúng tôi đến bàn giấy của mình và bảo chúng tôi chìa tay ra. Rồi người đọc chỉ tay của chúng tôi! Bapak giải thích rằng những gì trên bàn tay là những xu hướng bẩm sinh của chúng ta, nhưng những cái đó có thể thay đổi được nhờ latihan.

Tôi không còn nhớ Bapak đã nói gì với Sharif, nhưng với tôi thì người chỉ vào một chỗ đứt trên đường sinh đạo vào khoảng tuổi 60 và nói: "Bạn phải thận trọng đấy, nhưng tôi nghĩ bạn sẽ không hề gì."

Quả nhiên là vậy, khi được 62 tôi bị đứng tim và xem như là chết trong nhiều phút. May mắn là tôi được đem vào phòng cấp cứu của bệnh viện Pondok Indah, và được một đội bác sĩ và nữ y tá làm cho sống lại bằng cách cho điện giật. Tôi thường tự hỏi là được Bapak đọc chỉ tay đã khiến cho mình sống thêm được, không biết có phải là vậy hay không.

## Chương IDC

### Những điều nhận thấy trong trạng thái gần chết

Gần cuối tháng 8 năm 1990, khi được 62 thì tôi bị chứng đứng tim. Vì anh Ramzi, cộng sự của tôi, thôi việc trong năm 1988, nên hai năm sau đó tình trạng công việc kiến trúc của tôi rất căng thẳng, tôi bị dằn co giữa những yêu cầu dứt khoát của phần đông những khách hàng ngoại quốc và lối thăm dò bình thản hơn của 80 đồng nghiệp Nam Dương và nhân viên của mình. Hồi đó tôi phục vụ cho 5 hội đồng Subud khác nhau. Việc Bapak thường xuyên nói tới kinh doanh không lúc nào không khiến chúng tôi thật bận rộn.

Một buổi sáng tôi thức dậy với những cơn đau tim càng lúc càng trầm trọng hơn. Có điều may là lúc bị chứng đóng động mạch vành thì tôi liền được mang tới bệnh viện gần đó ở Pondok Indah. Nằm nơi đó tôi chợt cảm thấy tim mình mạnh sức tung bật ra và ngưng đập. Hơi thở của tôi cũng ngưng lại. Tôi thấy mình đang hiểu được là mình phải chết! Lập tức, tôi bắt đầu rời khỏi thân xác mình qua đỉnh đầu, và đồng thời tôi có thể trông thấy những ánh sáng nhiều màu, nhỏ bé và đẹp đẽ, tuôn chảy lên phía trên. Tôi mới vừa được một hội viên Subud khác ở Perth kể cho nghe là chị đã có cái kinh nghiệm y hệt như vậy thấy những ánh sáng nhỏ bé rời khỏi đỉnh đầu, khi mình cũng đang trong trạng thái gần chết.

Khi giáo sư Kenneth Ring, một chuyên gia về NDE <sup>20</sup>(1) đến thăm Perth vài năm trước đó, tôi hỏi ông làm sao mình có thể rời khỏi thân xác mà

---

20 Near Death Experience: những điều nhận thấy lúc gần chết.

đồng thời nhìn thấy nó. Ông giải thích là lúc thân xác chết thì hiển nhiên tâm thức sẽ nở rộng ra, và ta có thể trông thấy mình từ phía ngoài cũng như phía trong.

Những điều kế tiếp tôi còn nhớ được là ông bác sĩ chuyên khoa tim và mạch cô y tá đang tìm cách làm cho tôi sống lại, trong khi tôi nhìn họ, từ một nơi nào đó gần trần nhà. Tôi hoàn toàn không quan tâm tới việc họ có thành công hay không. Trái lại, tôi còn lấy làm vui nữa là khác vì những trò đùa giỡn của mấy cô y tá Nam Dương nhỏ bé đã tìm cách bắt giữ những cánh tay và chân tôi, bởi nó bật ra ngoài giường và bung vào không khí, khi thân xác tôi bị cho điện giật; họ có vẻ như lo sợ là nếu từ chi của tôi đập mạnh vào thành giường, thì xương có thể bị gãy.

Cú điện giật thứ hai hình như đã có hiệu quả, và tôi có lẽ đã sống trở lại, vì đã chẳng còn nhớ gì được hết trong mấy tiếng đồng hồ, cho tới khi thức dậy và trông thấy ông con trai của Bapak là Pak Haryono đang nhìn xuống phía mình. Trí óc tôi bắt đầu lo lắng trở lại: "Đừng quên là đêm nay chúng ta có một buổi họp", tôi bắt đầu nói, "tôi nghĩ mình sẽ không thể đến được, nhưng hãy nói với họ là làm điều này và điều này..." Cái cảm giác được tự do và hạnh phúc mà mình nhận thấy khi đi ra ngoài thân xác, thì thật là khác biệt! Cái gì đó vượt tới được một trạng thái khác biệt của tâm thức có nhiều trị giá khác nhau...

Sự nhận thức đó đã gắn chặt với tôi kể từ lúc đó. Sau 3 lần phẫu thuật có tim nhân tạo ở Singapore, tôi thôi làm việc để tới sống tại Perth, nơi tôi đã cố gắng có một cuộc sống bớt căng thẳng hơn, vì tôi nghĩ rằng việc thương mẫn gia đình và bạn bè, việc lo tới người khác, là điều quan trọng hơn việc đeo đuổi sự nghiệp và kiếm được càng lúc càng nhiều tiền. Ta chắc chắn không thể đem nó theo mình khi chết!

Một vài năm sau tôi thuật lại vụ đó cho anh Varindra, chẳng bao lâu trước khi anh bị ung thư ở giai đoạn cuối. Anh nhận xét đó là vụ NDE đầu tiên mà mình thực sự chấp nhận được, vì nó chứng tỏ rằng ta có thể đem theo óc khôi hài với mình.

## Cái thế giới bên kia là cái thực sự hơn

Có nhiều cuốn sách viết về NDE. Có lẽ cuốn được biết đến nhiều nhất và thành một bestseller là cuốn *Life After Life* của Raymond Moody. Tuy có nhiều thí dụ về NDE trong đó là những kinh nghiệm thú vị và khiến an tâm, nhưng một y sĩ khác là Maurice Rawlings đã mô tả trong cuốn *Beyond Death's Door* một vài điều mà những người khác đã trải qua là những điều khó chịu, và thậm chí còn khủng khiếp.

Năm 1995 Dr. Ring đến Perth và có một buổi nói chuyện thú vị với 300 người, trong đó ông thuật lại những nghiên cứu mới nhất của mình về NDE của những kẻ đã hoàn toàn bị mù khi sinh ra. Ông dẫn chứng 30 trường hợp trong đó thiên hạ, kể cả thiếu nhi, đã có những kinh nghiệm NDE về thị giác tương tự với những điều được nhận thấy bởi những kẻ có cặp mắt thường. Những người mù đó nhìn thấy thân thể mình được các y sĩ đụng vào để làm những công việc của họ. Người mù còn nhìn xuống từ phía trên những toà của bệnh viện và những mặt đất, và trong một vài trường hợp còn nghiệm được cái hiện tượng thấy đường hầm và "sinh linh có ánh sáng".

Đối với tôi những trường hợp đó đã trả lời một cách hữu hiệu những kẻ tin tất cả những vụ NDE chỉ là thành quả của những quá trình sinh lí hoá trong óc não. Nhưng đối với những người như chúng ta trong Subud, nhiều người đã có cái đặc quyền nghiệm được trạng thái đi ra ngoài thân xác, thì sự thật về những vụ NDE của những người Subud và không Subud chỉ xác nhận niềm tin của chúng ta là tâm thức có thể và quả thực hiện hữu bên ngoài thân xác vật chất, và do đó cuộc sống sau



cái chết thực sự có. Và cuối cùng là cái thế giới bên kia được tự do hơn, tâm linh hơn, và trên thực tế thì thực sự hơn cái thế giới này.

Tất nhiên Bapak thường nói là cuộc sống sắp tới thì thực sự hơn cuộc sống này, và sự khác biệt giữa sống và chết thì mỏng manh như tấm lụa màu trắng hay tấm màn dùng trong những diễn xuất của kịch múa rối Nam Dương. Và cuộc sống này thì như cái phần có bóng tối, trong khi cái phần màu mè (sau cái chết) thì thực sự hơn nhiều.

Có lần Bapak còn nói rằng nếu chúng ta đến gặp người, sau cái chết, thì người sẽ khiến chúng ta làm việc để giúp đỡ những kẻ khác. Và ngay cả trong việc này thì chúng ta cũng sẽ bận rộn hơn hiện nay sau khi chết. Vậy sẽ không hề có chuyện vui vẻ ngồi trên một đám mây để chơi đàn!

## Chương: Some last Thought

### Pha trộn

Một “suy nghĩ cuối cùng” khác mà tôi muốn viết về là điều liên quan tới sự khác biệt giữa latihan và “pha trộn”. Lối mô tả hay nhất về latihan mà tôi đã nghe là của Shaffrudin Ahmad, chồng của Ibu Hardiyata, hai người có 4 đứa con. Điều Shaf nói là: “Hãy tưởng tượng một vũng nước. Để thấy được sự phản chiếu đích thực của bản thân mình, bạn không thể với ý chí của chính mình, làm cho những vết nhăn của mặt nước được bằng phẳng - bởi điều đó sẽ chỉ tạo thêm xáo trộn. Bạn cũng không thể ấn bùn đất xuống dưới đáy, vì điều đó sẽ chỉ khiến nó bị kích thích thêm. Tuy nhiên, nếu để phép cho trọng lực (quyền lực của latihan) giải quyết mặt nước (tư tưởng mình) và bùn đất dưới đáy (cảm xúc mình) thì chẳng bao lâu bạn sẽ thấy được sự phản chiếu đích thực (nội ngã mình)” Điều đó đã giúp tôi rất nhiều, không chỉ cho bản thân mình, mà còn cho những người mới vào Subud, khi tôi giải thích cho họ về thực chất của latihan.

Do đó mà ta có thể thấy được là tất cả những gì làm xáo trộn mặt nước, hay bùn đất, sẽ cản trở sự tiến bộ của latihan. Đối với tôi điều này có vẻ như ám chỉ bất cứ những gì liên quan tới ý chí của bản ngã, tới sự tập trung tư tưởng và cảm xúc, như thiền định.

Chữa trị cái thể xác vật chất của mình là một chuyện khác. Tôi còn nhớ có lần Bapak nói trong một buổi nói chuyện là phần đông thiên hạ dùng phần nhiều thời gian của mình để tập thể dục trong latihan. Họ

không cần phải làm vậy, nếu đều đặn tập thể dục hay chơi một môn thể thao nào đó ngoài chỗ tập latihan. Người có vẻ chấp thuận những lối chữa trị như Rolfing<sup>21</sup> và những hình thức xoa bóp khác. Cho tới gần lúc mất, mỗi tuần Bapak được một người đàn bà quê mùa xoa bóp, một người tuy mù chữ, nhưng bàn tay lại có nhiều khả năng chữa lành bệnh cho người khác. Người đàn bà nhỏ bé đó cũng xoa bóp cho nhiều người trong khu vực Wisma Subud, kể cả tôi và Salamah.

Tôi cũng còn nhớ tới lúc Bapak đến New York trong năm 1959 thì Ida Rolf, người sáng lập ra lối thể dục Rolf và vừa được khai mở, đã đều đặn chữa trị cho Ibu Siti Sumari. Vậy thì tôi thấy hình như là bất cứ gì tác động tới thể xác vật chất như thể dục yoga, thái cực quyền, reiki<sup>22</sup> (2) và châm cứu, đều dùng được như latihan, nhưng có lẽ trong một vài trường hợp cá biệt, điều khôn ngoan là tránh nghiệm.

Ngay cả Bapak trong những ngày tháng đầu tiên của Subud cũng đã tập – và dạy- *pencak silat* là võ thuật của người Java. Tôi còn nhớ đã thấy người tại cổng Nhà Khách biểu diễn một vài đường võ cho chúng tôi coi.

Một lần khác, vài năm sau, khi có hai hội viên Subud mở những khoá học dạy vận động pháp<sup>23</sup>(3) và dùng lối đó để chữa trị cho những người ở Wisma Subud, thì một vài người đã than phiền là họ “pha trộn”. Khi được hỏi về việc đó, Bapak nói là không có chuyện đó, đó không là pha trộn, vì chỉ là việc dùng những năng lực tự nhiên, chứ không là những năng lực tâm linh.

Tuy nhiên, phần nhiều những lối thiền định thì lại là một chuyện khác. Đối với bản thân mình, trong một vài trường hợp bị hoàn cảnh ép buộc tham dự thiền định với một nhóm theo lối tu đó, tôi nhận thấy nó không có hiệu quả với mình. Tôi tìm thấy giải đáp cho vấn đề đó trong một cuốn sách viết thời trung cổ tên là “The Cloud of Unknowing”. Tôi hiểu được thiền định là một hoạt động do con người cố gắng làm cho trí óc mình được yên tịnh, trong khi trầm tư là một trạng thái thanh tịnh và tâm thức cao siêu hơn mà quyền năng của Thượng Đế ban cho cá nhân. Chúng ta trong Subud, tôi thấy hình như vậy, có thể đi thẳng tới cái trạng thái trầm tư khiến tôi nhớ tới bề mặt phẳng lặng của vũng nước, khi

---

21 một lối chữa trị bằng thể dục bắt đầu có ở Âu Mỹ từ thập niên 50.

22 lối chữa bệnh của Nhật dùng bàn tay để điều khiển khí lực của bệnh nhân.

23 Kinesiology: một lối thể dục của Âu Mỹ.

không còn những gợn sóng nữa.

Điều này hình như liên quan tới những gì Bapak nói về những trình độ khác nhau của đạo Hồi. Trước hết là cái shariat, lối giữ đạo thông thường: 5 cột trụ của đạo Hồi. Kế đến là cái tarekat, cái phương diện bí truyền theo đó ta phải cố gắng để đạt được bất cứ thành quả tâm linh nào. Cái thứ ba là khakekat, cái thực tại, cái của quý do quyền năng của Thượng Đế mà Thiên Chúa giáo gọi là ân huệ là cái Bapak thường nói tới mà chúng ta nhận được trong latihan. Có lẽ đó là điều tương tự với điều các nhà thần bí gọi là “trầm tư” – dù sao đi nữa thì chúng ta hiển nhiên không cần tới thiền định trong latihan, vì chúng ta đã khá may mắn được Bapak đưa dẫn một cách dễ dàng vào trầm tư. Đối với tôi điều đó được tóm lược trong kinh của giáo hội Anh có lời cầu nguyện buổi sáng là “Cầu xin cho bạn được an vui và được Thượng Đế truyền cho tất cả những hiểu biết sẽ luôn nằm trong lòng mình.”

Tất nhiên nhiều người trong chúng ta cũng phải trải qua những latihan đầy động tác, và đôi khi đầy tiếng động, nhưng thông thường lúc latihan chấm dứt thì có một trạng thái thanh tịnh nhập xuống vào mọi người đang có mặt.

## Ung thư

Bây giờ thì tôi ăn mừng cái sinh nhật thứ 77 của mình, ở cái tuổi mà ba tôi mất. Vậy Salamah và tôi đang tới lần ăn mừng thứ 55 lễ cưới của chúng tôi vào ngày mừng 7 tháng 5 năm nay. Tháng 9 năm 2003 một khối u phát ra trong tuyến parotoid tạo nên một chỗ sưng trên phía trái của hàm và cổ. Nó được cắt bỏ cùng với những tuyến bạch cầu lân cận bởi một phẫu thuật gia có uy tín và biết chăm lo cho bệnh nhân. Ba tháng sau vụ phẫu thuật đó thì tôi được chữa trị bằng bức xạ trong 5 tuần. Sau đó bà bác sĩ chuyên khoa ung thư người Hoa tuyên bố là tôi không còn bị “ung thư nhiễm” nữa. Lần cuối tôi đến khám, bà nhận xét là tôi thật may mắn, vì đã không có nhiều người đã thoát nạn được như vậy.

Một điều như vậy tất nhiên khiến trí óc tôi trở nên sắc bén, và khiến tôi đặt nhiều câu hỏi. Mình đã làm những gì sai? Tới lúc nào mình sẽ ra đi? Mình có nên cho mổ hay để cho nó tự nhiên xảy ra. Mình có nên dựa vào latihan và những lối chữa bệnh theo tự nhiên? Bây giờ thì mình được cho sống thêm nữa, tối thiểu là trong một thời gian nào đó, mình sẽ làm gì với cuộc sống đó? Đó chỉ để cho jiwa mình tại nơi đây và cuộc sống bên kia, có lẽ để sau này giúp cho hàng triệu người chết vì ung thư khắp nơi trên thế giới? Ta chỉ có thể quy thuận và cố gắng làm theo Ý Thượng Đế.

Bapak đã có lần nói là tôi có “sức mạnh vật chất trong dạ dày”, và tôi thì rất thích ăn uống – có lẽ quá nhiều. Vì mất một trong hai tuyến parotoid, nên tôi chỉ còn lại phân nửa số lượng dịch vị, và bây giờ tôi lại không thích ăn uống nhiều. Có lẽ đó là nguyên do của bệnh ung thư.

Dù sao đi nữa, tuy Thượng Đế có cho tôi sống được bao lâu đi nữa, nhưng cá nhân tôi thì không còn sợ chết nữa, vì tôi đã nghiệm được cái trạng thái gần chết, cái thế giới bên kia. Tôi nói với người gây mê<sup>24</sup> theo đạo Công giáo, một người có tính lãnh đạm, là ông không nên hối hoảng, nếu tôi chết dưới lưỡi dao của ông, vì tôi cảm thấy mình rất được hạnh phúc tại thế giới bên kia. Tôi thấy câu trả lời của ông là điều tốt với mình: "Việc đó thì rất hay với ông, nhưng với tôi thì sẽ có một lô những công việc giấy tờ!"

Dù sao, tôi vẫn còn sống, và tối thiểu trong lúc này, vẫn còn được hưởng cái thú sống chung với gia đình, với tất cả những người, đặc biệt 4 cô con gái của tôi, đã quy tụ lại chung quanh tôi trong lúc khó khăn.

Có lẽ tôi vẫn còn việc phải làm nơi đây. Có một chuyện vừa mới xảy ra khiến tôi phải nghĩ. Salamah viết cho ngân hàng Tô Cách Lan về ý nguyện của một người em gái của má tôi, một bà dì yêu quý, bà Violet Allis, đã được khai mở ở London. Không hiểu do đâu, một cơn nhức đầu kinh khủng rớt xuống nơi mình. Tôi chỉ việc chấp nhận và đi vào trạng thái latihan. Sau một lúc, tôi thấy với cặp mắt của trí óc mình một thiếu nữ rất đẹp và hấp dẫn vào khoảng 25 tuổi, một người tôi nhận thức được là dì mình ở cái tuổi đó. Kể đến tôi được khiến cho nhớ đến việc người chồng đầu tiên của bà đã tự tử trong những hoàn cảnh mà người ta đã chưa từng giải thích cho mình hay, và tôi thì giúp giải quyết tình trạng của ông tại thế giới bên kia. Tôi trông thấy ông là một thanh niên với một bộ râu đầy đủ nhưng được cắt tỉa gọn ghẽ.

Latihan và cơn nhức đầu kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ rồi chợt nhiên hết, và tôi bình thường trở lại. Có lẽ tôi đã bị một cơn "cúm" và tất cả chỉ là tưởng tượng, nhưng khi tôi nói chuyện qua điện thoại về việc đó với anh Rashida, một người đã có một chứng nghiệm tương tự, tôi cảm thấy có lẽ những gì mình đã tiếp nhận được là điều tự nhiên: và tất nhiên tôi được khiến cho nhớ tới cái chứng nghiệm của anh Robinson ở Los Angeles vài năm trước đó. Có thể là trên thế gian này chúng ta giúp đỡ được những người ở thế giới bên kia, khi những người khác ở thế giới khác và những thiên thần cũng không đến được chỗ của họ. Chính Bapak đã có lần nói rằng những người Công giáo đã làm đúng, khi tổ chức lễ Mi-Xa cho người chết, vì việc làm đó có thể giúp ích cho họ. Tất nhiên ở Nam Dương, những buổi selematan cũng thường được tổ chức

---

24 anaesthetist

cho những người đã qua đời.

Nhưng ở Úc thì khác. Chẳng hạn như cách đây không lâu, một thanh niên đã chết trong một vụ đụng xe miền tây nam của Úc, và khi nghe nói tới vụ đó, cậu con rể tôi là Karim MacDonald (cậu sống gần đó) đã cầu nguyện cho thanh niên đó. Điều ngạc nhiên là linh hồn người thanh niên đó đã tới gặp cậu để cảm tạ, nói là đã không có ai làm điều đó, và những cầu nguyện đó đã an ủi và giúp ích rất nhiều cho mình.

Nhiều hội viên Subud hình như đã có những chứng nghiệm tương tự về sự tiếp xúc với những linh hồn ở thế giới bên kia, và nhận thấy tình trạng gần chết và lìa khỏi thể xác, những điều khiến mình phấn khởi và khó quên được.

## Nhìn tương lai

Bà vợ thân yêu của tôi nghĩ rằng tôi đã quá quan tâm tới việc đọc những cuốn sách khẳng định là mô tả được đời sống tại thế giới bên kia. Tuy nhiên, hiện nay thì tôi đã được 77, và tôi thấy làm vậy là chánh đáng. Không có những gì tôi vừa mới đọc trong các sách về đời sống bên kia là trái ngược với bất cứ những gì mà tôi đã từng nghe Bapak nói về đề tài đó. Về phần mình tôi thấy những mẩu chuyện đó chỉ làm cho lòng tin của mình được củng cố thêm nơi sự uy nghi và cái kích thước bao la của sự sáng tạo của Thượng Đế. Hơn nữa tôi còn thấy điều đó có vẻ như rất hợp với tư duy khoa học hiện đại. Có rất nhiều những công trình nghiên cứu về việc đó, chẳng hạn như về NDE và ngay cả về luân hồi.

Vật lí học hiện đại cũng đang tiến tới một sự hiểu biết khác biệt về bản thể của vật chất và mặc nhiên công nhận những diễn biến "kì cục" nhận thấy trong môn cơ học lượng tử và thuyết sợi dây<sup>25</sup>(1) Có nhiều bộ óc ngược đời, những nhà khoa học hàng đầu, đang tìm hiểu cái mô hình mới mẻ về bản thể của vũ trụ, về ý thức của con người và sự việc có thể có một quyền năng của Thượng Đế.

Tới đây tôi muốn nói thêm về một điều mà Salamh đã viết. Trong một đêm đặc biệt, và điều này thường xảy ra rất khuya trong thập niên 60, Bapak nói với chúng tôi về những gì sẽ xảy ra với tâm thức và linh hồn mình, sau khi chết. Điều đó đã phải xảy ra khi đã quá nửa đêm trong lúc Ramadhan, tôi nghĩ đó có lẽ là cái Ramadhan đầu tiên, sau khi Bapak và gia đình đến Nhà Lớn ở, vì tôi còn nhớ nó vừa được xây xong, vẫn còn khá lạnh lẽo và tối tăm, và lúc đó thì khuya thật là khuya. Người đã gọi chúng tôi đến, có một vài người ngoại quốc có mặt tại đó lúc đó, kể cả Brodjo và Prio, và chúng tôi ở lâu trên trong cái phòng khách hình thù như một thùng tròn. Tôi còn nhớ là có gió thổi vào và ta cảm thấy lạnh.

25 string theory: một thuyết có tham vọng tổng hợp tất cả các hiện tượng vật lí lại thành một công thức duy nhất.



“Sau khi thân xác chết” Bapak nói “jiwa các bạn (hay linh hồn) có thể cảm thấy khá lạc lõng. Ban đầu bạn không nhận thức được là mình đã chết. Nhưng rồi các bạn bắt đầu gặp những người mình quen biết, cha mẹ mình và những người bạn trước đây, những người mình thân cận nhưng đã rời bỏ cái thế gian này. Các bạn đợi chờ làm chung với họ tất cả những điều thú vị đã từng làm”. Và người điềm tĩnh nói tiếp: “Điều này hơi giống với việc đang ở trong một không gian rộng lớn là chỗ chờ đợi, nơi chẳng có nhiều điều gì xảy ra, nhưng lại là nơi khá đông đảo và có đầy người, và họ cũng đang đợi chờ. Và từng người một, những người đó bắt đầu biến mất. Họ đã đi mất, hay đi trở về, những nơi chốn được ấn định cho mình. Và ta cứ chờ đợi và chờ đợi, ta chẳng nghe thấy gì nhiều, mọi điều đều được cảm thấy một cách khá mơ hồ, nhưng vì không còn trái tim và bộ óc nữa, nên ta chỉ lang thang đây đó, và chờ đợi. Rồi thì ta nghe thấy tên mình được gọi bằng một Giọng Nói rõ rệt lớn tiếng và ta từ biệt họ. Nhưng khi những người khác biến mất, bạn sẽ không nghe thấy tên họ được gọi, và những người khác trong cái phòng chờ đợi rộng lớn đó cũng vẫn không nghe thấy tên bạn được gọi, tuy bạn nghe thấy điều đó một cách rất rõ rệt và lớn tiếng. Lời kêu gọi đó chỉ dành cho bạn, và chỉ khi đó bạn mới đến cái nơi chốn tại thế giới bên kia mà bạn đã nhận được trong cuộc sống này.”

“Bapak tạm ngừng một lúc lâu, trong khi chỉ ngồi đó mà không nói và cử động gì. Tôi nhìn chung quanh và là kẻ duy nhất đang thức! Những người khác thì ngồi đó với đầu gục trên ngực, hầu như đang ngủ. Phải vào khoảng 2 hay 3 giờ sáng gì đó, nhưng cái trạng thái tâm thức của tôi thì thật đặc biệt, hoàn toàn không suy nghĩ và cảm thấy gì. Buổi nói chuyện đó thật đặc biệt, và tôi có thể nói là mình đã ở trong một không gian rất khác biệt. Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ được cho tới nay về những gì Bapak đã nói. Đó là một đêm tuyệt đối đặc biệt”.

Đối với tôi những điều Salamah mô tả xác nhận những gì được tương tự mô tả về việc điều gì sẽ xảy ra, khi chúng ta qua đời, như những điều đã được Michael Newton thuật lại trong cuốn Journey of Souls. Bapak cũng đã có lần nói với chúng tôi là khi chúng tôi chết, người sẽ có mặt nơi đó để chào đón chúng tôi—đúng ra là cái bản thể ánh sáng của chúng ta.

Hiển nhiên không phải là bất cứ ai chết thì sẽ được một sinh linh có ánh sáng chào đón. Điều có thể xảy ra là trong lúc gần chết ta gặp được

một sinh linh có ánh sáng, sờ dĩ vậy là vì kẻ nghiệm được điều đó được chỉ cho thấy những điều mà họ có thể ghi chép lại, khi trở lại cuộc sống nơi đây. Và đó cũng là vì chỉ có một sinh linh có nhiều uy quyền mới có thể thuyết phục họ trở lại cái thế gian này, sau khi họ đã trông thấy những huy hoàng của thế giới bên kia.

Theo tôi, mỗi tôn giáo và mỗi vị sứ giả của Thượng Đế đều mang tới một sự mặc khải mới lạ được xây dựng trên những gì đã có trước đây. Điều này cũng đúng với những gì gần với chúng ta hơn như những phong trào và công cuộc nghiên cứu mới mẻ về tâm linh. Ông Gurdjieff là người đã đến đúng lúc đối với một quần chúng hoài nghi tôn giáo và đang tìm kiếm một con đường thiết thực để tu thân. Việc đó đã dọn đường cho Subud. Tuy không là một tôn giáo, nhưng Subud có một sự hấp dẫn đối với mọi người mọi nơi, và với sự hướng dẫn của Thượng Đế nó sẽ dẫn dắt ta tới một trật tự mới của thế giới.

Đối với tôi thì những cuốn sách như *Journeys of Souls* được dựa trên những đối tượng cụ thể, chỉ có thể là điều mở đường đi cho Subud và những biểu lộ khác về sự hướng dẫn của Thượng Đế cho nhân loại. Có lẽ những trở ngại lớn nhất đối với một sự thay đổi trong cái thời đại này là phần đông quần chúng ở Tây phương không tin tưởng có một đời sống nơi thế giới bên kia, và tôn giáo ở cả Đông lẫn Tây đều có tinh thần toàn nguyên.

Trong cái thế giới hiện nay, tôi thấy hình như phần nhiều những khó khăn là hậu quả của chủ nghĩa duy vật, sự cuồng tín và đầu óc hẹp hòi. Nếu chúng ta phải vượt qua những thái độ có tính chất phá hoại đó, nhân loại phải ý thức được thực tại của đời sống bên kia, sự đồng nhất có tính căn bản và có tính cội nguồn duy nhất của những tôn giáo lớn, và ta phải trở về một lần nữa với Thượng Đế.

Tôi cũng cầu xin cho cái ân huệ của latihan Subud được bành trướng tới toàn thể nhân loại. Bapak đã có lần nói là nếu chỉ có 2%<sup>26</sup> nhân số của thế giới tập latihan, thì chiến tranh sẽ là chuyện của quá khứ.

---

<sup>26</sup> nhân số hiện nay trên thế giới vào khoảng 6 tỉ, 2% của con số đó là 120 triệu. Việt Nam hiện nay hơn 40 triệu dân, 2% của con số đó là 80000. Số hội viên ở nước nhà phải được vào khoảng đó!

## Chương cuối

Buổi gặp gỡ này như chương cuối của đời mình, vì đó là lần cuối tôi thực sự được gần gũi thể chất của Bapak. Lần cuối cùng tôi thực sự được trông thấy Bapak thật gần mình –tôi còn nhớ ngày tháng là ngày 10 tháng 4 năm 1987, vì đó là ngày sinh nhật của Salamah- là khi có nhiều người trong chúng tôi ở Pamulang sáng chủ nhật, khi Bapak đi xuống dưới và tất cả chúng tôi thì được mời ngồi chung với người.

Người nói chuyện, nhưng bởi điều này bất ngờ, nên những gì Bapak nói không được thu vào băng ghi âm, nhưng đó là một dịp khó quên, trong đó Bapak bảo anh Simon Guerrand nên nói tới Subud tại Liên Hiệp Quốc, và liền sau đó người nhìn anh Shariff và nói rằng anh cũng nên nói tới Subud tại đó. Khi chúng tôi đi về, thì Salamah, trước đó đã âm thầm ghi chép một vài điều về những gì Bapak đã nói, đưa những cái đó cho anh Sharifin Gardiner mà theo tôi nghĩ, cũng đã làm điều tương tự.

Năm đó, những buổi nói chuyện của Bapak về Đêm Quyền Năng gần lúc Ramadan chấm dứt, tuy ngắn ngủi nhưng nội dung thì rất phong phú. Chính trong những buổi nói chuyện đó Bapak đã đưa thêm "lòng dũng cảm" vào 3 đức tính căn bản trước đây mà người thường nói với chúng ta là những điều cần thiết để tiến bộ trong latihan: kiên nhẫn, tin cậy và chân thành.

Tháng 7 năm 1987 Iaina Bartok đến thăm Wisma Subud , và cùng với những người đã từng ở đó với những người đến thăm từ nước ngoài bà đi dự lễ ăn mừng sinh nhật của Bapak tại căn nhà mới ở Semalang. Bapak, người ta cho chúng tôi hay, không được mạnh khỏe, nhưng người cũng bước ra ngoài phòng ngủ đến đầu cầu thang, để cắt chiếc bánh cổ truyền có hình húi màu vàng và từ tốn vẫy tay chào hàng trăm người đứng dưới chào mình, trước khi trở về phòng nghỉ.

Chiếc bánh dân tộc màu vàng hình núi đó được đặt trên một cái mâm

bằng đồng thau mà thực ra chúng tôi đã cho mấy cô cháu gái của Bapak mượn để dùng trong dịp đặc biệt này, như đã từng làm trước đây. Món đồ cổ truyền Pakistan đẹp để đó chúng tôi đã mua của một nhà ngoại giao Nam Dương, ngay sau khi chúng tôi trở lại Nam Dương trong năm 1965. Đó là đồ vật quý báu nhất mà chúng tôi có được.

Khi lần đó Salamah cho đem nó tới nhà Bapak, tôi nhận thấy việc làm đó thực sự không thích đáng, nếu chỉ cho Bapak mượn, và đúng ra điều chúng tôi nên làm là tặng nó cho Bapak. Tôi quyết định buổi sáng sau khi dự xong sinh nhật của Bapak tôi sẽ đề nghị với Salamah là chúng tôi sẽ làm điều đó. Nhưng buồn thay, khi đó thì Bapak đã qua đời rồi.

Như chúng tôi được cho hay, sáng sớm ngày hôm sau Bapak mất vào một lúc nào đó trong chuyến đi lâu dài bằng xe hơi từ Pamulang tới bệnh viện St. Carolus ở Ciniki. Khi nghe được tin đó –ngay lúc còn sớm–chúng tôi và tất cả những người ở Wisma Subud cùng với những hội viên Subud khác khắp nơi ở Jakarta đều tụ họp ở Pamulang nơi căn nhà mới mẻ mà Bapak đã đến ở.

Cái không khí lúc đó thật khác thường. Ngay trước khi mất, Bapak đã nói với cậu cháu trai mình là Mas Adli: "Khi cuối cùng đi khỏi cái thân xác vật chất này, ông sẽ có thể gần gũi với cháu hơn là hiện nay và có thể giúp ích nhiều hơn cho thế giới."

Và như thế nào đó tôi cảm thấy quả thực linh hồn vĩ đại của Bapak đã bành trướng để bao bọc tất cả chúng ta. Trong căn phòng lớn tầng dưới cùng thiên hạ ngồi trên sàn nhà yên lặng cầu nguyện, và căn phòng tràn ngập một latihan mạnh mẽ lạ thường, trong khi người ta chỉ nói thầm với nhau, nếu phải nói.

Có lẽ hơn tất cả những gì khác trong cuộc sống của người, cái chết của Bapak khiến cho tôi tin người thực sự là ai, thực sự là một sứ giả của Thượng Đế, một người đã được phái đến để giúp đỡ nhân loại. Nên có lẽ đó không là điều ngẫu nhiên, khiến cho chẳng bao lâu khi người qua đời và quả thực được thoát khỏi những hạn chế của cái thân xác vật chất, thì bức màn sắt được hạ xuống, khối cộng sản bị giải thể, Liên xô bị sụp đổ, và Âu Châu cuối cùng được thống nhất trở lại.

## Những suy nghĩ về cái chết

(Nguyên văn của đầu đề là “An Afterthought“, tác giả là Kodrat Mangundjaja, viết tại Nam Dương ngày mùng 10 tháng 12 năm 2004)

Tôi thường tự hỏi mình về điều này, liên tục kể từ khi được cho hay trước về cái chết của mình: chết như thế nào mới đúng theo Ý Thượng Đế?

Cái chết sẽ đến với mọi người, và mỗi người sẽ nhận được cái chứng nghiệm về sự chết của mình. Tôi biết được khi một người nào đang chết, thì những người chung quanh không thể hỏi hẳn cảm thấy như thế nào và đang nhận thấy những gì trong giây phút quyết định đó. Bất cứ những gì hẳn nghiệm được trong những giây phút cuối cùng của đời mình, sẽ luôn là một bí mật đối với những người khác. Cái chết là một điều huyền bí mà không ai sẽ một ngày nào đó hiểu được.

Ngay cả đức Ki Tô, một người mà người ta nói rằng đã phục sinh, cũng đã giữ cái bí mật đó cho bản thân mình, vì đã không có bất cứ những gì đã được thuật lại trong sách Phúc Âm về những kinh nghiệm của ông trong sự chết và trong lúc nằm trong mồ. Việc làm này là điều bình thường và hợp lí đối với bản tính con người, nếu các môn đồ đã hỏi đức Ki Tô về vấn đề đó, bởi vì cái chết cũng là điều bí mật với họ. Óc hiểu kì của con người chắc chắn sẽ ép buộc họ phải điều tra về chuyện đó bằng cách đi hỏi một người đã nghiệm được cho cá nhân mình, y hệt như việc nhiều người đi hỏi những phi hành gia đã đáp xuống mặt trăng về những cảm tưởng và kinh nghiệm của họ trong lúc trên mặt trăng. Tuy nhiên, chúng ta đã không thấy có bất cứ gì được thuật lại về vấn đề

quan trọng đó trong 4 Phúc Âm. Các môn đồ đã không muốn hỏi đức Ki Tô, vì tôn trọng cá nhân ông, hay đức Ki Tô đã không muốn tiết lộ bất cứ gì về sự bí mật đó? Vấn đề đó là điều cấm kị đối với các môn đồ? Do sự vắng bóng của những gì được chép thuật lại, cái chết luôn là một bí mật đối với phần đông chúng ta. Ta không lấy làm lạ, khi thấy xuất hiện hết thuyết này tới thuyết nọ, mỗi thuyết đều khó tin được, và không ai sẽ một ngày nào đó biết được sự thật, ngay cả khi mọi người sẽ nghiệm được điều đó.

Câu chuyện về 7 người đã ngủ 3 thế kỉ trong một hang động được đề cập tới trong kinh Quran, nhưng nó không chứa đựng bất cứ những gì có thể rọi một chút ánh sáng lên cái bí mật đó. (Thiên hạ thường rất có khuynh hướng coi câu chuyện đó có tính chất huyền thoại hay cực kì thuộc lĩnh vực thần thoại.) Câu chuyện đó chỉ thuật lại là họ đã được quyền năng của Thượng Đế làm cho thức dậy sau 3 thế kỉ, và họ nói rằng mình cảm thấy như đã ngủ chỉ vài tiếng đồng hồ. Theo Bapak, cái bài học mà ta có thể rút tỉa được ở câu chuyện đó là những người đó không biết và ý thức được mình đã chết, bởi tâm linh họ chưa thức tỉnh.

Có lần Bapak nói với tôi: “Chúng ta phải chết một cách sáng suốt. Nhiều người chết một cách không sáng suốt, thậm chí họ còn không ý thức được là mình đã chết.” Tôi đi đến kết luận điều Bapak muốn nói là sự sáng suốt của tinh thần, chứ không là của trí óc, vì trí óc sẽ chết chung với con người. Trí óc không còn sáng suốt nữa ngay cả trong cái ngủ; chúng ta không ý thức được những gì xảy ra với mình trong trạng thái đó; vậy còn nói tới việc con người bị hôn mê, và tới việc rất thường xảy ra là lúc chết. Ngay cả khi con người còn giữ được sáng suốt trong trí óc cho tới giây phút cuối cùng, nhưng tới lúc ta đích thực chết thì cái khả năng đó không còn nữa, và ta không ý thức được là mình đang chết. Sự sáng suốt tâm linh chỉ có thể hiện diện sau khi tinh thần đã thức tỉnh, khiến cho khi trí óc không còn hoạt động nữa, tinh thần sẽ thay thế.

Bapak giải thích là trí óc ngưng hoạt động lúc chết, và người chết không có dụng cụ nào cho mình để nhớ lại những gì mình đã nghiệm được trong cuộc sống. Điều đó được cho thấy trong câu chuyện về 7 người ngủ. Họ không thể nhớ lại bất cứ những gì trong lúc chết, nhưng sau khi được làm cho sống lại, họ có thể nhớ lại điều đã khiến mình vào hang động trú ẩn. Theo Bapak, đối với những người mà tâm linh thức tỉnh, chức năng của óc não sẽ được nội cảm thay thế, khiến họ có thể

nhớ lại những gì đã xảy ra với mình khi còn sống. Không ai biết được mình sắp chết như thế nào, dù căn nguyên là bệnh tật, tai nạn, hay một lối nào đó khác, cái bí mật đó chỉ có Thượng Đế mới biết. Một con người chết như thế nào, điều đó có quan trọng? Nó có liên quan gì tới tình trạng tâm linh sau khi chết? Khi trông thấy những thân thể máu me và méo mó của những nạn nhân một vụ tai nạn xe hơi, một cách vô tình chúng ta mong muốn cho mình tránh được một tai kiếp bi đát như vậy. Nếu có thể thì chúng ta thích được chết trên giường khi tuổi đã cao, một cách an bình và không đau đớn, chung quanh có những người thân yêu. Có những người nghĩ rằng cách một người nào chết là điều xứng hợp với lối cư xử của mình khi còn sống. Kẻ xấu sẽ có cái chết khủng khiếp, và chỉ có người tốt mới an bình chết. Cái thuyết đó hoàn toàn thiếu căn bản là điều ta thấy được trong sự kiện Thánh Gandhi chết bất đắc kỳ tử, một người đã chưa từng làm hại một con muỗi trong đời mình. Đức Ki Tô đã chết một cách khủng khiếp trên cây giá chữ thập, mặc dù đã chưa từng làm hại bất cứ ai. Nhiều vị ngôn sứ trong Thánh Kinh đã chết dưới bàn tay của thiên hạ, và những vị đó là những sứ giả của Thượng Đế thuộc trình độ tâm linh cao quý nhất.

Tôi tình cờ đọc được một bài báo do bà con gái của Stalin viết về những giờ phút cuối cùng của cha mình. Vì sự độc ác của ông, nên cái chết của ông là một cái chết khủng khiếp khi ta trông thấy. Bà nói chỉ có những người tốt mới có được một cái chết an bình. Cái chết vẫn còn là một bí mật đối với ngay cả những người nắm được địa vị cao nhất trong giới tu sĩ, những người mà thiên hạ cho là được gần gũi với Thượng Đế hơn bất cứ ai khác. Tuy nhiên, khi tới lúc những vị đó phải chết, họ cũng sẽ không khác với bất cứ một phạm phu tục tử nào, mọi người hình như bị một bị kịch thâm sâu bao trùm mà không ngôn từ nào tả nổi.

Tôi tình cờ đọc được một bài báo về những giây phút cuối cùng của Đức Giáo Hoàng John XXIII: “ Một chiếc đèn trên giường chiếu một ánh sáng mờ nhạt lên ông John đang nằm dựa trên lưng, dưới một mặt nạ oxygen. Ông trở mình một cách nặng nề, lồng ngực rộng lớn của ông hỗn hển thở để lấy không khí, rồi suy sụp trong những giây phút yên lặng, mỗi giây phút có vẻ là cuối cùng. Khuôn mặt ông dưới ánh sáng trông nhợt nhạt và có những vết tích của cơn sốt và đau đớn.”

Cái địa vị là lãnh tụ giáo hội Công giáo trên trần gian của ông hình như đã không ăn nhập gì tới cách ông chết, có lẽ tất cả những người tiền

nhệm của ông đã chết y như vậy, không khác gì với bất cứ ai khác.

Đức Ki Tô đã có một cái chết khủng khiếp. Tuy nhiên, cách ông chết đã không có một ảnh hưởng tồi tệ nào đối với tình trạng tâm linh của ông sau lúc chết. Sự phục sinh và thăng thiên của ông sau đó là những bằng chứng không bác bỏ được về sự trong sạch tâm linh của ông, một điều đã không bị cách ông chết làm cho vẩn đục. Do cái thí dụ về đức Ki Tô và những vị ngôn sứ đã bị ám hại, tôi đi đến kết luận là cách một người nào chết có lẽ là điều không quan trọng, dù do bệnh tật hay do một nguyên nhân nào khác, điều đó không ăn nhập gì tới tình trạng tâm linh. Điều đáng quan tâm nhất là có sự hướng dẫn của Thượng Đế trong lúc sống và chết, bởi chỉ có Thượng Đế mới có thể dẫn dắt chúng ta tới cái đích cuối cùng của mình.

Mấy năm trước đây sau khi tiếp nhận được một chứng nghiệm bất thường trong latihan, nhà tôi hỏi Bapak về việc chúng ta nên chết như thế nào. Bapak đáp: “Trong latihan ta được dạy cho cách chết. Mỗi lần phó thác cho Thượng Đế, đó là cách nên chết. Ta chỉ việc phó thác cho Thượng Đế. Nhiều người tập trung sức lực và quyền năng của ý chí trong những giây phút cuối cùng, đó là lối chuẩn bị của họ để trực diện cái chết. Đối với chúng ta thì điều đó không đúng, thế cho nên chúng ta phải hoàn toàn phó thác cho ý muốn của Thượng Đế.”

Sau khi chúng tôi đến Bandung ở, một hôm nhà tôi đến Jakarta vì chuyện gia đình, và nhân dịp đó bà đến thăm Ibu ở Cilandak. Hình như Ibu đã trông đợi bà, vì ngay sau khi bà đến trước mặt Ibu, thì Ibu đã hỏi: “Chị đến một mình? Chị Sri (một hội viên ở Bandung) đâu? Tôi đã kêu gọi chị và chị Sri, cả hai nên tới đây, nhưng chỉ có chị đã đáp ứng lời kêu gọi của tôi.” Nhà tôi rất lấy làm lúng túng, vì bà đã không nhận được bất cứ một thông báo nào, dù bằng miệng hay viết tay, của Ibu. Về phần mình thì nhà tôi không có một lí do đặc biệt nào để muốn gặp Ibu, bà chỉ muốn bày tỏ lòng kính trọng của mình với Ibu, vì đã hơn một năm nay họ chưa gặp nhau. Sự mong muốn được gặp Ibu của bà thực ra là một đáp ứng của tiềm thức đối với lời kêu gọi của Ibu từ xa xôi, một điều đã được làm không do phương tiện vật chất, mà do tâm linh? Nhà tôi có chiều hướng nghĩ nó là vậy, vì ta có thể thấy được sự thật trong thái độ của Ibu, một điều cho thấy bà như suốt ngày đang trông đợi nhà tôi. Nhà tôi thì rất trông mong những gì Ibu sẽ tiết lộ với mình sau đó, vì phải có một lí do chánh đáng nào đó khiến cho Ibu kêu gọi mình một cách kì bí như



vậy. Bà không phải chờ đợi lâu, vì chợt nhiên Ibu bảo bà tiếp nhận. Trong tình trạng đó, bà nghe thấy Ibu hỏi: "Chị sẽ như thế nào, nếu Thượng Đế kêu gọi mình ra đi trong lúc này?" Nhà tôi đứng trước Ibu, gục xuống sàn nhà, và nằm dựa trên lưng, bà chấp tay trước ngực, trong khi thốt ra "Allahu Akbar" nhiều lần. Sau đó Ibu nói với bà là cái trắc nghiệm đó cho thấy là ba đã có thể phó thác cho ý muốn của Thượng Đế, ngay cả trong lúc chết. Với một phụ nữ từ hải ngoại, một người cũng có mặt nơi đó, Ibu làm một trắc nghiệm tương tự. Khi nghe hỏi một câu y như trên, bà chợt bật khóc một cách không kiềm chế được. Sau đó Ibu nói với phụ nữ đó là thái độ của bà đã cho thấy là bà chưa thể quy thuận Thượng Đế.

Nếu một kẻ đang chết còn sáng suốt cho tới những giây phút cuối cùng, tôi tự hỏi có những tư tưởng gì là tối ưu trong đầu óc hẳn. Theo chỗ tôi biết, bất cứ ai trong các hội viên Subud đã chết, đều dùng những giây phút cuối cùng của mình để cầu nguyện. Có thể trong lúc trọng đại đó ta không còn kiểm soát được quyền năng của ý chí, nên cái tối ưu trong đầu óc mình có lẽ là cái có ảnh hưởng lớn nhất đối với bản chất mình. Thế nên, học thuộc lòng những câu kinh có lẽ sẽ không giúp ích gì được cho người đang chết trong những giây phút đặc biệt đó của cuộc đời, vì trí óc không còn lệ thuộc ý chí nữa. Tôi nghĩ không có cách nào ảnh hưởng tới tình trạng một người đang chết. Người Hồi giáo tin rằng đọc một chương đặc biệt của kinh Koran (chương Yasin) có thể trợ giúp cho một người trong cơn hấp hối. Theo những gì tôi có thể thấy được với cặp mắt mình, tôi nghĩ những việc làm như thế hoàn toàn vô ích. Nhạc mẫu tôi đã bất tỉnh, khiến cho bà không thể ý thức được những gì đang xảy ra chung quanh. Một người hàng xóm của tôi ngồi gần người chết, đã đọc chương đó để cầu phúc cho bà. Tôi không thể trông thấy bất cứ thay đổi nào trong tình trạng của bà do điều đó, không có bất cứ một phản ứng nào nhìn thấy được trong diện mạo của bà. Bà đã ở một nơi xa xăm nào đó để có thể nghe thấy được bất cứ gì. Còn có cái yếu tố về ngôn ngữ là điều có thể trở thành một chướng ngại khiến cho việc làm đó không hiệu nghiệm. Nhạc mẫu tôi chưa từng học tiếng Ả Rập, và kinh Koran thì được viết theo cái ngôn ngữ đó, vậy thì làm sao ta có thể mong đợi bà sẽ hiểu được những gì đang đọc cho mình nghe? Tuy thế, thiên hạ lại giữ chặt cái tin ngưỡng cho là đọc chương Yasir hay kinh Koran thì sẽ có một hiệu quả tốt lành đối với người đang chết, ngay cả khi lí trí nói rằng việc làm đó là điều chẳng có nhiều triển vọng gì. Cái trường hợp này thì cũng y như vậy: đó là cái tập tục thàm thì truyền thụ những chỉ thị này nọ vào tai người chết, những điều người ta nghĩ là sẽ

giúp ích cho linh hồn người chết, khiến họ trả lời đúng cách những câu hỏi mà thiên thần của sự chết sẽ đặt ra. Người chết có thể nghe được bất cứ gì, ngay cả những câu kinh, là điều không chắc chắn. Tôi nghĩ những tôn giáo khác cũng có những tập tục và việc làm tương tự, những điều người ta nghĩ là sẽ giúp ích cho người đang chết hay đã chết. Tuy nhiên, những điều đó có giúp ích gì được cho bản thân người chết hay không, là điều khó tin được, vì những cái đó đã nằm ngoài tầm nắm bắt của người sống, nhưng có lẽ đó là những điều có mục đích làm lợi cho người sống, vì những việc đó sẽ khiến thân nhân được an ủi phần nào, vì họ nghĩ rằng mình đã làm những gì cần phải làm để giúp cho người chết trong cuộc hành trình cuối cùng.

Kinh Koran nói: “Người sống cũng không ngang với người chết. Thượng Đế muốn cho ai nghe thì người đó nghe được. Ta không thể đến chỗ của những người đã nằm dưới mồ.” Câu kinh đó hiển nhiên cho thấy người chết nằm ngoài tầm nắm bắt của người sống.

Có lần Bapak kể cho tôi nghe câu chuyện này. Có một người cho con cái và những thân nhân gần nhất của mình hay là mình sắp chết vào một ngày nào đó, người đó mời họ đến nhà mình để gặp nhau lần cuối. Khi đến, họ ngạc nhiên thấy ông đi đứng như thường lệ, không bị bệnh hoạn hay đang đang nằm trên giường. Trông ông có vẻ rất mạnh khỏe, và không có dấu hiệu nào về bất cứ điều gì không được tốt với ông. Ông trò chuyện với họ một cách vui vẻ, và không có những gì trong lối cư xử và tình trạng thể chất của ông có thể là dấu hiệu về việc ông sắp chết.

Trong ngày định mệnh đó, ông dùng cơm với họ lúc tới, và rồi về phòng nghỉ. Không ai được phép đi theo ông. Khoảng giữa đêm ông xuất hiện một lần nữa trước con cái mình và bảo họ đi ngủ, nhưng họ đáp lại là thích thức đêm. Trong khi đó thì ông đi thay quần áo, mặc những đồ mới, và khi một người con ông hỏi tại sao lại thay đồ lúc đã muộn rồi, thì ông đáp là mình chỉ muốn mặc những bộ đồ mới. Rồi ông đi vào phòng ngủ một lần nữa. Sau khi một tiếng đồng hồ trôi qua, một người con đến coi ra sao, thì ông đã qua đời rồi. Tôi nghĩ một tình trạng sáng suốt như vậy chỉ có thể là kết quả của một địa vị tâm linh cao trọng. Người đó biết được thời giờ đích xác của việc mình đi khỏi thế gian này, y như những điều đức Ki Tô đã làm, theo những gì được thuật lại trong Phúc Âm.

Bapak có lần nói với tôi: nếu tiếp tục tập latihan và khi tới lúc phải

chết, thì ta sẽ biết được và có thì giờ cáo biệt vợ con mình. Tôi mong và hi vọng khi tới lúc mình chết, lời nói của Bapak sẽ chứng tỏ được sự thật.

Trong câu chuyện của Bapak có một sự việc không bình thường. Tôi nghĩ đó là một việc khá kì lạ, khi không có một người con nào được phép gần cận người đang chết trong những giây phút cuối cùng. Thông thường một người trong những giờ phút cuối cùng của mình muốn thấy có bà con họ hàng chung quanh mình, muốn được trợ lực tinh thần nhờ sự hiện diện của họ. Hiển nhiên người đó đã có những lí do chánh đáng để muốn được một mình trong lúc giao phó cuộc đời mình. Có lẽ lí do là ông không muốn bị ảnh hưởng bởi tình trạng tinh thần và cảm xúc của những người chung quanh mình, vì điều đó có thể có một tác động bất lợi đối với tình trạng mình. Tôi nghe nói trong lúc chữa trị căn bệnh cuối cùng của mình, Ibu cũng không cho phép bất cứ ai đến gặp mình, ngoại trừ Bapak, có lẽ vì lí do y như trên.

Có lần Bapak nói với tôi: "Nếu nỗi buồn của vợ con mình ảnh hưởng nhiều tới mình, ta sẽ không thể rời bỏ thế gian này. Nhiều người còn ở lại cái thế gian này sau khi chết, vì họ gắn bó với tài sản của mình, với việc làm, gia đình, v.v..." Rất có thể nhân vật trong câu chuyện của Bapak đã muốn tránh một điều như vậy có thể xảy ra, bằng cách chết một mình.

Một lần khác Bapak nói: "Nếu trong những giây phút cuối mà nghĩ tới vợ con, của cải, lạc thú, vân vân, ngay cả chỉ trong một giây lát, ta sẽ không thể rời bỏ thế gian này. Hơn nữa, ngay cả chỉ trong một giây lát nghĩ tới cái "Tôi " của mình, ta cũng sẽ không rời bỏ được cái thế gian này. Điều đòi hỏi ở chúng ta là hoàn toàn quy thuận Thượng Đế." Một trình độ quy thuận cao siêu như thế con người không thể muốn mà có được, vì đó là kết quả của một quá trình tâm linh, thanh lọc và phát triển để tiến tới cái linh hồn con người chân thực.

Bapak cũng nói: "Nếu quyến luyến những cái tầm thường, ta sẽ bỏ quên bản ngã mình. Khi quyến luyến gia đình, của cải, tài sản và coi như vậy có giá trị hơn sự phục tùng Thượng Đế, thì trong lúc chết những quyến luyến đó sẽ lôi kéo ta xuống dưới, vì những tính chất chi phối mình là những cái thuộc về thế gian này. Mở đường cho tiếng gọi của trái tim và quyền lợi mình thay vì cho tình thương của Thượng Đế, sẽ khiến ta ở lại cái thế gian này. Nhưng nếu chân chính phục tùng cái chết, ta sẽ trở về cái trình độ phù hợp với điều Thượng Đế muốn cho mình được." Hoàn toàn quy thuận Thượng Đế là điều được đức Ki Tô cho thấy

trong những giây phút cuối cùng của mình, khi ông nói: "Lạy cha, trong bàn tay Cha con phó thác linh hồn mình." Trong lúc bị treo trên cây giá chữ thập, bị đau đớn kinh khủng nhất và nhục mạ cực độ, ông đã không chút nào nghĩ tới bản thân mình, mà vẫn chỉ quan tâm tới người khác. Ông không mong cho kẻ thù mình bị hại; trái lại, ông còn xin Thượng Đế tha thứ cho họ. Đó là một bằng chứng không bác bỏ được về cái linh hồn cao quý của ông.

Quy thuận Thượng Đế không là điều dễ dàng với chúng ta, trong cái tình trạng chưa được thanh lọc hiện nay của mình, và do đó chúng ta sẽ không dễ gì rời bỏ được cái thế gian này sau khi chết. Nếu sự quy thuận đó tùy thuộc những cố gắng của mình, thì chúng ta sẽ chẳng có hi vọng gì, nhưng điều may mắn cho chúng ta, những người đang sống trong cái thời buổi này, là trong cái trí huệ vô biên của Ngài, Thượng Đế biết được tình trạng hiện nay của chúng ta, Ngài đã đến giúp chúng ta qua latihan kedjiwaan Subud. Phục tòng Thượng Đế là điều gì tự động đến, nhưng chỉ đến qua cái ân huệ của Thượng Đế hoạt động trong bản chất của con người, khiến ta hoàn toàn phục tòng Thượng Đế trong lúc sống cũng như trong lúc chết.

Một hôm những tin về sự qua đời của Ibu đến nơi chúng tôi một vài ngày sau lễ mai táng, khiến chúng tôi không đi dự được. Một vài tuần sau nhà tôi đến Cilandak, và được nói chuyện nhiều phút với Bapak. Điều kì lạ là bà không hề muốn bày tỏ lời chia buồn, như thường làm với những người khác. Bà cảm thấy điều đó không cần thiết, và không thích đáng với Bapak. Không có dấu vết đau buồn nào trên vẻ mặt của Bapak, và người điềm tĩnh chuyện trò, như thể Ibu vẫn còn nơi đây. Sau này nhà tôi nói chuyện với một người bạn cư ngụ ở Cilandak, và do người đó bà hay được chia buồn là không cần thiết, vì chẳng có ai đã chia buồn và thương tiếc. Vì đã nghe nói tới nhiều câu chuyện kì lạ chung quanh những giây phút cuối cùng của Ibu, nên nhà tôi muốn biết những gì đã thực sự xảy ra và được nghe chuyện của một người đã trực tiếp dính líu tới việc đó, đã chứng kiến Ibu qua đời. Nhưng hỏi đó bà không gặp được nhân vật đó. Một vài tuần sau đó khi đến thăm một hội viên đau ốm ở Bandung, nhà tôi tình cờ gặp được bà H., người chị của bệnh nhân đó. Tình cờ bà H. lại là người có mặt trong lúc Ibu qua đời, đã ở bên cạnh Ibu kể từ khi đau ốm. Chính bà là người đã nhận được một chứng nghiệm tâm linh liên quan tới việc Ibu đi khỏi cái thế gian này. Những điều nhà tôi hay được nhờ nhân vật đó, một người là nhân chứng trong những

giây phút thanh cao đó, là những điều thực sự có tính chất tiết lộ và gây ấn tượng một cách sâu sắc nhất. Tôi thấy ngán ngại, nếu nói thêm về tất cả các sự kiện, những điều nhà tôi đã hay được nhờ bà H., vì tôi lo sợ mình sẽ nói không đúng, hay bị hiểu lầm.

Đối với cá nhân tôi, câu chuyện về sự qua đời của Ibu là câu chuyện mang nhiều ý nghĩa nhất, vì tôi đã chờ đợi nhiều năm được nghe nói tới một biến cố như vậy, một thí dụ về lối chết chân chính. Trong trường hợp của Ibu, sự kiện đó biểu lộ qua nhiều biến cố: trước hết là những điều thấy trong tâm linh mà bà H. đã tiếp nhận được một ngày trước khi Ibu thực sự mất. Bà H. được cho thấy cái tình trạng tâm linh tốt đẹp, đích thực và cao quý của Ibu, hoàn toàn khác biệt với cái bề ngoài trần gian và vật chất. Kể đến là lúc chuyên trò cuối cùng giữa Ibu và Bapak, sự việc Ibu cáo từ Bapak và việc Bapak hướng dẫn Ibu, khi bà rời khỏi thế gian này. Hoàn toàn không đau buồn, thương tiếc, còn nói chi tới nỗi sợ hãi cái mà mình không biết được, chỉ có sự thật về việc hoàn toàn phục tùng Ý Thượng Đế. Trong những giây phút thanh cao đó ta cũng được cho thấy cái quan hệ có giữa Bapak và Ibu, sự kết hợp tâm linh giữa vợ và chồng, như điều Thượng Đế muốn cho những tạo vật của Ngài có được ngay từ lúc ban đầu. Câu chuyện về sự qua đời của Ibu thực sự là điều khuyến khích tôi, và là một nguồn cảm hứng để tôi quy thuận Thượng Đế. Nó khiến tôi nhận thức được chỉ có ân huệ và lòng nhân từ của Thượng Đế mới tạo cho ta lối sống chân chính cùng với lối chết chân chính. Những lối hành đạo và tập tục của tôn giáo chẳng có kết quả gì, như việc đọc những câu kinh Koran cho người đang chết không hiểu được tiếng Ả Rập. Điều hệ trọng là có sự hướng dẫn của Thượng Đế trong lúc sống cũng như chết.

Do thí dụ về Ibu, tôi nhận được một sự hiểu biết khá hơn về những gì Bapak muốn nói, khi nói rằng chúng ta phải chết một cách sáng suốt. Điều đó chỉ có thể xảy ra, nếu linh hồn chúng ta được làm cho thức tỉnh và phát triển tới khả năng tối đa của nó bởi cái quyền năng của Thượng Đế mà chúng ta nhận được qua latihan kedjiwaan, trong khi chúng ta vẫn còn trên thế gian này. Bây giờ thì tôi hiểu được tại sao ngay cả với đức giáo hoàng John đã không có một chứng cứ về một sự sáng suốt tâm linh, vì tâm linh ông đã chưa thức tỉnh và sống lại, ông đã chỉ chết như Stalin, hay nhạc mẫu tôi, trong khi tâm linh chưa sáng suốt.

Cũng do thí dụ về Ibu, tôi kết luận sự chết và sự sống không cần phải

là một bi kịch, đầy đau buồn và thương tiếc, hay cực kì kinh khủng vì phải đối diện với cái mà ta không biết gì hết, nhưng điều này có thể như việc đi về nhà, một sự chuyển tiếp êm đềm từ cuộc sống này tới cuộc sống khác nhưng tốt đẹp hơn, trong việc hoàn toàn phó thác cho cái cội nguồn của mọi sự sống là Thượng Đế. Tuy tôi không mong đợi được qua đời như trường hợp của Ibu, nhưng mỗi người chúng ta sẽ tiếp nhận được tùy theo tình trạng tâm linh và cá biệt của mình. Hiện nay thì chúng ta được tạo cho một con đường tiếp nhận được lối chết chân chính qua latihan kedjiwaan Subud, vì Subud đã đến thế gian này để giúp đỡ con người sống và chết theo Ý Thượng Đế. Cầu xin Thượng Đế ban cho chúng ta lòng nhân từ và ân huệ của Ngài, khiến cho chúng ta được quyền năng của Ngài hướng dẫn xuyên qua sự sống và sự chết, để đạt tới cái vận mệnh đích thực theo dự tính của Ngài đối với chúng ta. Về cái chết một ngày nào đó sẽ đến với mình, tôi chỉ có thể cầu nguyện như ngôn sứ Muhammed: "Lạy Chúa, xin Chúa tha thứ những tội lỗi của chúng con, xoá bỏ những hành vi xấu xa của chúng con, và khiến chúng con được chết cái chết của con người chân chính."







